1 . Ăn một bát cháo , chạy ba quãng đồng

( Để được ăn một bát cháo nhỏ , người\_ta phải chạy qua 3 cánh đồng lớn )

2 . Ăn\_quả\_nhớ\_kẻ\_trồng cây

( Là người thu\_hoạch quả , ta hãy biết\_ơn người đã trồng cây )

3 . Ao sâu cá cả

( Ở ao sâu mới có cá lớn )

4 . Bệnh từ miệng vào , hoạ từ miệng ra

( Bệnh\_tật theo đường miệng mà vào , tai\_họa theo đường miệng mà ra )

5 . Biết đâu ma\_ăn\_cỗ

( Ai mà biết được , rằng trong bữa tiệc có con ma? )

6 . Bụt\_chùa\_nhà\_không\_thiêng

( Ngay cả trong chùa của mình mà Phật cũng không\_thiêng )

7 . Cái kim trong bọc lâu\_cũng có ngày lòi ra

( Cái kim giấu trong bao , bất\_kì lúc\_nào cũng có\_thể lộ ra )

8 . Cái\_nết\_đánh\_chết\_cái đẹp

( Đức\_hạnh chiến\_thắng sắc\_đẹp )

9 . Cá lớn\_nuốt\_cá\_bé

( Những con cá lớn ăn thịt những con cá nhỏ )

10 . Cha\_mẹ sinh con,trời sinh tính

( Bố\_mẹ cho con cuộc\_sống , trời cho con\_tính cách )

11 . Chín\_người\_mười\_ý

( Chín\_người có mười\_ý )

12 . Con hư tại mẹ,cháu hư tại bà

( Mẹ chịu trách\_nhiệm với một con\_trai tồi , bà với một cháu tồi )

13 . Con\_mắt là cửa\_sổ của tâm\_hồn

( Đôi mắt là tấm\_gương phản\_chiếu của tâm\_hồn )

14 . Có thực mới vực được đạo

( Ăn trước , đạo\_đức sau )

15 . Dạy\_khỉ trèo câỵ

( Người\_ta không nên dạy\_khỉ\_leo\_trèo )

16 . Đi\_đêm\_lắm\_có ngày\_gặp\_ma

( Ai thường đi ra ngoài ban\_đêm , rồi cũng một lần gặp\_ma )

17 . Đi\_hỏi già,về nhà\_hỏi\_trẻ

( Nếu bạn đi du\_lịch , hãy tham\_vấn người già ; khi về nhà , hãy hỏi\_han tin\_tức từ bọn trẻ )

18 . Đời cha ăn mặn,đời con khát\_nước

( Ăn\_mặn làm cho khát\_nước )

19 . Đói trẻ chớ vội lo,nghèo trẻ chớ vội mừng

( Trẻ mà đói là tuổi\_trẻ giàu\_sang ; trẻ mà giàu là tuổi\_trẻ nghèo\_đói )

20 . Gái có chồng như gông đeo cổ

( Có chồng như\_là như đeo một cái gông cổ bằng sắt )

21 . Giàu\_vì\_bạn , sang\_vì\_vợ

( Người\_ta trở\_nên giàu\_có với sự giúp\_đỡ của các bạn\_bè , được kính\_trọng với sự giúp\_đỡ của người vợ )

22 . Góp\_gió\_thành\_bão

( Những cơn gió nhỏ gộp lại sẽ tạo nên cơn bão )

23 . Gươm hai\_lưỡi , miệng trăm hình

( Con dao chỉ có một , lưỡi con\_người có hơn là một trăm )

24 . Con\_cháu khôn\_hơn ông vải/Trứng khôn\_hơn\_vịt

( Hậu\_sinh tưởng mình luôn thông\_minh hơn là tiền\_bối )

25 . Học phải đi\_đôi với hành

( Không có thực\_hành , thì giáo\_dục cũng vô\_ích )

26 . Hữu\_xạ\_tự\_nhiên\_hương

( Xạ\_hương tự nó đã thơm )

27 . Làm đầy\_tớ thằng khôn còn hơn làm thầy thằng dại

( Làm tôi\_tớ cho một người biết\_điều còn hơn làm\_chủ của một thằng ngốc )

28 . Lo bạc râu , rầu bạc tóc

( Lo\_lắng làm xám râu,sợ hãi và bạc tóc )

29 . Lưỡi sắc hơn gươm

( Lưỡi con\_người sắc hơn là thanh gươm )

30 . Một con ngựa đau,cả tàu/đàn bỏ cỏ

( Một con ngựa ốm , thì toàn\_bộ chuồng đàn chê cỏ )

31 . Một điều\_nhịn là chín\_điều\_lành

( Một lần im lặng,chín lần hạnh\_phúc )

32 . Ngựa non\_háu\_đá

Ngựa non thì thích đá .

33 . Ngừơi làm\_nên của,của không làm\_nên ngừơi

( Con\_người tạo ra giàu có,nhưng giàu\_có không tạo nên con\_người )

34 . Nhanh\_nhẩu\_đoảng

( Nhanh không phải lúc\_nào cũng là tốt hơn )

35 . No ba\_ngày tết , đói 3 tháng hè

( Trong lễ năm mới bạn no được 3 ngày,trong mùa\_hè bạn sẽ chịu đói 3 tháng )

36 . Nói thì dễ , làm thì khó

( Nói\_ra thì dễ , làm mới thấy khó )

37 . Ớt nào là ớt chẳng cay , Gái nào là chẳng hay ghen chồng

( Có ớt nào không cay , có người con\_gái nào - không ghen ? )

38 . Phép\_vua\_thua\_lệ\_làng

( Lệ\_làng bẻ gẫy luật vua )

39 . Quân vô tướng như hổ vô đầu

( Một quân đội,không có người chỉ\_huy : Một con\_hổ không có đầu )

40 . Sông sâu còn có kẻ dò , lòng người nham\_hiểm ai đo cho cùng

( Người\_ta có\_thể đo sông và biển,nhưng trái\_tim con\_người thì không )

41 . Thuận\_vợ\_thuận\_chồng , tát biển\_đông cũng cạn

( Vợ\_chồng hòa\_đồng thì tát nước đại\_dương cũng xong )

42 . Thùng\_rỗng\_kêu\_to

( Chiếc thùng\_rỗng thì kêu\_to nhất )

43 . Thuyền\_theo lái,gái theo\_chồng

( Một cô\_gái không đàn\_ông -Một con thuyền không lái )

44 . Tiền vào nhà\_khó\_như\_gió\_vào nhà\_trống

( Tiền đi qua nhà\_người nghèo,như gió thổi qua túp lều siêu vẹo )

45 . Trăm nghe không\_bằng mắt\_thấy

( Trăm nghe không\_bằng một lần thấy , mười lần thấy không\_bằng một lần làm )

46 . Trẻ\_cậy cha,già cậy\_con

( Người trẻ tính\_toán dựa vào sự giúp\_đỡ của bố . Người già tính\_toán dựa vào sự giúp\_đỡ của con cái )

47 . Tre non dễ uốn

( Một cây tre non dễ để uốn theo tất\_cả các cạnh )

48 . Trèo\_cao\_ngã\_đau

( Cái gì ở trên cao , cũng rơi xuống sâu ) .

49 . Trông\_mặt\_mà\_bắt\_hình\_dong

( Người\_ta nhận\_biết tính\_cách con\_người từ khuôn\_mặt )

50 . Vô hoạn\_nạn , bất anh\_hùng

( Không có tai\_họa , làm gì có các anh\_hùng )

Ác như tôm\_hùm

Ác\_giả\_ác\_báo

An\_bần\_lạc\_đạo

An\_cư\_lạc\_nghiệp

An\_phận\_thủ thường

Án\_binh\_bất\_động

Anh\_em cột chèo

Anh\_hùng không có đất\_dụng\_võ

Anh\_hùng\_mạt\_lộ

Anh\_hùng nhất khoảnh

Anh\_hùng\_rơm

Anh\_hùng tạo thời\_thế

Ao có bờ sông\_có bến

Ao\_liền ruộng\_cả

Ao sâu nước\_cả

Ao\_tù nước\_đọng

Ào\_ào như thác lũ

Áo\_ấm cơm no

Áo đơn đợi hè

Áo\_gấm\_đi\_đêm

Áo đơn lồng áo kép

Áo\_gấm về làng

Ăn\_báo\_cô

Ăn Bắc mặc Kinh ( Bắc= miền bắc,Kinh = ( cố\_đô Huế ) )

Ăn bằng nói chắc

Ăn\_bơ\_làm\_biếng

Ăn bờ ở\_bụi

Ăn\_bớt đọi , nói bớt lời

Ăn bữa hôm lo bữa\_mai

Ăn\_bớt ăn xén

Ăn\_cháo\_đá\_bát

Ăn đơm nói đặt

Ăn cơm trước kẻng

Ăn thùng uống vại

Ăn\_ốc\_nói\_mò

Ăn thủng\_nồi\_trôi\_rế

Ăn như rồng cuốn , nói như rồng leo , làm như mèo mửa

Ăn\_cây\_táo , rào\_cây\_sung

Ăn\_chắc\_mặc\_bền

Ăn cay nuốt đắng

Ăn\_cắp\_như ranh

Ăn\_cắp quen tay , ngủ ngày quen mắt

Ăn cần ở kiệm

Ăn\_cây\_nào\_rào\_cây nấy

Ăn\_quả\_nhớ\_kẻ\_trồng cây

Ăn\_quả vả , trả quả sung

Ăn\_cây\_táo\_rào\_cây\_sung

Ăn\_cháo\_đá\_bát \*Ăn cháo\_lá\_đa

Ăn\_chay\_nằm\_mộng

Ăn\_chay\_niệm\_Phật

Ăn\_chắc\_mặc\_bền

Ăn\_chực\_nằm\_chờ

Ăn\_chưa no lo chưa tới

Ăn chung ở lộn

Ăn chung máng , ở chung chuồng

Ăn\_cỗ\_đi trước , lội\_nước đi sau

Ăn cơm chúa múa tối\_ngày

Ăn cơm có canh , tu\_hành có\_bạn

Ăn cơm lừa thóc , ăn cóc\_bỏ gan

Ăn cơm mới nói\_chuyện cũ

Ăn cơm\_nhà\_vác\_tù\_và hàng\_tổng

Ăn đến nơi , làm đến\_chốn

Ăn cơm\_thiên\_hạ

Ăn\_vóc\_học hay

Ăn\_đất\_nằm\_sương

Ăn đói mặc rách

Ăn đói mặc rét

Ăn\_đong ở\_đợ

Ăn\_đời\_ở\_kiếp

Ăn gan uống máu

Ăn giả làm thật

Ăn giập miếng\_trầu

Ăn\_gió\_nằm\_mưa

Ăn\_gửi\_nằm\_chờ

Ăn hiền ở lành

Ăn\_hương\_ăn\_hoa

Ăn hơn nói kém

Ăn khỏe như thần trùng

Ăn không ăn\_hỏng

Ăn không nên\_đọi , nói\_không nên\_lời

Ăn không\_ngồi\_rồi

Ăn không ngon , ngủ không yên

Ăn không nói có \*Ăn lông\_ở\_lỗ

Ăn\_mày cầm\_tinh bị\_gậy

Ăn\_mày\_đòi\_xôi\_gấc

Ăn\_mày quen ngõ

Ăn mắm mút dòi

Ăn\_mặn\_khát\_nước

Ăn mật trả gừng

Ăn\_tục\_nói\_phét

Ăn nên làm ra

Ăn nên\_đọi , nói nên\_lời

Ăn\_miếng\_trả\_miếng

Ăn\_trắng\_mặc\_trơn

Ăn\_trên\_ngồi trước

Ăn\_tươi\_nuốt\_sống

Ăn\_vụng ngon\_miệng

Ăn\_sung\_mặc\_sướng

Ăn\_sung giả ngái

Ăn\_no ngủ kỹ

Ăn ngay nói\_thẳng

Ăn\_to\_nói\_lớn

Ăn\_xổi\_ở\_thì

Ăn\_trông\_nồi , ngồi\_trông\_hướng

Ăn\_xôi đòi đĩa

B

Bất\_phân\_thắng\_bại

Bụng\_làm\_dạ\_chịu

Bách\_chiến\_bách\_thắng

Ba\_chìm\_bảy\_nổi chín lênh\_đênh

Bờ\_xôi\_ruộng\_mật

Bình\_an\_vô\_sự

Bánh\_ít đi , bánh qui\_lại

Bán\_mặt cho đất , bán\_lưng\_cho\_trời

Bóc\_ngắn\_cắn\_dài

Ba\_chân\_bốn\_cẳng

Bòn tro đãi trấu

Bán\_anh\_em\_xa , mua\_láng\_giềng\_gần

Ba\_chìm\_bảy\_nổi

Ba làng bảy chợ

Bỏ\_thì\_thương , vương\_thì\_tội

Băng\_ngàn vượt bể

Bình\_cũ\_rượu\_mới

Buôn\_thúng\_bán\_mẹt

Buôn thùng bán chậu

Ba\_cọc\_ba\_đồng

Ba\_hồn\_bảy\_vía

Ba\_que\_xỏ\_lá

Bách\_niên\_giai\_lão

Bắt cá\_hai\_tay

Bình\_cũ\_rượu\_mới

Bới\_lông\_tìm\_vết

Buôn tảo bán tần

Có còn hơn không

Cò\_bay\_thẳng\_cánh

Có\_mới\_nới\_cũ

Có qua có\_lại

Có\_tật\_giật\_mình

Con\_nhà\_lính , tính\_nhà\_quan

Còn\_nước còn\_tát

Con\_ông\_cháu\_cha

Con\_dại\_cái\_mang

Con\_sâu\_làm\_rầu\_nồi\_canh

Cùng\_hội\_cùng\_thuyền

Chó treo mèo đậy

Cha nào con nấy

Chân\_lấm\_tay\_bùn

Chân\_cứng\_đá mềm

Châu\_chấu\_đá voi

Cháy\_nhà\_ra\_mặt\_chuột

Chạy\_sấp đập ngửa

Cá\_chậu\_chim\_lồng

Cành\_vàng\_lá\_ngọc

Cáo\_mượn\_oai\_hùm

Có thực mới vực được đạo

Chạy\_đôn\_chạy\_đáo

Cõng\_rắn\_cắn\_gà nhà

Chim kêu vượn hú

Coi\_trời\_bằng\_vung

Con\_dại\_cái\_mang

Chín\_bỏ\_làm\_mười

Cây\_muốn\_lặng mà gió\_chẳng ngừng

Chớ\_thấy\_sóng\_cả\_mà\_ngã\_tay\_chèo

Con\_nhà tông không giống lông cũng giống cánh

Chuột\_sa\_chĩnh\_gạo

Chở\_củi\_về\_rừng

Chó chạy\_cùng rào

Chó\_cắn ma

Con\_giun\_xéo\_lắm\_cũng\_quằn

Chưa thấy quan\_tài chưa đổ lệ

Cần\_cù bù thông\_minh

Chưa đổ ông\_nghè , đã\_đe\_hàng\_tổng

Cây ngay\_không\_sợ\_chết\_đứng

Chết\_cha còn chú , xẩy mẹ bú dì

Chọc\_gậy\_bánh\_xe

Chó\_chê\_mèo\_lắm\_lông

Chó\_cùng dứt dau

Cố\_đấm\_ăn\_xôi

Chia\_ngọt\_sẻ\_bùi

Chết\_vinh\_còn hơn\_sống\_nhục

Chết\_đứng còn hơn\_sống quỳ

Chậm như rùa

Chim\_sa\_cá\_lặn

Có trăng quên đèn

Chung\_lưng\_đấu\_cật

Cầu được\_ước\_thấy

Có công mài sắt , có ngày nên kim

Cua gặp ếch

Có ít nói sít ra nhiều

Cày sâu cuốc bẫm

Cẩn\_tắc\_vô áy\_náy

Cải chửa ra cây

Cờ bí dí tốt

Củi mục khó cháy

Cùm chân xích cánh

Chưa cứng lông\_mao đã rào vẫy đít

Cay như ớt , chát như sung

Chửi cha không\_bằng pha tiếng

Cả\_vú\_lấp\_miệng\_em

Cái\_khó\_ló\_cái\_khôn

Cạn\_tàu\_ráo\_máng

Cầm\_cân\_nảy\_mực

Chân\_nam\_đá\_chân xiêu

Chén\_tạc\_chén\_thù

Chén\_chú\_chén\_anh

Chưa biết mèo nào cắn mỉu nào

Con rồng cháu tiên

Của ít\_lòng\_nhiều

D

Đầu\_đường\_xó\_chợ

Đầu\_trộm\_đuôi\_cướp

Đất rộng trời\_cao

Đi đến nơi , về\_đến\_chốn

Đi\_guốc\_trong\_bụng

Điếc\_không\_sợ sấm

Điếc\_không\_sợ\_súng

Đội\_nón\_ra về

Được\_voi\_đòi\_tiên

Đêm dài lắm mộng

Đặng trăng quên trang

Đầu\_xuôi\_đuôi\_lọt

Đầu\_tắt\_mặt\_tối

Đánh\_rắm siêu khắm

Đầu\_voi\_đuôi\_chuột minh heo

Đã ngọng còn hay lu , đã ngu còn hay chơi\_chữ

Đầu\_bạc\_răng\_long

Đi\_đêm\_lắm\_có ngày\_gặp\_ma

Đi một ngày\_đàng , học\_một\_sàng\_khôn

Đói\_cho\_sạch , rách\_cho\_thơm

Đỉa đòi đeo chân hạc

Đen như cột nhà cháy

Đồng không\_mông\_quạnh

Da\_mồi\_tóc\_sương

Dĩ\_hòa\_vi\_quý

Dở\_dở\_ương\_ương

Dở\_ông\_dở\_thằng

Đa\_nghi\_như\_Tào\_Tháo

Đánh\_trống\_bỏ\_dùi

Đồng không\_mông\_quạnh

Đục\_nước béo\_cò

Được ăn , được nói , được gói mang về .

E

Ếch\_ngồi\_đáy\_giếng

Ếch chết tại miệng

Ế xưng ế xỉa

Ế sặc bọt

Ếch vồ hoa mướp

G

Gần\_lửa\_rát\_mặt

Gà\_đẻ trứng vàng

Giấy\_rách\_phải giữ\_lấy\_lề

Gậy\_ông\_đập\_lưng\_ông

Gần nhà xa ngõ

Giao trứng\_cho\_ác

Giấu\_đầu\_hở\_đuôi

Gần\_đất\_xa\_trời

Gắp\_lửa\_bỏ\_tay người

Giả\_nhân\_giả\_nghĩa

Giang\_sơn gấm\_vóc .

Giận\_cá\_chém\_thớt

Gieo nhân nào gặt quả nấy .

Gieo\_gió\_gặt\_bão

Giơ tay\_mặt\_đặt tay\_trái

Gặp nhau trước lạ sau quen

Giữ cho trong\_ấm\_ngoài\_êm thuận\_hòa

Giàu\_nứt\_đố\_đổ\_vách

Gương\_vỡ\_lại\_lành

H

Há\_miệng\_chờ\_sung

Họa\_vô\_đơn\_chí

Học\_thầy\_không tày học\_bạn

Hổ\_phụ\_sinh\_hổ\_tử

Hổ\_phụ vô khuyển tử

Học\_một hiểu mười

Hoa hòe hoa\_sói

Hóa mù\_ra\_mưa

Hữu\_danh\_vô\_thực

Há\_miệng\_mắc\_quai

Hồng\_nhan\_bạc\_phận

Hổ đầu xà vĩ

Hàng\_tôm\_hàng\_cá

Học ăn\_học nói học gói học mở

Hồn\_xiêu\_phách\_lạc

I

Ích\_nước\_lợi nhà

Ích\_kỉ\_hại\_nhân

Im\_hơi\_lặng\_tiếng

Ít xuýt ra nhiều

K

Không khảo\_mà\_xưng

Không\_thầy\_đố\_mày\_làm\_nên

Không mợ thì chợ vẫn đông

Khôn\_nhà\_dại\_chợ

Khôn\_ba năm\_dại\_một\_giờ

Khẩu\_phật\_tâm\_xà

Khỏe như voi

Khỉ\_ho\_cò\_gáy

Kiến\_bò\_miệng\_chén

Không khảo\_mà khai

Không\_thầy đó mày\_làm\_nên

Kẻ\_tám\_lạng , người\_nửa\_cân .

Kẻ\_cắp\_gặp\_bà\_già

Kén\_cá\_chọn\_canh

Kết\_tóc\_xe\_tơ

Kín\_cổng\_cao\_tường

L

Lá rụng\_về\_cội

Lạt\_mềm\_buộc\_chặt

Lời\_ăn\_tiếng\_nói

Làm trai cho đáng thân trai

Lòng\_lang\_dạ\_sói

Lòng\_vả\_cũng giống lòng\_sung

Lên\_voi\_xuống\_chó

Lên bờ xuống ruộng

Lực bất\_tòng\_tâm

Lên\_thác\_xuống\_ghềnh

Liễu\_yếu\_đào\_tơ

Lá\_lành\_đùm\_lá\_rách

lá xanh trồi biết

Lời\_ăn\_tiếng\_nói

Lo\_bò\_trắng\_răng

Lòng\_vả\_cũng như\_lòng\_sung

M

Muốn sang thì bắc\_cầu Kiều ;

Muốn con hay\_chữ thì yêu lấy thầy ;

Miệng nam\_mô , bụng\_bồ\_dao\_găm .

Múa\_rìu\_qua\_mắt\_thợ

Một\_nắng\_hai\_sương

Mèo\_khen\_mèo\_dài\_đuôi

Mất\_bò rồi mới làm\_chuồng

Mỡ\_để\_miệng\_mèo

Mong được\_ước\_thấy

Múa\_rìu\_qua\_mắt\_thợ

Mưa to gió lớn

Mạt\_cưa\_mướp\_đắng

Máu\_ghen Hoạn Thư

Mẹ\_tròn\_con\_vuông

Miệng\_hùm\_gan\_sứa

Môn\_đăng\_hộ đối

N

Ngưu\_tầm\_ngưu , mã\_tầm\_mã

Nước sông\_công\_lính

Năm\_thì\_mười\_họa

Nói một đằng làm một nẻo

Nhà sạch thì mát , bát sạch ngon cơm

Ngã theo chiều gió

Nhàn\_cư\_vi\_bất\_thiện

Non\_sông gấm\_vóc

Nước\_đục thả câu

Nhanh như cắt

Nhân\_vô\_thập\_toàn

Nhất\_cử\_lưỡng\_tiện

Nước\_chảy\_đá\_mòn

Nước\_mắt\_chảy\_xuôi

Nước\_đổ\_đầu\_vịt

Nước\_đổ\_lá\_khoai

Nuôi\_ong\_tay\_áo

Nuôi cáo trong nhà

No cơm ấm áo

Ngày\_lành\_tháng\_tốt

Nem\_công\_chả\_phượng

Ném\_đá\_giấu\_tay

Ngày\_rộng\_tháng\_dài

Nhà cao cửa rộng

Nhà tranh vách đất

Nước\_lọ\_cơm\_niêu

Nói trước quên sau

Nói phải giữ\_lấy lời

Nhanh như chớp

Nhanh như cắt

Nhát như cáy

Ngậm\_bồ\_hòn\_làm\_ngọt

Nghèo\_rớt\_mồng\_tơi

Nghiêng\_nước\_nghiêng\_thành

Ngồi\_lê\_đôi\_mách

Nát như tương

Nói có sách , mách\_có chứng

Nói\_nhăng\_nói\_cuội

Nói\_toạc\_móng\_heo

Ơ

Ở\_bầu\_thì tròn , ở\_ống\_thì\_dài

Ở hiền gặp lành

Ơn trả\_nghĩa đền

Ơn sâu\_nghĩa\_nặng

P

Phép\_vua\_thua\_lệ\_làng

Phòng\_bệnh hơn chữa bệnh

Phun\_châu\_nhả\_ngọc

Phong gấm lụa\_là

Phi nội tắc ngoại

Phú\_quý\_sinh\_lễ\_nghĩa

Q

Quýt\_làm\_cam\_chịu

Quýt ngọt cam chua

Qua\_cầu\_rút\_ván

Quân\_sư\_quạt\_mo

R

Ruột\_để\_ngoài\_da

Ruộng sâu trâu nái không\_bằng con\_gái đầu\_lòng

Rán\_sành\_ra\_mỡ

Rồng mây gặp hội

Rừng\_vàng\_biển\_bạc

Ra\_ngô\_ra\_khoai

Rối\_như\_canh\_hẹ

Rồng\_đến\_nhà\_tôm

S

Sẩy\_đàn\_tan\_nghé

Sinh\_cơ\_lập\_nghiệp

Sông\_có\_khúc\_người có lúc

Sơn\_hào\_hải\_vị

Sang sông thì phải lụy đò

Sống khôn thác thiêng

Sinh nghề tử nghiệp

Sinh\_sôi nảy\_nở

Say\_hoa\_đắm\_nguyệt

Say\_như\_điếu\_đổ

Sơn\_cùng\_thủy\_tận

Sông\_cạn\_đá\_mòn

Sức\_dài\_vai\_rộng

Rét tháng\_ba bà\_già chết cóng

T

Tan đàn xẻ nghé

Trống\_đánh\_xuôi\_kèn\_thổi\_ngược

Trẻ\_người\_non\_dạ

Tiền\_mất\_tật\_mang

Thắt\_lưng\_buộc\_bụng

Tay\_làm\_hàm\_nhai tay quai miệng trễ

Thua keo này , bày keo khác

Trưởng\_giả học làm sang

Thầy\_bói\_xem\_voi

Tứ\_cố\_vô\_thân

Tránh\_vỏ\_dưa\_gặp\_vỏ\_dừa

Tiên học lễ , hậu\_học văn

Tay\_trắng\_tay đen

Thua me gỡ bài cào

Tham thì thâm

Tham phú phụ bần

Thương cho roi cho vọt , ghét cho ngọt cho bùi

Tắt\_lửa\_tối dèn

Trọng thầy mới được làm thầy

Trăm công ngàn việc

Trời yên biển lặng

Trông\_gà\_hóa\_cuốc

Tre\_già\_măng\_mọc

Thừa\_gió\_bẻ\_măng

Thiên\_la\_địa\_võng

Thấy người sang bắt quàng làm họ

Thẳng như ruột\_ngựa

Thần\_hồn\_nát\_thần\_tính

Thạch\_Sùng còn thiếu mẻ kho

Thả\_hổ\_về\_rừng

Thả\_con\_săn\_sắt , bắt\_con cá\_rô .

Tha\_phương\_cầu thực

Tham\_bát\_bỏ\_mâm

Thả\_mồi\_bắt\_bóng

Tức\_nước\_vỡ\_bờ

Tự\_lực\_cánh\_sinh

Tô\_son\_điểm\_phấn

Tả\_xung\_hữu\_đột

Tai\_bay\_vạ\_gió

U

Uống\_nước\_nhớ\_nguồn

Uổng công phí sức

Ù\_ù\_cạc\_cạc

Úp úp\_mở mở

V

Vạn\_sự khởi\_đầu\_nan

Vô\_thưởng\_vô\_phạt

Vắng chủ nhà , gà\_vọc\_niêu\_tôm

Vắt\_cổ\_chày\_ra nước

Việc\_nhà\_thì\_nhác , việc cô\_bác\_thì\_siêng

Vì thần phải nể cây\_đa

Vắt\_chanh\_bỏ vỏ

Vào\_sinh ra\_tử

Vụng\_chèo\_khéo\_chống

Vỏ\_quýt\_dày\_có móng\_tay\_nhọn

Vạn\_sự\_như ý,an khang thịnh\_vượng

Vườn rộng rào thưa

X

Xuất\_đầu\_lộ\_diện

Xuất\_khẩu\_thành thơ

Xem\_mặt\_mà\_bắt\_hình\_dong

Xôi\_hỏng\_bỏng\_không

Xa mặt cách lòng

Xa sông cách\_núi

Y

Yêu cho roi cho vọt , ghét cho ngọt cho bùi .

Yêu thì củ\_ấu cũng tròn , ghét thì bồ\_hòn cũng méo .

Yếm thắm trôn\_kim

Thành\_ngữ Hán Việt dùng để chỉ những kết\_cấu ngôn\_ngữ rất ổn\_định , phổ\_thông , cô\_đọng về mặt ngữ\_nghĩa thịnh\_hành trong tiếng Trung\_Quốc , được du\_nhập vào Việt\_Nam và sử\_dụng rộng\_rãi từ xưa đến nay .

Đặc điểm

Thành\_ngữ Hán Việt rất đa\_dạng nhưng thường gồm 4 chữ , 5 chữ hoặc 8 chữ , trong đó tỷ\_lệ các thành\_ngữ 4 chữ chiếm số\_lượng lớn đến 75-80%.

Kết\_cấu thành\_ngữ thường theo dạng biền\_ngẫu , đăng\_đối dễ\_dàng nhận thấy trong các thành\_ngữ 4 chữ , hoặc 8 chữ ví\_dụ :

Công\_thành\_danh\_toại - Công\_thành <> Danh\_toại

Đại\_sự hóa tiểu , tiểu sự hóa vô - Đại\_sự <> Tiểu sự

Còn dạng 5 chữ thì hai chữ Hán đầu và hai chữ Hán cuối là hai vế đối\_xứng qua một chữ ở giữa , ví\_dụ :

Đại ngư cật tiểu ngư - Đại ngư < cật > Tiểu ngư

Rất nhiều thành\_ngữ sử\_dụng các điển\_cố văn\_học , là các tích\_truyện xưa có giá\_trị giáo\_dục và ý\_nghĩa lịch\_sử sâu\_sắc . Chẳng\_hạn :

Lục\_lâm hảo\_hán : chỉ người anh\_hùng trong dân\_gian , hoặc bọn cướp trộm tụ\_tập thành bầy . Theo truyện xưa thời Vương Mãng , những kẻ nổi\_dậy chống lại triều\_đình tụ\_họp nhau ở núi Lục\_Lâm .

Bạt miêu trợ trưởng : nhấc mạ lên giúp lúa mau lớn , chỉ sự nóng\_vội làm hỏng việc . Chuyện xưa ở nước Tống có người thấy lúa quá chậm lớn , bèn lấy tay nhấc cho mạ cao lên hơn . Về nhà khoe rằng hôm\_nay đã giúp cho thân mạ lớn lên . Đứa con nghe vậy , chạy ra ruộng xem thì mạ đã khô\_héo cả .

Ma chử thành châm : mài chầy nên kim , mài sắt nên kim . Theo truyện xưa , Lý Bạch hồi nhỏ rất lười học , ham chơi . Một buổi đi chơi thấy một bà lão suốt ngày ngồi cặm\_cụi cầm chiếc chày sắt mài đi mài lại . Lý hỏi làm thế để làm gì , bà lão trả\_lời rằng , mài cho thành chiếc kim khâu . Nhân đó , Lý Bạch tỉnh\_ngộ và chăm\_chỉ học\_hành , về sau trở\_thành nhà\_thơ lớn của Trung\_Quốc cổ\_đại .

Ứng\_dụng

Hàng nghìn thành\_ngữ Hán Việt được sử\_dụng trong tiếng Việt từ xưa tới nay , không\_chỉ bởi những người " thích nói\_chữ " mà rất phổ\_biến trong đời\_sống thường\_nhật , do sự cô\_đọng về mặt ngữ\_nghĩa khiến các thành\_ngữ đó có giá\_trị ứng\_dụng rất lớn . Trong thực\_tế ứng\_dụng thành\_ngữ Hán Việt của tiếng Việt hiện\_đại người\_ta thường gặp các dạng sau :

Sử\_dụng nguyên gốc

Thành\_ngữ Hán Việt thường được sử\_dụng nguyên\_bản từ gốc Hán nếu đó là thành\_ngữ có những từ Hán Việt tương\_đối dễ hiểu , phổ\_thông với đa\_số , chẳng\_hạn :

Tâm đầu\_ý\_hợp

Bách\_chiến\_bách\_thắng

Chiêu\_hiền\_đãi\_sĩ

Vạn\_sự khởi\_đầu\_nan

Trường sinh\_bất\_lão

Vô\_danh\_tiểu\_tốt

Tứ hải giai huynh\_đệ

Tham\_quyền\_cố vị

Sử\_dụng như thành\_ngữ thuần Việt

Cũng không hiếm khi thành\_ngữ Hán Việt được dịch nghĩa để trở\_thành thành\_ngữ Việt , hoặc thành\_ngữ Hán Việt ngẫu\_nhiên trùng nghĩa với một thành\_ngữ do người Việt sáng\_tạo . Trường\_hợp chuyển\_hóa thành\_ngữ Hán Việt thành thành\_ngữ thuần Việt thường gặp đối\_với những thành\_ngữ sử\_dụng thường\_xuyên trong tiếng Việt , nhưng nếu để nguyên gốc sẽ rất khó hiểu , trúc\_trắc về mặt ngôn\_từ , chẳng\_hạn :

Cung\_kính bất\_như tòng mệnh ( thành\_ngữ Hán ) - Cung\_kính không\_bằng tuân lệnh ( thành\_ngữ Việt )

Nhất khái chi luận ( thành\_ngữ Hán ) - Nhìn\_chung mà\_nói ( thành\_ngữ Việt )

Tỉnh đế chi oa ( thành\_ngữ Hán ) - Ếch\_ngồi\_đáy\_giếng ( thành\_ngữ Việt )

Tụ tinh hội thần ( thành\_ngữ Hán ) - Tập\_trung tinh\_thần ( thành\_ngữ Việt )

Thủy trung lao nguyệt ( thành\_ngữ Hán ) - Mò trăng đáy nước ( thành\_ngữ Việt )

Tri\_kỉ tri bỉ ( thành\_ngữ Hán ) - Biết mình biết\_người ( thành\_ngữ Việt )

Đại ngư cật tiểu ngư ( thành\_ngữ Hán Việt ) - Cá lớn\_nuốt\_cá\_bé ( dịch nghĩa )

Sử\_dụng thành\_ngữ phổ\_biến hơn

Một\_số thành\_ngữ Hán Việt được sử\_dụng trong tiếng Việt nhưng ít phổ\_biến hơn một\_số thành\_ngữ Hán Việt khác có ý\_nghĩa tương\_đương , chẳng\_hạn :

Vạn\_cổ lưu phương ( thành\_ngữ Hán Việt ít sử\_dụng ) - Vạn\_cổ lưu\_danh ( thành\_ngữ Hán Việt sử\_dụng thường\_xuyên hơn )

Nhập tình nhập lý ( thành\_ngữ Hán Việt ít sử\_dụng ) - Hợp\_tình\_hợp\_lý ( thành\_ngữ Hán Việt sử\_dụng thường\_xuyên hơn )

Tác\_uy\_tác\_phúc ( thành\_ngữ Hán Việt ít sử\_dụng ) - Tác\_oai\_tác\_quái ( thành\_ngữ Hán Việt sử\_dụng thường\_xuyên hơn )

Thay\_đổi chữ và vị\_trí chữ

Khi được chuyển\_hóa thành thành\_ngữ Hán Việt , nhiều thành\_ngữ gốc Hán đã có sự chuyển\_hóa vị\_trí một\_số chữ Hán hoặc thay một chữ Hán khác cho phù\_hợp với tiếng Việt hơn , chẳng\_hạn :

Xà khẩu\_phật\_tâm ( thành\_ngữ Hán ) - Khẩu xà tâm phật ( thành\_ngữ Hán Việt )

Cửu tử\_nhất\_sinh ( thành\_ngữ Hán ) - Thập\_tử\_nhất\_sinh ( thành\_ngữ Hán Việt )

An\_phận\_thủ kỹ ( thành\_ngữ Hán ) - An\_phận\_thủ thường ( thành\_ngữ Hán Việt )

Nhất lộ\_bình\_an ( thành\_ngữ Hán ) - Thượng\_lộ\_bình\_an ( thành\_ngữ Hán Việt )

Mã đáo công\_thành ( thành\_ngữ Hán ) - Mã đáo thành\_công ( thành\_ngữ Hán Việt )

Nôm hóa một\_số chữ

Một\_số thành\_ngữ Hán Việt được thay\_đổi một\_vài chữ Nôm có nghĩa tương\_đương , ví\_dụ :

Dĩ\_độc\_trị độc ( thành\_ngữ Hán Việt nguyên\_bản ) - Lấy\_độc\_trị độc ( thành\_ngữ Hán Việt đã thay\_đổi chữ )

Văn dĩ tải đạo ( thành\_ngữ Hán Việt nguyên\_bản ) - Văn để tải đạo ( thành\_ngữ Hán Việt đã thay\_đổi chữ )

Sử\_dụng vắn\_tắt

Nhiều thành\_ngữ Hán chuyển sang tiếng Việt đã được vắn\_tắt hóa , tinh\_giản\_hóa thành các cụm\_từ ngắn\_gọn hơn , chẳng\_hạn :

Thương\_hải biến vi tang\_điền ( bãi\_bể thành ruộng dâu , nói về sự thay\_đổi của thế\_sự ) - Dâu\_bể ( giản\_hóa )

Tự tương mâu\_thuẫn ( xung\_khắc với nhau , như cái mâu/giáo đâm gì cũng thủng lại đâm vào cái thuẫn/khiên không gì đâm thủng được ) - Mâu\_thuẫn ( giản\_hóa )

Xảo\_ngôn như lưu ( nói\_năng khéo\_léo trôi trảy như rót vào tai ) - Xảo\_ngôn hoặc Nói\_khéo ( giản\_hóa )

1 . Ách\_giữa\_đàng , quàng\_vào\_cổ : Tự\_ý mình , liên lụy vào việc người khác .

2 . Ai ăn\_mặn , nấy khát\_nước : Ai làm quấy , làm ác thì sẽ chịu hậu\_quả .

3 . Ai chê đám\_cưới , ai cười đám\_ma : Nhà có việc thì tùy sức mà làm , sợ gì thiên\_hạ dòm\_ngó cười\_chê .

4 . Ai đội mũ lệch , xấu\_mặt\_người\_ấy : Ai làm quấy thì thiên\_hạ cười\_chê họ , mình không hơi\_sức đâu\_mà lo bao\_đồng .

5 . Ai giầu ba\_họ , ai\_khó\_ba\_đời : giầu nghèo đều có lúc , giầu\_không nên ỷ của , nghèo không nên thối\_chí .

6 . Ăn bánh\_vẽ : bị gạt bằng những lời hứa suông .

7 . Ăn một bát cháo chạy ba quãng đồng : ăn ít , phải làm nhiều , không đáng công .

8 . Ăn\_cắp quen tay , ngủ ngày quen mắt : điều xấu sẽ thành thói\_quen xấu

9 . Ăn\_cây\_nào , rào\_cây nấy : chịu ơn ai , phải giữ\_gìn , bênh\_vực người\_ấy .

10.Ăn có chỗ , đỗ có nơi : phải có thứ\_tự , ngăn\_nắp , đừng bừa\_bãi , cẩu\_thả .

11.Ăn có\_mời , làm có\_khiến : phải theo kỉ\_luật , đợi lệnh trên khi vào nơi lạ/ ( Thấy cơm thì ăn , thấy việc thì làm , là khi ở chỗ quen ) .

12.Ăn có\_nhai , nói có\_nghĩ : trước khi nói điều chi , phải suy\_nghĩ kĩ như ăn phải nhai .

13.Ăn có thời , chơi có giờ : sống phải có giờ\_giấc , không nên làm theo hứng .

14.Ăn trông\_nồi , ngồi\_trông\_hướng : nên thận\_trọng , tránh lỗi\_lầm về tư\_cách

15.Ăn cỗ\_đi trước , lội\_nước theo sau : người ích\_kỉ , trước lợi\_ích thì sốt\_sắng dành phần , trước khó\_khăn thì giả\_vờ để tránh .

16.Ăn cơm\_nhà nọ , kháo cà nhà kia : nói\_xấu người kia để người này cho mình hưởng lợi hơn .

17.Ăn cơm với bò thì lo ngay\_ngáy , ăn cơm với cáy thì ngáy o\_o : giầu\_có chưa chắc đã được an bình , vô\_tư hơn người nghèo .

18.Ăn cướp cơm\_chim : cậy quyền ăn chận , ăn\_bớt tiền\_bạc của người nghèo .

19.Ăn cháo\_đá\_bát : người vô\_ơn , chịu ơn người\_ta rồi nói\_xấu người\_ta . Hưởng xong rồi phá cho hư , không để người khác hưởng .

20.Ăn chắc\_mặc dày : thành\_thật , không môi mép , không đưa\_đẩy .

21.Ăn cho đều , tiêu cho sòng : nên xử công\_bằng , đứng\_đắn trong việc chi\_tiêu chung .

22.Ăn để sống , không sống để ăn : ăn\_uống để có sức khỏe mà làm\_việc , đừng tham\_ăn\_uống mà bị chê .

23.Ăn kĩ làm dối : chê người ăn thì không bỏ sót , nhưng làm thì giả\_dối cho\_qua lần .

24.Ăn kĩ no lâu , cầy sâu tốt lúa : kinh\_nghiệm , ăn\_uống , làm việc\_gì cũng nên làm kĩ\_càng , hiệu\_quả sẽ tốt hơn .

25.Ăn không , nói có : người đặt\_điều , đưa điều vu\_oan là người xấu .

26.Ăn không , ngồi\_rồi : người không lao\_động , làm\_việc , nhàn\_rỗi , không tốt .

27.Ăn lắm thì hết miếng ngon , nói lắm thì hết\_lời khôn hóa rồ : không nên nói nhiều , kẻo nói lỡ\_lời ( đa\_ngôn , đa\_quá ) .

28.Ăn lúc đói , nói lúc say : khi say rượu thường nói những lời dại\_dột , khó nghe .

29.Ăn mày\_đòi\_xôi\_gấc : nghèo mà ham của sang\_trọng , không xứng .

30.Ăn mặn nói ngay , còn hơn ăn\_chay nói\_dối : không đi\_tu chùa mà ở thật\_thà , còn hơn đi\_tu mà gian\_dối .

31.Ăn một\_miếng , tiếng\_để\_đời : hưởng của bất\_chính , dù ít , cũng mang\_tiếng xấu lâu\_dài .

32.Ăn no ngủ kĩ , chẳng nghĩ điều gì : người không biết lo\_xa , được sung\_sướng , đầy\_đủ , không biết\_nghĩ đến tương\_lai .

33.Ăn ngay nói thật , mọi tật mọi lành : khuyên sống ngay\_thật , đứng\_đắn thì lòng không phải thắc\_mắc lo\_ngại .

34.Ăn ốc\_nói\_mò : người gặp gì nói nấy , không có chi mới\_lạ , không có sáng\_kiến , suy\_đoán dông\_dài .

35.Ăn vóc , học hay : đã biết ăn ngon , phải\_biết học giỏi , học chăm .

36.Ăn xổi\_ở\_thì : tạm\_bợ , không chắc\_chắn , không lâu\_dài , không tình\_nghĩa .

37 . Ba mặt một lời : chuyện xảy ra nhiều người đã nghe , đã thấy , không\_thể nghi\_ngờ , chối\_cãi .

38 . Bán\_anh\_em\_xa , mua\_láng diềng gần : nên quí người\_thân\_cận .

39 . Bán quạt mùa Đông , mua bông mùa\_hè : làm chuyện không hợp\_thời , chỉ rước lấy thất\_bại , bị chê\_cười .

40 . Bắt cá\_hai\_tay : làm hai việc một lúc , lắm khi hỏng cả hai .

41 . Bắt người có tóc , ai bắt kẻ trọc đầu : cư\_xử khôn\_khéo mới có lợi

42 . Bé\_không\_vin , cả gãy\_cành : dạy trẻ phải bắt\_đầu từ nhỏ . Không dạy con khi nó còn trẻ , người còn lạ việc , lớn lên , quen\_thói , không dạy được nữa , không nghe nữa .

43 . Biết\_thì\_thưa\_thốt , không biết\_thì\_dựa\_cột\_mà\_nghe : việc\_gì biết rành sẽ nói , bằng\_không thì\_nên nghe để học thêm .

44 . Bỏ thương , vương tội : bứt rời ra thì không nỡ , mang theo thì khó\_khăn .

45 . Bóc\_ngắn\_cắn\_dài : kiếm được ít tiền mà xài nhiều , không khôn .

46 . Bói\_ra\_ma , quét\_nhà\_ra rác : bới\_móc chuyện người .

47 . Bốc\_lửa\_bỏ\_bàn\_tay : tự mình\_làm nguy cho mình , chuyện hoãn làm ra gấp .

48 . Bới\_bèo\_ra\_bọ : cố làm ra chuyện , dù chẳng có gì .

49 . Bới\_lông\_tìm\_vết : cố gây\_chuyện .

50 . Bớt thù thêm bạn : kéo kẻ\_thù về phía mình , nhờ tha\_thứ , cư\_xử tốt .

51 . Bụt trên tòa , gà nào mổ mắt : nếu kẻ lớn có tư\_cách lớn , kẻ dưới không dám khinh\_nhờn .

52 . Buôn\_thần\_bán\_thánh : kẻ xấu , dựa vào chùa miếu , lấy danh\_nghĩa\_thần\_thánh Phật Trời , lợi\_dụng lòng mê\_tín của người\_ta mà làm tiền .

53 . Cà\_kê\_dê\_ngỗng : nói lôi\_thôi lượt\_thượt hết chuyện này tới chuyện khác .

54 . Cá không ăn\_muối\_cá\_ươn , con cãi cha\_mẹ trăm đường con hư : con cái cãi lời cha\_mẹ , phần\_nhiều đều hư , hơn\_nữa , theo đạo\_hiếu , đó là tội bất\_hiếu thứ nhất trong 3 tội bất\_hiếu .

Thời nay , nhất là ở nước văn\_minh , cần xét lại câu này . Nói\_chung , khi gặp điều không đúng , không vừa\_ý , con cái không nên cãi , nhưng nên nói lại tử\_tế , bình\_tĩnh , kính\_trọng .

55 . Cá lớn\_nuốt\_cá\_bé : thói\_đời , thường mạnh hiếp yếu , cần giáo\_dục đạo làm\_người để bớt cái luật cạnh\_tranh ấy , để\_đời\_sống trường\_tồn , tốt\_đẹp .

56 . Cả\_vú\_lấp\_miệng\_em : ỷ lớn , nhiều lời , không cho đối\_phương lên\_tiếng .

57 . Cách\_mặt xa lòng : khi xa nhau thì quên mất tình\_nghĩa đã có .

58 . Cái áo không làm\_nên thầy\_tu : dáng bên ngoài không đủ nhận\_định giá\_trị con\_người .

59 . Cái gì làm được hôm\_nay , đừng để đến ngày\_mai : không nên chần\_chừ mà hỏng việc .

60 . Cái gương\_tày\_liếp : chuyện xấu to\_lớn đáng để làm\_gương cho người\_đời sau xem đó mà tránh

61 . Cái\_khó\_bó\_cái\_khôn : vì nghèo mà dù khôn\_ngoan , có nhiều sáng\_kiến hay tài nghề cũng không thi\_thố được

62 . Cái miệng hại cái thân : nói nhiều , khoe\_khoang tài hay sức giỏi , chỉ tổ làm hại thân mình

63 . Cái\_nết\_đánh\_chết\_cái đẹp : đàn\_bà có nết được quí\_trọng hơn xinh\_đẹp ( vợ Hứa Doãn là Nguyễn\_thị nhan\_sắc rất kém . Khi làm lễ cưới xong , Hứa Doãn trông thấy vợ xấu muốn lập\_tức đi thẳng , bèn hỏi Nguyễn\_thị rằng :

-Đàn bà có tứ\_đức , nàng được mấy đức ?

-Thiếp đây chỉ kém có " Dung " mà thôi . Kẻ\_sĩ có bách ( 100 ) hạnh , dám hỏi chàng được mấy hạnh ?

-Ta đây có cả bách hạnh .

-Bách hạnh thì " đức " đứng đầu , chàng là người háo\_sắc , không háo đức , sao dám bảo là có đủ bách hạnh ?

Hứa Doãn có sắc thẹn . Từ bấy\_giờ , vợ\_chồng yêu\_mến , kính\_trọng nhau suốt đời. ( Cổ\_học Tinh\_hoa )

64 . Càng cao danh\_vọng , càng dày gian\_nan : lắm khi vì danh\_vọng , địa\_vị cao mà hại đến thân

65 . Cao\_chê\_ngỏng , thấp\_chê\_lùn , béo chê béo trục béo tròn , gầy chê xương\_sống xương sườn phơi ra : cư\_xử\_thế\_nào cũng không vừa\_ý người\_khó\_tính

66 . Cao\_không\_tới , thấp\_không thông : kén\_chọn khó\_khăn , không vừa , không xứng

67 . Có công mài sắt có ngày nên kim : cố\_gắng thì việc khó thế\_nào cũng phải xong

68 . Có cứng mới đứng đầu gió : phải tài\_giỏi mới gánh nổi việc khó

69 . Có\_chí làm quan , có gan làm giầu : có quyết\_tâm gan\_dạ , gặp nguy\_hiểm khó\_khăn không chùn , sẽ làm\_nên sự\_nghiệp

70 . Có đi\_có\_lại mới toại lòng nhau : hưởng của người cần đền\_đáp cho cân

71 . Có gan ăn\_cắp , có gan chịu đòn : làm điều sai quấy phải chịu hậu\_quả , không nên trốn\_tránh

72 . Có hoa hường nào không có gai : gái đẹp nào cũng có mầm\_mống tai\_hại cho đàn\_ông

73 . Có ít xít ra nhiều : việc xảy ra giản\_dị tầm\_thường , nhưng kẻ nói lại thêu\_dệt cho ra\_to\_lớn , có\_thể sinh hậu\_quả không hay .

74 . Có khó mới có\_khôn : làm xong việc khó , người\_ta có thêm kinh\_nghiệm

75 . Có khó mới có mà\_ăn , ngồi\_không ai dễ đem phần tới cho : gặp khó\_khăn vẫn cố\_gắng chịu\_đựng , lướt qua , mới thành sự để hưởng

76 . Có\_lửa mới có\_khói : việc\_gì cũng có nguyên\_nhân

77 . Có\_mới\_nới\_cũ , mới để trong nhà , cũ để\_ngoài sân : thường\_tình , phần\_đông ai cũng yêu\_chuộng của mới\_lạ , nên nâng\_niu chiều\_chuộng và chán vật cũ đã dùng lâu , nên để dẹp lại hoặc ruồng\_rẫy

78 . Có nếp mừng nếp , có tẻ mừng tẻ : an\_phận với nếp sống của mình , không trèo\_đèo , không tham\_vọng . Có con\_trai cũng mừng , con\_gái cũng quí

79 . Có nuôi con mới biết lòng cha\_mẹ : khi nuôi con cực\_khổ mới hiểu công khó và lòng thương con của cha\_mẹ khi mình còn bé

80 . Có ơn phải sợ , có nợ phải trả : đã chịu ơn ai phải nể\_nang họ . Mắc nợ ai , luôn lo\_ngại không trả được , nên chịu ơn và vay nợ là cực\_chẳng\_đã

81 . Có phúc đẻ con biết lội , có tội đẻ con biết trèo : con biết lội , té sông không\_chết , con ham trèo , rủi sẩy tay , có ngày bỏ\_mạng .

82 . Có phúc làm quan , có gan làm giầu : nhà có phúc , có con học giỏi thì được làm quan . Giầu\_có là nhờ gan\_dạ , dám mua\_bán lớn , dám mạo\_hiểm

83 . Có sự thì vái tứ\_phương , không sự đồng\_hương không mất : có tai\_nạn thì cầu Trời khấn Phật , lạy\_lục vái van , bình\_thường thì không biết đến\_Trời Phật . Có việc cần\_kíp thì đến lạy\_lục nhờ\_vả , xong việc thì quên luôn , không ngó tới

84 . Có tài có\_tật : người tài\_giỏi thường ỷ mình mà sinh tật kiêu\_căng tự\_đắc , ỷ tài mà không nghĩ đến ngày sau

85 . Có\_tật có tài : thường có bộ\_phận mang tật thì các bộ\_phận khác nảy\_nở hơn , khéo\_léo hơn , mạnh\_mẽ hơn , vd.người mù thì thính tai thính mũi .

86 . Có tích mới dịch ra\_tuồng : mọi chuyện đều có nguyên\_nhân

87 . Có tiền mua tiên cũng được , không\_tiền mua lược cũng không : có nhiều tiền thì mua chi cũng được , dù mua tiên là nhân vật\_không\_tưởng .

88 . Có tiếng mà không có miếng : được người đồn là có tiền , có tài , nhưng kì\_thực không có

89 . Có thờ có thiêng , có kiêng có lành : có tin\_tưởng thờ phượng thì có linh thánh , biết kiêng\_cữ thì bớt bệnh nạn

90 . Có thực mới vực được đạo : thân\_xác có ấm\_no mới bênh\_vực được đạo của mình

91 . Coi\_người\_bằng\_nửa\_con\_mắt : khinh người , không coi ai bằng mình

92 . Coi\_Trời\_bằng\_vung : tự\_đắc , kiêu\_ngạo , kể mình là tài\_giỏi hơn cả

93 . Con cá sẩy là con cá lớn : sẩy rồi sao biết nó lớn hay nhỏ , nên cứ khoe\_khoang

94 . Con có khóc mẹ mới cho bú : người có quyền\_lợi , có sự đòi\_hỏi mới thỏa\_mãn\_nguyện\_vọng

95 . Con chẳng chê cha khó , chó chẳng chê chủ nghèo : vì tình ruột\_thịt con cái không chê cha\_mẹ , chó đói kiếm\_ăn nơi khác rồi lại về với chủ

96 . Con\_dại\_cái\_mang : con làm điều lỗi thì cha\_mẹ mang trách\_nhiệm không dạy\_dỗ răn\_đe .

97 . Con\_gái giống cha , giầu ba\_mươi họ , con\_trai giống mẹ , khó đến tận xương ( kinh\_nghiệm )

98 . Con\_gái mười bảy bẻ gẫy sừng trâu ( kinh\_nghiệm )

99 . Con\_hát mẹ khen\_hay : vì chủ\_quan , thiên\_vị sinh ra bất\_công

100 . Con\_nhà\_lính , tính\_nhà\_quan : kẻ thấp\_hèn mà học thói xa\_hoa sang\_trọng , kẻ tay\_sai mà lên mặt hống\_hách với dân\_làng , nên bị khinh

101 . Con\_nhà tông không giống lông cũng giống cánh : con cái không giống cha\_mẹ chỗ này cũng giống chỗ khác

102 . Con rô cũng tiếc , con giếc cũng muốn : tham\_lam và do\_dự , được món này muốn món kia , lấy người này tiếc người nọ

103 . Còn mẹ ăn cơm với cá , chết mẹ liếm lá đầu\_đường : có mẹ còn sống con được nuôi\_dưỡng\_tử\_tế

104 . Còn\_nước còn\_tát : còn có\_thể chạy\_chữa thì gắng , cùng\_đường hết\_sức mới thôi

105 . Còn người còn của : còn sống\_còn làm ra của khác , không nên tiếc của mà thiệt\_thân

106 . Còn tiền còn duyên\_nợ , hết tiền hết vợ\_chồng : lấy nhau vì của chứ không vì tình , nên khi hết của , bỏ nhau

107 . Cõng\_rắn\_cắn\_gà nhà : rước\_người\_ngoài về hiếp\_đáp người\_nhà

108 . Công\_nợ trả\_dần , cháo nóng húp quanh : mắc nợ trả từ\_từ thì hết , cháo nóng quá cứ húp quanh bát mãi cũng xong ( húp vội như con\_nhà giầu sẽ bị bỏng miệng )

109 . Cờ\_bạc là bác thằng bần , cửa\_nhà ( ruộng\_vườn ) bán hết tra chân vào cùm : ai cờ\_bạc tất phải nghèo , và khi phạm\_tội cướp\_bóc để có tiền chơi sẽ bị tù\_tội

110 . Cờ\_đến\_tay\_ai\_người\_ấy\_phất : dịp may đến với ai để người\_ấy hưởng

111 . Cơm chẳng lành\_canh không ngọt : vợ\_chồng lục\_đục xào\_xáo cãi\_cọ nhau

112 . Chồng giận thì vợ bớt lời , cơm sôi nhỏ lửa chẳng đời\_nào khê : nín\_nhịn đang cơn cãi\_vã , tránh đổ\_vỡ gia\_đình

113 . Của không ngon , nhà nhiều con cũng hết : nhà đông con , đứa này chê , đứa khác xơi

114 . Của\_chồng , công\_vợ : chồng làm ra , vợ gìn\_giữ , đó là của chung .

115 . Của làm ra để trên gác , của cờ\_bạc để\_ngoài sân : của do công lao làm ra mới đáng giữ , đáng xài

116 . Của người bồ\_tát , của mình lạt buộc : hô\_hào thiên\_hạ làm\_lành\_làm nghĩa , mà chính mình thì sẻn , một\_đồng cũng chẳng bỏ ra

117 . Của rẻ của hôi , của\_để đầu\_hồi là của vứt đi : đồ mua rẻ phần\_nhiều không tốt , vợ\_chồng lấy nhau dễ quá , thường ở\_không bền

118 . Cung chúc tân\_xuân : nhân năm mới , xin cung\_kính chúc\_mừng

119 . Cha\_chung không ai\_khóc : của chung không ai thấy trách\_nhiệm giữ\_gìn

120 . Cha\_mẹ sinh con , trời\_sinh tính : cha\_mẹ chỉ sinh hình\_hài chứ không sinh tính tình

121 . Cháy\_nhà\_ra\_mặt\_chuột : khi vỡ\_lở chuyện , mới thấy kẻ giả đạo\_đức

122 . Chê anh một chai , phải anh hai lọ : bỏ anh chồng say , lấy anh khác lại uống rượu nhiều hơn anh trước

123 . Chết cả đống còn hơn\_sống một người : nêu cao tinh\_thần đoàn\_kết

124 . Chết\_vinh hơn\_sống\_nhục : sống bị chê\_bai , thà chết còn hơn

125 . Chị\_ngã\_em nâng/ Tưởng là chị\_ngã\_em nưng , ai\_ngờ chị\_ngã\_em bưng miệng cười:chị em không biết giúp\_đỡ nhau

126 . Chỉ một đường , đi một nẻo : chỉ dạy cho rành\_rẽ mà làm không đúng

127 . Chín\_bỏ\_làm\_mười : xí\_xóa , bỏ\_qua , dễ\_dãi

128 . Chó\_cậy\_gần nhà , gà cậy\_gần chuồng : ỷ thế địa\_phương , hiếp\_đáp người lạ

129 . Chó đâu có sủa lỗ không , chẳng thằng ăn\_trộm cũng ông\_ăn\_mày : việc\_gì cũng có nguyên\_nhân , có lí\_do

130 . Chó\_gầy\_hổ\_mặt\_người nuôi : người trên để người dưới đói\_khổ

131 . Chó\_ngáp\_phải\_ruồi : thành\_công nhờ may\_mắn , chớ không vì tài\_giỏi

132 . Chó treo mèo đậy : phải cất dịp đi cho người dưới kẻo bị cám\_dỗ

133 . Chơi\_với chó , chó liếm mặt : người trên không đứng\_đắn , kẻ dưới khinh lờn

134 . Chuyện bé\_xé\_ra\_to : chuyện nhỏ , bị thêu\_dệt ra nhiều chi\_tiết

135 . Chuyện người thì\_sáng , chuyện mình thì quáng : ngoài cuộc thấy rõ chi\_tiết chuyện hơn trong cuộc

136 . Chuột\_sa\_chĩnh\_gạo : may\_mắn được làm rể nhà giầu , được vào nơi đầy\_đủ sung\_sướng

137 . Chưa\_đỗ\_ông\_nghè\_đã\_đe\_hàng\_xóm : người hống\_hách , phách\_lối

138 . Chưa hết rên đã quên thầy : quá bội\_bạc , phụ ơn người giúp mình

139 . Chưa khỏi\_vòng đã cong đuôi : như trên

140 . Chửi cha không\_bằng pha tiếng : không nên nhái giọng địa\_phương

141 . Danh chánh ngôn\_thuận : đúng danh\_nghĩa thì làm gì cũng xuôi thuận

142 . Dĩ đức báo\_oán : lấy ơn\_đức xử với kẻ\_thù để tiêu\_diệt mối thù

143 . Dĩ\_hòa\_vi quí : lấy sự hòa\_thuận nhau làm quí nhất

144 . Dùi\_đục\_chấm nước\_mắm : ăn\_nói cộc\_cằn thô\_lỗ khó nghe

145 . Dửng\_dưng như bánh\_chưng ngày Tết : nguội\_lạnh , không muốn để\_ý tới

146 . Đa\_ngôn\_đa\_quá : nói nhiều lỗi nhiều

147 . Đa nhân\_duyên , nhiều phiền\_não : nhiều tình , nhiều khổ

148 . Đã\_trót\_phải\_trét : lỡ làm ra việc\_gì , dù khổ cũng phải theo

149 . Đàn\_ông nông\_nổi giếng\_khơi , đàn\_bà sâu\_sắc như cơi đựng trầu : đàn\_ông suy\_nghĩ xa hơn , mạnh sức hơn đàn\_bà

150 . Đánh\_trống\_bỏ giùi : người nông\_nổi cẩu\_thả , xong việc vứt bỏ bừa\_bãi

151 . Đào vi thượng\_sách : trong nguy\_nan , trốn đi là cách hay hơn cả

152 . Đâm\_bị\_thóc , thọc bị\_gạo : chọc\_tức , khiêu\_khích cả 2 đàng

153 . Đâm\_lao\_phải theo\_lao : lỡ làm ra việc\_gì , dù khổ cũng phải theo

154 . Đầu\_xuôi\_đuôi\_lọt : đầu to mà qua được thì đuôi bé qua dễ\_dàng . Việc khởi\_đầu thường khó mà trôi\_chảy , những việc sau không khó\_khăn chi

155 . Đầu\_voi\_đuôi\_chuột : khởi\_đầu lớn lao , rốt\_cuộc tầm\_thường

156 . Đi dối cha , về nhà dối chú : kẻ\_gian\_xảo , bất\_hiếu

157 . Đi\_đêm có ngày\_gặp\_ma : liều\_lĩnh mạo\_hiểm nhiều lần , thế\_nào cũng có ngày cũng thất\_bại to

158 . Đi\_guốc\_trong\_bụng : tự\_hào hiểu rành\_mạch sự toan\_tính lo\_nghĩ của người

159 . Đi ( ra đường ) hỏi\_già\_về nhà\_hỏi\_trẻ : ngoài đường người già ít khuấy chơi , ở nhà\_trẻ\_con thường nói thật

160 . Đi một ngày\_đàng , học\_một\_sàng\_khôn : đi xa sẽ thêm nhiều hiểu\_biết

161 . Đi với bụt mặc áo\_cà\_sa , đi với ma mặc áo giấy : ăn\_mặc phải tùy hoàn\_cảnh , với người giầu , người nghèo , để khỏi bị khinh

162 . Đoàn\_kết thì sống , chia\_rẽ thì chết/ Một cây làm chẳng nên non , ba cây chụm lại nên hòn núi cao : trước việc khó , chung nhau giải\_quyết sẽ thành\_công

163 . Đói\_ăn rau , đau uống thuốc : đói thì rau gì ăn được cũng ăn , cần no\_bụng . Bệnh thì thuốc gì uống đuợc cũng uống , cần khỏi bệnh .

164 . Đói\_ăn\_vụng , túng\_làm liều : khi thiếu\_thốn khiến người\_ta làm\_việc phi\_pháp bất\_lương .

164bĐói cho\_sạch , rách\_cho\_thơm : khuyên dù nghèo\_đói cũng phải giữ danh\_dự mình

165.Đói đầu\_gối\_phải\_bò : nghèo\_túng bắt\_buộc phải xoay\_xở

166 . Đổi\_trắng\_thay\_đen : người ngược\_ngạo

167 . Đồng\_bạc đâm toạc tờ giấy : tiền\_bạc có thễ thay\_đổi luật\_pháp

168 . Đồng\_tiền liền khúc ruột : tiền\_bạc quý như thân\_thể , nên người\_ta bo\_bo giữ\_gìn

169.Đời cua cua máy , đời cáy cáy đào : cờ\_đến\_tay\_ai\_người\_ấy phấy . Ai có nhiệm\_vụ , họ cũng có sáng\_kiến\_giải\_quyết sự\_việc .

170 . Đời cha ăn\_mặn , đời con khát\_nước : cha làm ác , con chịu hậu\_quả

171 . Đục\_nước béo\_cò : tình\_thế lộn\_xộn là dịp tốt cho kẻ trục\_lợi

172 . Đứng\_mũi\_chịu\_sào : giữ vai quan\_trọng , chịu trách\_nhiệm cho tất\_cả

173 . Đứng\_núi\_này trông\_núi\_nọ : không an\_phận , lúc\_nào cũng phân\_bì

174 . Được\_chim\_bẻ\_ná , được\_cá\_quên\_nơm : được việc rồi , quên ơn , bỏ người đã giúp mình nên việc

175 . Được đàng chân , lân đàng đầu : tham\_lam

176 . Đứt\_dây\_động\_rừng : nói một người , người khác nghĩ\_ngợi

177 . Được làm\_vua , thua\_làm\_giặc : trong cuộc tranh\_chấp , kẻ thắng được hơn , người thua chịu kém

178 . Được lòng ta , xót\_xa lòng người : phần mình sướng , tội\_nghiệp phần người

179 . Được tiếng khen ho\_hen chẳng còn : được khen , nhưng mình mất quá nhiều công\_sức

180 . Được\_voi\_đòi\_tiên : ( giống câu 175 ) quá tham\_lam

181 . Đường\_đi\_ở miệng : tới nơi lạ phải chịu hỏi người

182 . Đường\_đi hay tối , nói\_dối hay cùng : nói\_dối quanh rồi cũng bị lộ

183 . Đứa ( người ) đi chẳng bực bằng người chực nồi\_cơm : chờ\_chực thời\_gian tâm\_lí ra như dài , sốt\_ruột

E

184 . Ép dầu ép mỡ , ai nỡ ép duyên : việc hôn\_nhân con cái , cha\_mẹ nên hướng\_dẫn hơn\_thiệt , không nên ép\_buộc

185 . Ếch\_ngồi\_đáy\_giếng , coi\_trời\_bằng\_vung : người học ít mà tự\_phụ , như ếch chỉ thấy trời to như miệng giếng thôi

G

186 . Gà\_chết vì tiếng gáy ( gà tức nhau vì tiếng gáy ) : con\_người bị\_hại thường do lời mình nói\_ra khoe\_khoang

187 . Gai trên rừng ai vót mà nhọn , trái trên cây ai vo mà tròn : mọi sinh\_vật kể\_cả tâm tánh con\_người , đều do một Đấng Thiêng\_liêng tạo ra , không ai muốn thế này hay thế khác mà được

188 . Gái có chồng như gông đeo cổ , gái không chồng như phản gỗ long đanh : cuộc hôn\_nhân có những đau\_khổ , nhưng người\_ta chấp\_nhận bước vào

189.Gái ngoan làm quan cho chồng : giúp chồng học làm quan , giúp chồng lên chức

190 . Gái tham tài , trai tham sắc : thường con\_gái thích lấy chồng giầu , con\_trai thích lấy vợ đẹp

191 . Gậy\_ông\_đập\_lưng\_ông : mình chịu hại do mình gây ra

192 . Gần\_mực\_thì\_đen , gần\_đèn\_thì\_sáng : ảnh\_hưởng nhau , gần ai giống người\_ấy

GI

193 . Già rồi còn chơi\_trống\_bỏi : chê người già lấy vợ trẻ , người già\_còn mê nhan\_sắc

194 . Già bát canh , trẻ manh áo mới : nhờ canh già ăn ngon , nhờ áo đẹp trẻ ngủ ngon

195 . Già\_néo\_đứt giây : điều\_kiện khó quá , đòi\_hỏi quá sẽ hỏng việc

196 . Già sinh tật như đất sinh\_cỏ : người già thường lẩm\_cẩm , khó\_tính , trách\_móc , nhiều đòi\_hỏi

197 . Giầu đâu ba\_họ , khó đâu ba\_đời : đừng tự\_hào cũng đừng nản

198 . Giàu\_tham\_việc , thất\_nghiệp tham\_ăn : thói\_thường chịu\_khó làm giầu thêm , ăn nhiều làm nghèo thêm

199 . Giặc đến\_nhà , đàn\_bà phải đánh : khi có giặc , đàn\_bà cũng có phận\_sự\_như đàn\_ông

200 . Giấy\_rách\_phải giữ\_lấy\_lề : dù nghèo hay sa\_sút cách nào cũng phải giữ tư\_cách

201 . Giận\_cá\_chém\_thớt : giận ai , hay tức\_mình vì duyên\_cớ nào , rồi gặp người nào cũng gây\_gổ , hoặc đánh\_đập con cái

202 . Giấu\_đầu\_hở\_đuôi : giấu một việc mà sơ\_ý , nói\_ra một chi\_tiết , người\_ta biết cả chuyện

203 . Gieo\_gió\_gặt\_bão : làm ra nguyên\_nhân , phải chịu hậu\_quả

204 . Gió\_chiều\_nào\_che\_chiều nấy : tùy thời mà sống , muốn yên\_thân , người không lập trường riêng

205 . Giật\_đầu\_cá , vá\_đầu tôm/giật gấu\_vá\_vai : mượn của người này trả cho người kia

H

206 . Hà\_tiện mà\_ăn\_cháo\_hoa , đồng\_đường\_đồng đậu cũng ra 3 đồng : hà\_tiện không biết tính\_toán

207 . Há\_miệng\_chờ ho : chờ một tai\_vạ sắp tới

208 . Há\_miệng\_chờ\_sung : lười ở\_không , đợi bữa ăn

209 . Há\_miệng\_mắc\_quai : mở\_miệng nói điều gì là đụng\_chạm , bị bắt lỗi , bị vạ

210 . Hai bàn\_tay\_trắng : nghèo không có tiền\_bạc chi cả

211 . Hai\_sương\_một\_nắng : cực\_khổ vất\_vả suốt ngày

212 . Hết chuyện nhà , ra chuyện người : người\_nhiều\_chuyện , bới chuyện

213 . Hết khôn dồn dại : nói nhiều quá , lỡ\_lời

214 . Hết\_nạc , vạc xương : ăn cào\_cấu , không chừa lại gì

215 . Hết xôi , rồi việc : ăn xong đi mất , không giúp gì người cho ăn

216 . Hoa thơm đánh cả cụm : tham\_lam , lấy chị , lấy cả em

217 . Họa phúc khôn\_lường : không dò trước được

218 . Học ăn\_học nói học gói học mở : ở đời phải học biết cách sống

219 . Học chẳng hay , cày chẳng biết : đàn\_ông hư , chẳng biết nghề gì

220 . Học\_thầy , không tày học\_bạn : học trong trường và học thêm ngoài đời

221 . Hòn đất ném\_đi , hòn\_chì\_ném\_lại : nói nặng người , bị người chửi lại . Nhận quà người cho , phải liệu cho lại

222 . Hồng\_nhan\_bạc\_phận : đàn\_bà đẹp thường có số\_phận mong\_manh

223 . Hùm chết để\_da , người\_ta\_chết để\_tiếng : tiếng tốt xấu , dù chết vẫn còn

224 . Hùm dữ chẳng ăn thịt con : tình mẹ con bao\_giờ cũng thắm\_thiết , thiên\_tư

225 . Hứng tay dưới , với tay\_trên : người tham\_lam , lừa\_lọc

226 . Hữu chí cánh thành : có\_chí\_thì\_nên , sự\_việc sẽ thành\_công

227 . Hữu\_danh\_vô thực/ Có tiếng mà không có miếng : có địa\_vị , nhưng không có tài điều\_hành

228 . Hữu\_tài\_vô\_hạnh : tài\_ba chưa đủ , nếu đức\_hạnh không tốt

229 . Hữu\_xạ\_tự\_nhiên\_hương : có tài tự\_nhiên người biết , không cần khoe

I

230 . Ích\_kỉ\_hại\_nhân : muốn lợi cho mình , nhưng làm hại người

231 . Ít kẻ yêu , hơn nhiều người ghét : sẽ có hại nhiều

K

232 . Kẻ\_cắp\_gặp\_bà\_già : kẻ ranh\_mãnh gặp người ranh\_mãnh hơn

233 . Kẻ có tình rình người vô\_ý : người ngay\_thật thường thua người gian\_trá núp trong bóng tối

234 . Kẻ kia tám\_lạng\_người này nửa\_cân : 2 bên bằng nhau , 1 cân\_ta có 16 lạng ( lượng )

235 . Kén\_cá\_chọn\_canh : chọn bạn\_trăm năm cách kĩ\_càng là điếu tốt , nhưng không nên quá , vì con người\_ta không có ai tuyệt\_đối

236 . Kéo\_cày\_trả nợ : làm\_việc vì phải làm , không sốt\_sắng lắm

237 . Kiếm\_củi 3 năm\_thiêu\_một giờ/ Khôn\_ba năm , dại\_một\_giờ : sự\_nghiệp xây\_dựng rất lâu,chỉ một lúc vô\_ý , dại\_dột mà tiêu\_tan hết , thường nói về trinh nữ...

238 . Kiến\_bò bụng : đói bụng , ví\_như kiến\_bò

239 . Kiến\_tha\_lâu\_cũng\_đầy\_tổ : kiên\_nhẫn mỗi ngày\_một\_ít , lâu ngày thành\_công

240 . Kì\_đà cản mũi : ngăn\_cản việc người khác , vô\_tình hay có ý

KH

241 . Khẩu\_Phật\_tâm\_xà : miệng nói tốt\_lành mà lòng độc dịa hại người

242 . Khen nhà giầu lắm thóc : một lời khen thừa\_thãi

243 . Khéo ăn thì no , khéo co thì ấm : nghèo mà biết tiết\_kiệm thì không thiếu\_thốn

244 . Khéo nói hơn liều\_mạng : ngoại\_giao dàn\_xếp được thì tốt hơn đánh nhau

245 . Khéo\_tay hơn hay làm : làm\_việc có phương\_pháp thì thành\_công hơn

246 . Khéo vá hơn vụng may : người nghèo mà tài thì hơn người giầu\_có

247 . Khỉ\_ho\_cò\_gáy : vắng\_vẻ xa\_xôi , không\_người lui\_tới

248 . Khó\_bó khôn : nghèo không thực\_hiện được\_cái hay của mình

249 . Khó\_người\_khó\_ta : gây khó cho người , người cũng có\_thể gây rắc\_rối lại

250 . Khỏi ( hết ) rên quên thày/ Khỏi\_vòng\_cong đuôi : khi cần thì năn\_nỉ , xong việc thì quên người làm\_ơn

251 . Khố\_rách\_áo\_ôm : nghèo\_khổ không\_nhà\_cửa , không đồ\_dùng

252 . Khôn ăn\_người , dại người ăn : lẽ thường khôn dại trong cuộc tranh sống

253 . Khôn\_ba năm , dại\_một\_giờ : sự\_nghiệp hay tiếng tốt , mất nhiều năm tạo ra , vì lỗi\_lầm trong chốc\_lát tiêu\_tan hết cả , thường nói về cờ\_bạc , trinh\_tiết

254 . Khôn chết , dại chết , biết sống : khôn bị ghét , dại bị gìm , biết địch mạnh thì ẩn , địch yếu thì đánh

255 . Khôn cho người\_ta dái , dại cho người\_ta thương , giở giở ương\_ương tổ cho người ghét : khôn người\_ta nể , dại để học thêm , dại mà ra\_mặt khôn , người\_ta ghét

256 . Khôn đâu đến trẻ , khỏe đâu đến già : trẻ có\_khôn , không\_bằng người\_lớn , già có khỏe không còn trẻ như xưa

257 . Khôn\_ngoan hiện ra\_mặt , què\_quặt hiện ra chân\_tay : người khôn mặt sáng , người què dễ thấy

258 . Khôn\_nhà\_dại\_chợ : nạt\_nộ người\_nhà , khúm\_núm người\_ngoài

259 . Khôn sống mống chết : khôn biết cân\_nhắc , tùy thời , dại cứ cố\_chấp sẽ thiệt\_thân

260 . Không ai giầu ba\_họ , không ai\_khó\_ba\_đời : xưa có thời cứ 3 năm chia lại ruông đất , nghèo mà cố\_gắng có\_thể thành giầu

261 . Không có\_lửa\_sao có\_khói : đã có quả , phải có nhân

262 . Không thành\_công cũng thành\_nhân : lời cụ Nguyễn Thái\_Học VNQDĐ 1930

263 . Không\_thầy\_đố\_mày\_làm\_nên : không nhờ ai chỉ\_dẫn thì không làm\_nên việc

264 . Không\_ưa\_thì\_dưa\_có\_dòi : không thích thì kiếm\_chuyện , bới xấu

L

265 . Lá\_lành\_đùm\_lá\_rách : người khá\_giả giúp người nghèo\_đói

266 . Lá rụng\_về\_cội : con cái dù được ai nuôi\_dưỡng cũng tìm về cha\_mẹ\_đẻ

267 . Lạy\_ông\_tôi\_ở\_bụi này/ Ai\_khảo\_mà\_xưng ) : người dại\_dột , tự cáo tội mình

268 . Làm hoa cho người\_ta hái , làm gái cho người\_ta trêu : lẽ thường , không nên vì bị chọc\_ghẹo mà làm lớn chuyện hại mình

269 . Làm\_khách sạch ruột : làm bộ từ\_chối mà chịu đói bụng

270 . Làm\_lành lánh dữ : làm điều tốt\_lành , tránh điều độc\_ác\_là luật tự\_nhiên con\_người

271 . Làm\_ơn\_mắc\_oán : có\_khi làm\_ơn gây ra oán\_thù , mình bị\_hại

272 . Làm\_phúc nơi nao , cầu\_ao rách\_nát : trách người làm\_phúc chỗ khác mà địa\_phương mình thì không

273 . Làm\_phúc quá\_tay , ăn\_mày không kịp : trách người không biết suy\_tính đấn đo

274 . Làm rể nhà giầu , vừa được cơm no , vừa được bò cỡi : mỉa\_mai người hành\_động chỉ để được ăn\_uống , hưởng lợi

275 . Làm tớ người khôn\_hơn làm thầy kẻ dại : ở với người khôn được nhiều lợi , với người dại mang nhiều tiếng xấu

276.Lành làm\_gáo , vỡ\_làm muôi : khéo lợi\_dụng tất\_cả , không bỏ phí gì , sao cũng được

277 . Lắm\_mối\_tối\_nằm\_không : nhiều nhân\_tình , không ai làm vợ để xây\_dựng làm\_ăn

278 . Lắm\_sãi\_không ai\_đóng\_cửa\_chùa : nhóm đông người , không ai điều\_khiển , không ai để\_ý làm\_việc chung

279.Lắm thầy\_thối\_ma , nhiều cha con khó lấy chồng : nhiều ý\_kiến , không biết theo ai

280.Lấy vải\_thưa\_che\_mắt\_thánh : làm\_việc gian để dối gạt kẻ trên , nhưng bị lộ

281 . Lấy vợ đàn\_bà , làm nhà hướng nam : hướng nam luôn có gió thổi mát cho nhà nghèo

282 . Lấy vợ xem tông , lấy chồng xem giống : kết\_hôn cần chọn con\_nhà đức\_độ , tránh gia\_truyền bệnh\_tật

283 . Lấp sông lấp giếng , ai lấp được miệng thiên\_hạ : miệng đời tự\_do ăn\_nói , khó cản

284 . Lệnh làng nào làng ấy đánh , thánh làng nào làng ấy thờ : việc ai nấy lo , đừng xía vô việc người

285.Lệnh ông không\_bằng\_cồng\_bà : nói về người chồng quá nể hay sợ vợ

286 . Liệu\_cơm\_gắp\_mắm , liệu con gả\_chồng : con\_gái lớn thường sợ lỡ việc hôn\_nhân

287 . Lo cho bò\_trắng\_răng : lo những chuyện không ai cần mình lo

288 . Lon\_ton như con với mẹ : nói\_năng mừng\_rỡ hấp\_tấp vội\_vàng

289.Lời nói\_không mất tiền mua , liệu lời mà\_nói cho vừa\_lòng nhau : nói\_năng phải suy\_nghĩ trước\_sau để được việc mới hay

290 . Lời thật mất lòng/ thuốc\_đắng\_đã tật.../lời thật trái\_tai : tự\_nhiên không thích lời\_nói trái\_tai

291 . Lợn\_lành\_chữa ra lợn\_què : đồ hư ít , chữa xong lại hư nhiều vì không biết sửa

292 . Lợn trong chuồng thả ra\_mà đuổi : tự mình gây ra chuyện khó cho mình

293 . Lửa\_cháy còn đổ dầu thêm : người\_ta đang nóng\_giận , lại nói thêm cho họ giận thêm

294 . Lửa gần rơm lâu ngày cũng bén : trai\_gái thân nhau quá , lâu ngày khó tránh sa\_ngã , vụng\_trộm

295 . Lửa thử vàng , gian\_nan thử đức : phải chờ người qua gian\_nan mới biết giá\_trị

296 . Lực bất\_tòng\_tâm : có lòng muốn , nhưng không có sức làm

297 . Lưỡi\_không\_xương , nhiều đường lắt\_léo : lời\_nói dễ tráo\_trở , hiền ra dữ , làm hư việc , xấu tốt đều do miệng\_lưỡi , nói\_năng

298 . Lưỡi mềm lưỡi còn , răng cứng răng rụng : mềm\_mỏng , nhịn\_nhục tránh được tai\_họa , cứng\_cỏi , háo thắng , thân khó an\_toàn

Jan. 20. 2012 Tạ ơn Mẹ Maria

Tập 2

M

Ma\_cũ\_bắt\_nạt\_ma\_mới : người cũ thường ỷ mình thạo việc , quen nhiều mà chèn\_ép người\_mới

Ma\_chê\_cưới\_trách : những đám\_ma đám\_cưới , dù cử\_hành đúng lễ đến đâu cũng bị người\_ta phê\_bình , chê\_trách , bởi\_lẽ phong\_tục mỗi nơi mỗi khác , ý mỗi người mỗi khác .

Ma trêu quỉ ám : dục\_tình quá mạnh , xúi con\_người mất\_cả lương tri, , quên cả khôn dại,tốt xấu , đến làm\_việc dại\_dột , loạn\_luân

Mang nặng\_đẻ\_đau : chỉ công khó\_nhọc của cha\_mẹ đối\_với con cái khi mang thai nặng\_nề , lắm khi bệnh\_hoạn vì cái thai , lúc sinh con thì phải trải qua cơn đau\_đớn kinh\_khủng , có\_khi chết vì trắc\_trở

Mạnh về gạo , bạo về tiền : giầu\_có đen cũng thay trắng được , sai quấy cũng ra phải được

Máu\_chảy\_ruột\_mềm : người cùng máu\_mủ họ\_hàng bị hoạn\_nạn thì mình cảm\_thấy đau\_đớn lây

Máu loãng còn hơn nước\_lã : bà\_con xa vẫn còn thân hơn người\_dưng

Mất\_trộm mới rào\_giậu : ngày thường không lo , bị\_hại mới đề\_phòng

Mẹ\_gà\_con vịt : không phải con mình sinh ra ( mẹ\_gà\_con vịt chít chiu , mấy\_đời dì\_ghẻ nâng\_niu con chồng )

Mẹ\_hát\_con\_khen\_hay : người cùng bọn tán\_tụng nhau . Óc chủ\_quan chỉ thấy cái hay của phe mình

Mẹ cha nuôi con bằng trời\_bằng bể , con nuôi cha\_mẹ con kể từng ngày : cha\_mẹ nuôi con không tính\_toán , con nuôi cha\_mẹ con\_tính\_toán , hạn\_chế , lẽ thường là vậy

Mẹ\_tròn , con\_vuông : lời chúc đàn\_bà sinh con toàn\_vẹn , không bệnh\_tật , sức khỏe như\_trời tròn , như đất vuông

Mèo\_già\_hóa\_cáo : người tinh\_ranh , càng lớn\_tuổi càng nhiều kinh\_nghiệm gian\_xảo hơn

Mèo\_khen\_mèo\_dài\_đuôi : khoe mình , cái gì mình\_làm ra thì khéo thì hay

Mèo\_mả\_gà\_đồng : trai\_gái tư\_tình hẹn\_hò với nhau

Mền nắn , rắn\_buông : ăn\_hiếp người hiền\_lành , thật\_thà , gặp người cứng\_cỏi thì chịu thua

Miếng\_ăn là miếng nhục : ăn\_uống , quyền\_lợi thường làm cho anh\_em kình\_địch nhau

Miếng giữa làng bằng sàng xó bếp : nghèo được dân\_ca\_ngợi , hơn giầu mà âm\_ỉ trong nhà

Miếng ngon nhớ lâu , đòn đau nhớ\_đời : việc tốt thì\_nhớ hoài , thù sâu ghim vào dạ

Miệng kẻ sang có gang có thép : người quyền quí nói\_ra được tôi\_tớ tuân theo

Miệng nam\_mô , bụng\_bồ\_dao\_găm : miệng nói hiền nhưng lòng ác\_độc

Mỏng\_môi hay hớt : kinh\_nghiệm dân\_gian

Mồ\_cha không khóc , đi khóc đống mối : giầu tình\_cảm , nhưng lầm chỗ

Một câu\_nhịn\_chín\_câu\_lành : nhịn được ai thì hậu\_quả tốt sẽ đến có\_khi không ngờ

Một con én không làm\_nên mùa xuân : một người dẫu tài cũng không làm\_nên việc , cần nhiều người

Một con ngựa đau , cả tàu chê cỏ : đồng\_bọn có tình\_thương nhau , một người mắc nạn , mọi người thông\_cảm

Một\_cổ\_hai\_tròng : một\_mình 2 gánh , vất\_vả , khó liệu

Một chữ nên thày , một ngày nên nghĩa : học với ai ít chữ , lấy nhau chưa lâu,cũng không nên bội\_bạc nhau

Một đời ta , ba\_đời\_nó : không nên hà\_tiện , lấy thân che của

Một giọt\_máu đào hơn ao nước\_lã : bà\_con dầu xa vẫn hơn người\_dưng

Một\_mất\_mười\_ngờ : khi mất vật gì , người\_ta thường ngờ cho tất\_cả những\_ai có\_thể ngờ

Một\_miếng\_khi\_đói\_bằng gói\_khi\_no : giúp người khi họ ngặt\_nghèo mới quí

Một người làm quan , cả họ được nhờ : ở nước chậm tiến người\_ta kiêng\_nể kẻ có quyền

Mở\_miệng\_mắc\_quai : vừa nói một lời đã chịu trách\_nhiệm

Mũ\_ni\_che\_tai , việc ai cũng biết : tu\_hành gác\_bỏ sự\_đời , nhưng lại tò\_mò làm ngược\_lại

Mua danh ba vạn , bán danh ba\_đồng : muốn có danh thơm phải cố\_gắng nhiều , muốn làm hư\_danh thì không khó

Mua pháo mượn người đốt : góp công\_sức mình , mà người khác được khen

Múa vụng chê đất lệch : làm hư việc rồi kiếm cớ đổ\_thừa , không nhận mình dở

Muốn ăn phải lăn vào bếp : muốn được việc phải gắng\_sức

Muốn là được : nếu thật lòng , gắng\_sức làm , sẽ nên công\_việc

Mưa lúc\_nào mát\_mặt lúc ấy : lợi\_dụng hiện\_tại , không nên đòi quá

Mười voi\_không được\_bát\_nước\_xáo : khoe\_khoang , hứa\_hẹn\_mà kết\_quả không\_ra\_gì

Mượn đầu heo nấu cháo : vay chỗ nọ bù\_đắp chỗ kia

Mưu\_sự\_tại\_nhân , thành sự\_tại\_thiên : con\_người tính\_toán , trời cho\_xong việc mới được

N

Nam\_nữ thọ thọ bất thân : quan\_niệm các cụ xưa : trai\_gái trao hay nhận vật gì , không được dùng tay chạm vào nhau

Nằm trong chăn mới biết chăn có rận(rệp ) : có ở trong cuộc mới biết nỗi khó\_khăn của việc\_làm , hay điều xấu của người đồng\_bọn

Năng\_nhặt\_chặt\_bị : góp mỗi lúc một\_ít , lâu ngày sẽ thành nhiều

Nắng\_chiều\_nào\_che\_chiều nấy : không lý\_tưởng , theo thời\_cuộc mà xoay\_xở , bỏ cái cũ

Nâng như trứng , hứng như hoa : nương chiều quá\_lắm

Ném\_đá\_giấu\_tay : làm chuyện mờ\_ám , gây xáo\_trộn để người khác bị nghi oan

Ném\_tiền\_qua\_cửa\_sổ : phung\_phí tiền\_bạc , xài không đúng chuyện

No mất ngon , giận\_mất\_khôn : tức lên nói bừa , lỡ\_lời , gây hại

No ra bụt , đói ra\_ma : người đủ ăn dễ giữ đạo làm\_người , người túng\_thiếu hay làm liều

Nói có sách , mách\_có chứng : lời trình\_bày có nhân\_chứng , vật\_chứng

Nói một đàng , quàng một nẻo : người nói với ý này , người nghe bẻ ra ý khác , sinh cãi\_vã

Nói\_ngọt lọt đến\_xương : lời ngon\_ngọt dễ thấm , chuyện khó thành dễ , chuyện dở hóa lành

Nói như\_đinh\_đóng\_cột : nói chắc một lời , không sửa\_đổi

Nói như nước\_đổ\_lá\_khoai ( môn ) : nói với người không biết nghe , không kết\_quả

Nói\_dối sám\_hối bảy ngày : nói\_dối luôn có\_hậu\_quả tai\_hại

Nồi\_nào\_vung nấy : chồng thế\_nào thì vợ thế ấy , vợ\_chồng rất xứng\_đôi

Nợ\_như\_chúa\_chổm : nói về ông Lê Duy Huyên hồi chưa làm\_vua mắc nợ rất nhiều , sau ông lên làm\_vua Lê Trung Tông nhà\_Lê .

Nuôi\_ong trong tay\_áo : chứa\_chấp nuôi\_dưỡng kẻ không biết\_điều thường bị chúng lấy ơn làm oán mà hại mình .

Nước\_chảy\_đá\_mòn : nước róc\_rách chảy lâu ngày cũng làm mòn đá , người tối\_dạ tới đâu cố\_gắng học cũng giỏi .

Nước đến\_chân\_mới\_nhảy : người không lo suy\_tính trước , nhiều khi lỡ việc .

Nước\_lã vã\_nên hồ : việc chẳng có chi hoặc rất nhỏ mà gây thành chuyện lớn .

Nước\_mắt\_chảy\_xuôi : tình\_cảm giữa người\_thân bao\_giờ cũng bắt\_đầu từ trên đi xuống . Ông\_bà cha\_mẹ thương con\_cháu nhiều hơn là con\_cháu thương ông\_bà .

NG

Ngang như\_cua : nói ngược , không thuận tai , khó được chấp\_nhận

Ngồi\_lê\_đôi\_mách : tới nhà\_ai , kể chuyện hàng\_xóm và chê khen thêm\_bớt .

Ngồi\_mát\_ăn\_bát\_vàng : ở\_không mà được hưởng sung\_sướng .

Ngủ ngày quen mắt , ăn vặt quen mồm : tật xấu dễ thành thói\_quen

Ngựa\_quen\_đường\_cũ : thói\_quen khó\_bỏ , làm\_việc xấu dầu được khuyên\_bảo , cũng nhớ chuyện cũ mà làm quấy lại .

Người ăn\_ốc , kẻ đổ\_vỏ : người được hưởng lợi bỏ đi , kẻ khác đến sửa\_sang tu bổ.

Người ăn thì có , người mó thì không : một đám người hầu\_hết chỉ ăn , không làm\_chi cả .

Người ăn thì còn , con ăn thì hết : cho người\_ta món quà , họ sẽ biếu lại món khác , cho con cái , chúng ăn hết , đâu biếu lại gì

Người bảy\_mươi học người bảy mốt : không ai dám phụ rằng khôn , rằng biết đủ mọi việc dù\_cho học nhiều cũng cần học\_hỏi thêm với người\_lớn\_tuổi có nhiều kinh\_nghiệm .

Người đẹp về lụa , lúa tốt về phân : người dầu không đẹp nhưng biết cách trang\_điểm , mặc quần\_áo tốt cũng dễ\_coi .

Người đi không bực bằng người chực nồi\_cơm : một người đi , người\_ở lại , người\_ở lại muốn biết kết\_quả công\_việc và chờ\_đợi ở\_người kia nên thấy thời\_giờ đi rất lâu .

Người gầy thầy\_cơm : người ốm thường mạnh ăn

Người khôn của khó : người khôn như vật quý rất ít và khó tìm ra .

Người không học như ngọc không mài : người khôn cần học để biết sự\_đời , ngọc quí cần được mài\_dũa để thành vật trang\_sức quý\_giá .

Người là vàng , của là ngãi : mạng người bao\_giờ cũng quí hơn bất\_kì của cải nào dù cao giá đến đâu

Người làm\_sao chiêm\_bao làm\_vậy : người thế\_nào thì ước\_mơ thế ấy , người tham ước được của , người cờ\_bạc ước được tiền , người lành ước\_mơ có dịp giúp người .

NGH

Nghe\_hơi\_nồi\_chõ : hay tin nhà nào có đám tiệc hoặc đình chùa có cúng thì tìm đến kiếm\_ăn .

Nghe như vịt nghe sấm : nghe những lời\_lẽ cao\_siêu , những lời\_lẽ quá tầm hiểu\_biết nên chẳng hiểu chi hết .

Nghèo ( đói ) cho\_sạch , rách\_cho\_thơm : giàu nghèo cũng nên giữ\_mình cho trong\_sạch , không\_gian\_tham , không làm sỉ\_nhục đến thanh\_danh .

Nghèo\_rớt\_mồng\_tơi : nghèo quá không đủ ăn , đủ mặc .

Nghĩa\_tử\_là\_nghĩa\_tận : chết là hết , thực\_ra còn nhiều niềm\_tin khác...

NH

Nhà giầu đứt tay bằng ăn\_mày đổ ruột : nhà giàu không quen cực\_khổ , hễ gặp phải trở\_ngại sơ\_sài hay đau\_ốm chút\_đỉnh là lo\_lắng lăng\_xăng , lại cũng sẵn tiền dám chịu tốn hao , ngược\_lại nhà nghèo đã quen dày\_dạn , và không sẵn tiền , nên để lây\_lất cho\_qua những cơn rủi\_ro

Nhà giầu dẵm gai , bằng nhà\_khó gãy 2 xương sườn : ý\_nghĩa như trên .

Nhà ngói cây mít : cất nhà\_thì\_nên cất nhà cho bền , trồng cây thì\_nên trồng cây mít vì loại này sống\_lâu , nghĩa\_bóng là cơ\_sở vững\_bền .

Nhà sạch thì mát , bát sạch ngon cơm : nhà nào được quét\_dọn sạch\_sẽ , bàn ghế lau\_chùi trơn bóng ai bước vào cũng nghe\_hơi thở nhẹ\_nhàng , không\_khí mát\_mẻ dễ\_chịu . Mâm cơm cũng vậy , bát đĩa láng sạch không có\_mùi hôi , dầu đồ\_ăn chẳng ngon , ai dùng\_bữa cũng thấy ngon .

Nhàn\_cư\_vi\_bất\_thiện : ở\_không hay làm quấy .

Nhát như thỏ\_đế : rất nhát không khác\_gì giống thỏ rừng luôn\_luôn ẩn\_núp trong đám cỏ .

Nhạt như nước ốc : nhạt lắm , không đậm\_đà niềm\_nở .

Nhân\_vô\_thập\_toàn : làm\_người không ai vẹn\_tròn được cả mười .

Nhập gia\_tùy\_tục , đáo giang tùy khúc : đến đâu phải trọng phong\_tục ở đó .

Nhất con nhì cháu thứ sáu người\_dưng : về mặt tình\_cảm phải lo con trước rồi mới đến cháu , có thừa lắm mới tới người xa\_lạ .

Nhất\_cử\_lưỡng\_tiện : một công hai việc , làm một lần mà xong cả hai .

Nhất\_nam\_viết\_hữu , thập\_nữ\_viết\_vô : dầu chỉ có một con\_trai cũng được kể là con mình , còn người con\_gái cũng kể như không có . Con\_trai có con đều lấy họ nhà mình , con\_gái lấy chồng đều theo họ nhà chồng , đó là quan\_niệm thời trước .

Nhất quỉ nhì ma , thứ ba học\_trò : học\_trò hay nghịch\_ngợm phá\_phách không khác\_gì ma\_quỷ .

Nhất\_nghệ\_tinh , nhất\_thân\_vinh : chuyên một nghề cho giỏi , thì thân được sướng .

Nhất sĩ nhì nông , hết gạo chạy rông , nhất nông nhì sĩ : theo sự sắp hàng ngày\_trước , người theo nghề nghiên\_bút đứng trước người làm\_ruộng , nhưng khi\_đói\_kém thì người làm\_ruộng được đứng trên , vật gì cũng chẳng hơn đồng\_tiền\_bát\_gạo .

Nhất tội nhì nợ : khổ nhất là phạm\_tội , bị gông\_cùm , xa vợ\_con , thứ nhì là mắc nợ lo chạy\_ngược\_chạy\_xuôi . Ở đời cần tránh hai việc đó .

Nhất vợ nhì Trời : lời mai\_mỉa kẻ sợ vợ cho rằng trên đời kẻ ấy coi vợ trên\_hết rồi mới tới Trời , các việc khác ở sau .

Nhi\_nữ\_thường\_tình : tính thông\_thường của phụ\_nữ là yếu\_ớt , hay mủi\_lòng , bịn\_rịn chồng con .

Nhịn\_đói nằm co , hơn ăn\_no phải làm : thà nhịn\_đói mà được ở\_không , sung\_sướng hơn là ăn\_no mà phải làm\_việc , đó là lý\_luận của kẻ lười\_biếng .

Nhiều sãi\_không ai\_đóng\_cửa\_chùa : đông người mà thiếu tổ\_chức phân\_công cho rành thì công\_việc không chạy , việc thì đôi\_ba người dành làm , việc thì không ai ngó tới .

Nhổ râu\_ông\_nọ\_cắm\_cằm\_bà\_kia : làm\_việc lộn\_xộn , việc của ngưòi này cho là của người khác .

Như mèo thấy mỡ : mèo thích mỡ , mừng\_rỡ vì bắt\_gặp điều mong\_ước đúng ý\_nguyện hay sở\_thích

Ô

Ông\_ăn\_chả\_bà\_ăn\_nem : vợ\_chồng phân\_bì nhau để tranh nhau làm quấy thường là đi cờ\_bạc hay trai\_gái với người khác .

Ông nói\_gà\_bà\_nói\_vịt , ông bảo làm\_thịt , bà bảo để nuôi : kẻ nói thế này , người nói thế khác không hợp\_ý nhau rồi kiếm\_chuyện cãi nhau .

Ông thầy khoe tốt , bà\_cốt khoe hay : ai cũng khoe tài mình để kể công .

Ông Trời còn chẳng\_vừa\_lòng thiên\_hạ : trời\_đất tuy rộng\_lớn người\_ta còn có chỗ hờn như mưa chiều nắng gió...không ai ở cho vừa\_lòng người , hễ được lòng người này thì mất\_lòng người kia , vì quyền\_lợi cá\_nhân luôn\_luôn xung\_đột , ý mỗi người mỗi khác .

Ơ

Ở bẩn sống\_lâu : lời tỏ sự lời biếng .

Ở\_bầu\_thì tròn , ở\_ống\_thì\_dài : do ảnh\_hưởng của hoàn\_cảnh , của giáo\_dục , của sự chung\_đụng hằng ngày mà con\_người có tính tốt hay xấu

Ở chọn nơi , chơi chọn bạn : nếu biết chọn nơi cao\_ráo mát\_mẻ hay tiện\_lợi cho cuộc làm\_ăn thì\_nên chọn , cũng nên chọn người tốt mà chơi để học\_hỏi thêm điều hay .

Ở hiền gặp lành : ăn\_ở hiền\_lành thì được nhiều cảm\_tình của người chung\_quanh , nên được nhiều người giúp\_đỡ làm\_ăn xoay sở dễ\_chịu .

Ớt nào là ớt chẳng cay , gái nào là gái chẳng hay ghen chồng : đàn\_bà ai cũng có\_máu\_ghen , mà hễ ghen thì mất sáng\_suốt làm nhiều điều có hại cho gia\_đình và mất danh\_giá của\_chồng . Làm đàn\_ông phải biết\_điều đó mà tránh cho vợ ghen tương .

PH

Phấn giồi mặt ai nỡ giồi chân : theo lẽ thường ở đời ai cũng làm điều phải để nêu danh thơm tiếng tốt .

Phóng lao\_phải theo\_lao : đã bắt\_đầu làm việc\_gì , dầu khó cũng phải theo tới cùng mới hay

Phú\_quí sinh\_lễ\_nghĩa : giàu\_sang rồi bày\_đặt khuôn\_phép nọ\_kia cho rắc\_rối .

Phúc\_đức\_tại\_mẫu : con nhờ đức của mẹ .

Q

Qua\_sông\_phải lụy đò : Muốn qua\_sông\_phải năn\_nỉ người\_ta chở thuyền đò . Muốn xong việc mình phải hạ\_mình năn\_nỉ người giúp .

Quan\_nhất\_thời , dân\_vạn\_đại : người chức việc chỉ làm một thời\_gian dài vắn , còn dân thì làm dân muôn\_đời , dầu chức\_trọng\_quyền cao\_thế\_nào khi về già cũng trở\_về với dân

Quen\_mui thấy mùi ăn mãi : được lợi một lần ăn quen khai\_thác mãi .

Quí\_hồ\_tinh\_bất\_quí\_hồ\_đa : cái quý là ở chỗ tinh ròng , phẩm\_chất , chớ không ở số nhiều về lượng

Quít làm\_cam\_chịu : người này gây tội\_mà người khác bị oan\_ức .

Quốc\_gia hưng\_vong , thất\_phu hữu\_trách : nước\_nhà còn hùng hay phải mất , một người dân\_thường cũng có trách\_nhiệm

R

Ra đường hỏi\_già , về nhà\_hỏi\_trẻ : việc ngoài đường thì\_nên hỏi người\_lớn , người\_quen , việc trong nhà\_thì\_nên hỏi\_trẻ vì chúng hay nói thật , không biết dối quanh .

Rán\_sành\_ra\_mỡ : có ít muốn lợi nhiều .

Râu\_ông cắm\_cằm\_bà : lấy chỗ nọ vá chỗ kia để làm lợi cho mình .

Rối\_như\_canh\_hẹ : chuyện khó giải\_quyết . Hẹ nấu chín rối vào nhau khó múc .

Rủ nhau làm\_phúc , chớ rủ nhau đi kiện : nên kiếm người làm tốt , hơn là rủ nhau đi kiện\_cáo , gây thù\_oán .

Rút giây động\_rừng : nói một người động những người khác

Ruộng bề\_bề không\_bằng nghề trong tay : ruộng\_đất rộng , tiền của nhiều chưa hẳn là sung\_sướng , vì còn sợ lo mất\_trộm , có ngày phải đói , nhưng có sẵn một nghề trong tay thì không\_sợ đói .

Rượu\_vào\_lời\_ra : rượu uống vào thì ngà\_ngà say rồi sinh hứng nói\_chuyện lung\_tung nhiều khi đến cãi nhau .

S

Sa\_cơ\_lỡ\_bước : rủi\_ro , lầm\_lỡ trong một lúc mà hại lâu

Sai\_một\_li\_đi một\_dặm : tính sai\_một bước , việc có\_thể thất\_bại to .

Sáng tai ọ , điếc tai cày : người làm\_biếng , bảo nghỉ thì nghe rất rõ nghỉ liền , nhưng bảo làm thì giả\_bộ không nghe cứ lờ đi mà chơi mãi .

Sau cơn mưa trời lại sáng : hết hoạn\_nạn đến vinh\_quang .

Sẩy cha còn chú , sẩy mẹ bú dì : em\_trai thường giúp anh , em\_gái sẵn\_lòng giúp mẹ

Sẩy\_đàn\_tan\_nghé : trâu con mà bị lạc đàn tức\_thì bị thú\_dữ ăn thịt . Còn trẻ mà bỏ\_cha\_mẹ ở nhà đi\_hoang thế\_nào cũng hư .

Sấm bên đông động bên tây : nói người này để nhắc nhớ người khác .

Sinh con ai dễ sinh lòng : mẹ sinh hình\_hài con cái còn lòng nó thì tự nó có hoặc do ảnh\_hưởng bên ngoài hoặc do Trời ban cho .

Sinh , lão , bệnh , tử : sinh ra , rồi già , rồi bệnh , rồi chết , 4 cái khổ của con\_người theo Phật\_giáo .

Sinh\_kí , tử qui : sống ở , chết về . Quan\_niệm xem đời là cõi tạm , chỗ ở đời\_đời là niết\_bàn hay thiên\_đàng , bởi\_vậy sống không mừng , chết\_không\_sợ .

Sinh\_li\_tử\_biệt : sống thì xa nhau , chết thì biệt hẳn.Cảnh đau\_đớn giữa người\_thân với nhau .

Sinh\_vô\_gia\_cư , tử\_vô\_địa\_táng : quá nghèo sống không\_nhà\_ở , chết\_không đất chôn .

Sông\_có\_khúc , người có lúc : sông\_có\_khúc cạn khúc sâu , khúc quanh khúc thẳng , con\_người có lúc làm\_nên , có lúc suy\_sụp , bởi\_vậy không nên nản\_chí

Sống\_chết\_mặc\_bay , tiền thầy bỏ\_túi : xem\_mạch bắt thuốc xong thì lấy tiền , còn bệnh có lành hoặc có chết , làm\_nên hay hư\_không cần biết đến nữa .

Sống để\_bụng , chết\_mang theo : giữ việc bí\_mật cho đến chết chớ chẳng\_nói\_ra hoặc ôm mối thù trong lòng để chờ ngày trả\_thù cho bằng được

Sống\_đục\_sao\_bằng chết trong : sống một đời nhục\_nhã sao\_bằng chết mà danh được trong\_sạch

Sống khôn chết thiêng : khi còn sống đã có trí\_khôn hiểu\_biết mọi việc bây\_giờ chết rồi cũng nên linh\_thiêng mà chứng\_giám phù\_hộ .

Sống\_tết , chết\_giỗ : cha\_mẹ còn sống thì mình phải nuôi\_dưỡng kính\_trọng , mỗi ngày tết trong năm đều phải có lễ tết cho cha me , khi chết thì thờ\_kính cúng\_giỗ đàng\_hoàng .

Sợ người nói phải , hãi người cho ăn : người nói phải sử xự đàng\_hoàng mình sợ đã\_đành , người mà mình\_làm công để sống cũng phải sợ , vì không vậy mình sẽ mất bát cơm .

Suy\_bụng\_ta ra\_bụng\_người : ý mình thế\_nào thì ý người khác cũng vậy , nên ăn\_ở thế\_nào cho\_phải , chứ đừng dành cả phần lợi cho mình mà để thiệt cho người . Bụng mình xấu rồi tưởng người\_ta cũng xấu như mình .

Sư nói sư phải , vãi nói vãi hay : óc chủ\_quan khiến ai cũng thấy chỉ có mình là hay\_là giỏi , nhất là hay dành phần phải về mình .

T

Tai\_bay\_vạ\_gió : tai\_họa từ đâu đến cách bất\_ngờ .

Tai\_nghe không\_bằng mắt\_thấy : nghe lời đồn\_đãi hoặc nghe người nói lại không đáng tin bằng chính mắt mình thấy .

Tai\_vách\_mạch\_rừng : trẻ vô\_tình nghe\_lóm câu\_chuyện rồi đồn\_thổi ra ngoài , dù mình chỉ nói với người\_thân trong nhà .

Tay\_làm\_hàm\_nhai : nghèo làm bữa\_nào ăn bữa nấy chứ không có dư .

Tay\_xách\_nách\_mang : mang xách đùm đề .

Tam\_sao\_thất\_bản : sao đi chép lại vài lần thì sai hẳn nguyên\_văn . Kẻ nói đi người nói lại không\_thể đúng sự\_thật được .

Táng\_tận\_lương\_tâm : tàn\_nhẫn , làm một việc hết\_sức độc\_ác không kể tình\_nghĩa hay phải\_trái chi cả .

Tắt\_lửa\_tối\_đèn : lúc nhà có việc bất\_cứ lớn\_nhỏ đều cần có lối\_xóm giúp\_đỡ .

Tiên học lễ hậu\_học văn : trước học cách sống , sau học chữ\_nghĩa

Tiên\_trách\_kỉ , hậu\_trách\_nhân : trước cần trách mình , sau mới trách người .

Tiền dâm hậu thú : lấy trước cưới sau .

Tiền\_mất\_tật\_mang : chữa\_trị hết tiền mà bệnh\_tật vẫn còn

Tiền rừng bạc bể : giàu\_có , tiền\_bạc man vàn

Tiền\_trao\_cháo\_múc : mua\_bán sòng\_phẳng không nợ\_nần

Tiền vào nhà\_khó\_như\_gió\_vào nhà\_trống : nghèo có đồng nào xài hết đồng nấy

Tiếng chào cao hơn mâm cỗ : xã\_giao lịch\_thiệp , kính\_trọng nhau quý hơn miếng\_ăn .

Tiếng lành đồn xa , tiếng dữ đồn ba\_ngày làng : làm phải , làm quấy đều có người hay biết và đồn\_đãi xa\_gần

Tiếng ong\_tiếng\_ve : lời thủ\_thỉ xui\_giục .

To\_gan\_lớn\_mật : bạo\_dạn , dám làm những việc to\_tát , nguy\_hiểm .

Tốt danh hơn lành áo : ăn\_ở hiền\_lành càng sinh nhiều lợi cho có tiếng tốt với đời hơn là lo cái mã cho đẹp .

Tốt gỗ hơn tốt nước sơn : nên trọng cái thực\_chất bên trong còn cái vỏ bên ngoài càng lòe loẹt càng tố\_cáo cái hèn\_kém bên trong . Ca\_dao có câu : “ Tốt gỗ hơn tốt nước sơn , xấu người đẹp nết còn hơn đẹp người ” .

Tốt thì khoe ra , xấu\_xa đậy\_điệm : cái gì tốt thì đem ra khoe , cái gì xấu thì che\_giấu mất đó là tánh tự\_nhiên của người thường . Bởi\_vậy thấy cái gì tốt của người chớ vội tin rằng tất\_cả những gì của người\_ấy cũng đều tốt , biết đâu họ còn nhiều cái xấu đang được che\_lấp . Ngược\_lại , khi biết được\_cái xấu của người\_ta , ta nên thản\_nhiên cho đó là lẽ tự\_nhiên chớ đừng giận sao người\_ta gạt mình hoặc moi\_móc ra\_mà làm cho người\_ta phải xấu hổ.

Tốt lễ dễ xin : nói\_lên tình\_trạng tham\_nhũng , không ngay\_thẳng . Lễ lỡi làm mù mắt quan xét .

Tới đâu hay đó : cứ để sự\_việc xảy ra tự\_nhiên , hi\_vọng sẽ tìm được cách đối\_phó

Tùy\_cơ\_ứng\_biến : tùy việc xảy ra\_mà tìm cách cư\_xử , không theo khuôn\_khổ nào .

Tự\_ti mặc\_cảm : tủi\_phận vì thấy thấp\_kém , dầu có nhiều chỗ khác bằng , hơn người .

Tương\_kính như tân : vợ\_chồng nên kính\_trọng như khách mới sống cả đời với nhau được .

Tửu nhập ngôn xuất : uống rượu\_vào , say\_sưa ăn\_nói lung\_tung .

TH

Tha\_phương\_cầu thực : đi làm\_ăn\_ở xứ xa .

Thả\_mồi\_bắt\_bóng : bỏ cái đã nắm trong tay để theo tìm cái mới\_rồi đặt hy\_vọng vào

Thác\_trong hơn\_sống\_đục : giữ lòng trong\_trắng mà chịu\_chết hơn làm\_việc nhuốc\_nhơ để được sống .

Thay trắng đổi đen : mưu\_mẹo gian\_xảo , thay\_đổi sự\_việc

Thay\_lòng\_đổi\_dạ : ăn\_ở bội\_bạc với người cũ , trước thương sau ghét , trước trung\_hậu , sau phản

Tham bữa cỗ bỏ bữa\_cày : bữa cỗ ngon cũng kém hơn bữa\_cày

Tham\_quyền\_cố vị : ham quyền chức mà tìm đủ cách để củng\_cố địa\_vị không kể quyền\_lợi chung của dân của nước , người nước nào cũng nhiều kẻ như vậy

Tham\_sinh\_úy\_tử : thói\_thường người\_ta ai cũng ham\_sống\_sợ\_chết .

Tham tài hiếu\_sắc : người nữ muốn lấy chồng giỏi , người nam muốn lấy vợ đẹp

Tham thì thâm : người tham\_lam hay làm điều càn dỡ không cân\_nhắc lợi\_hại .

Tham thực cực thân : ham ăn , ăn nhiều quá thường sinh hại thân . Vì quá tham\_lam danh\_lợi mà làm điều phi\_pháp phải tù\_đày cực khổ.

Tham trăng quên đèn : mê người có sắc\_đẹp hơn hoặc giàu\_có hơn mà ruồng\_rẫy vợ/chồng cũ

Tham\_vàng\_bỏ nghĩa : vì miếng mồi danh\_lợi mà phải bỏ cái nghĩa đáng\_lẽ mình phải giữ đối\_với một người nào\_đó .

Thanh\_thiên\_bạch\_nhật : thời\_gian giữa ban\_ngày

Thao\_thao\_bất\_tuyệt : nói hay viết cách trôi\_chảy , không vấp

Thăm\_ván\_bán\_thuyền : Người bội\_bạc , vừa quen người\_mới , đã phụ\_bạc người cũ . Vừa biết có ván tốt , đã tính bán chiếc thuyền đang dùng .

Thắm lắm phai nhiều : cái gì quá\_độ cũng chóng nhạt\_phai

Thằng chết cãi thằng khiêng : đã thất\_bại lại còn chống\_chế với người đang tìm phương\_cách cứu mình .

Thắt\_lưng\_buộc\_bụng : ăn\_tiêu dè\_dặt , tiết\_kiệm lại , sợ thiếu\_thốn về sau .

Thầy\_bói nói dựa : phần\_nhiều thầy\_bói chỉ dựa theo lời hay sắc mặt của thân\_chủ mà đoán , nếu thấy sai họ mau\_miệng sửa lại .

Thấy của tối\_mắt : thấy tiền của nhiều quá thì động\_lòng\_tham , không nghĩ đến nhân\_nghĩa hay luật\_pháp .

Thấy người sang bắt quàng làm họ : thấy ai được thiên\_hạ yêu\_chuộng hay kính\_nể thì tìm cách làm\_thân .

Thần\_giao\_cách\_cảm : sự giao\_cảm giữa hai người\_ở cách xa hai nơi .

209 . Thập\_tử\_nhất\_sinh : lúc bệnh nặng , coi như sắp chết

210 . Thất\_bại là mẹ thành\_công : nhờ thất\_bại mà có kinh\_nghiệm để thành\_công . Không nên thối\_chí mà bỏ .

211 . Thật\_thà\_là cha quỷ\_quái : gian\_dối xảo\_quyệt thế\_nào cũng không quí bằng thành\_thật

212 . Thật\_thà như đếm : thật\_thà lắm , việc chi biết chắc mới nói chứ không đoán\_chừng .

213 . Theo\_đóm\_ăn\_tàn : nịnh\_bợ , dù hưởng lợi không là bao

214 . Thề\_sống\_thề\_chết : nhất\_định đem mạng sống ra thề cho người\_ta tin .

215 . Thế\_thái\_nhân\_tình : thói\_đời và tình\_người .

216 . Thiên\_thời , địa\_lợi , nhân\_hòa : ba điều\_kiện chính để thành\_công : vận trời , thế đất , lòng người

217 . Thọc\_gậy\_bánh\_xe : bày ra điều làm trở\_ngại công\_việc của người\_ta đang tiến\_hành .

218 . Thợ\_may ăn giẻ , thợ mã ăn hồ : làm nghề gì cũng có ăn\_gian chút\_đỉnh đó là việc nhỏ\_mọn thường\_tình , nên bỏ\_qua

219 . Thơm ( Tốt ) danh hơn lành áo : ở đời giàu nghèo mà được tiếng tốt , hơn giàu mà mang\_tiếng xấu .

220 . Thua trời\_một vạn , không\_bằng thua bạn một\_ly : thua Trời là tự\_nhiên , đừng để thua bạn cùng giống với mình

221 . Thuận\_vợ\_thuận\_chồng tát bể đông cũng cạn : trong nhà vợ\_chồng hòa\_thuận nhau thì việc chi dầu khó mấy cũng xong .

222 . Thuốc\_đắng giã tật , lời thật mất\_lòng : thuốc\_đắng trị mau lành bệnh , lời thật khó nghe nhưng rất có\_ích để nên tốt .

223 . Thức khuya mới biết đêm dài , ở lâu mới biết lòng người có nhân : thời\_gian minh\_chứng cho\_biết hơn\_thiệt

224 . Thương con cho roi cho vọt , ghét con cho ngọt cho bùi : nuông\_chiều con là làm cho con hư\_hỏng , không nhất\_thiết phải đánh\_đập , nhất là khi nóng\_nảy .

TR

225 . Tránh\_vỏ\_dưa , gặp\_vỏ\_dừa : Chê người hay việc không vừa\_ý , lại gặp người hay việc khác còn tệ hơn nhiều .

226 . Tránh ma chẳng\_xấu\_mặt\_nào : thua người mạnh hơn mình về sức\_lực , không bị ai chê\_cười cả .

227 . Trăm con ếch cũng bắt được con ếch : chịu\_khó và bền\_chí thế\_nào cũng thành\_công .

228 . Trăm\_hay không\_bằng tay\_quen : giỏi về lý\_thuyết mà không thực\_hành cũng không\_bằng người làm\_quen giàu kinh\_nghiệm .

229 . Trăm\_voi\_không được\_bát\_nước\_xáo ( giống như mười voi\_không được\_bát\_nước\_xáo ) : nói nhiều , hứa nhiều không có kết\_quả

230 . Trâu\_bò húc nhau , ruồi muỗi chết : hai người , hai phe , hai nước đánh nhau , dân\_chúng hay người\_ở gần bị họa lây .

231 . Trâu\_chậm\_uống\_nước\_đục : chậm chân thì dùng của thừa\_thãi , chịu nhiều thiệt\_thòi

232 . Trẻ\_cậy\_cha , già\_cậy\_con : con còn trẻ nhờ cha\_mẹ nuôi\_dưỡng , che\_chở . Khi cha\_mẹ\_già , nhờ lại con , đó là quan\_niệm gia\_đình của người phương\_Đông .

233 . Trẻ vui nhà , già vui chùa : trẻ\_con làm cho gia\_đình vui\_vẻ , nhờ chúng hay đùa\_giỡn , người già siêng đi chùa , nhà\_thờ làm vui cảnh chùa\_nhà\_thờ

234 . Trèo\_cao té đau : càng ham ở địa\_vị cao , khi thất\_bại , càng khổ\_đau

235 . Trên\_đe\_dưới\_búa : kẹt giữa hai sức\_mạnh không lối\_thoát .

236 . Trên kính\_dưới\_nhường : cách ở đời của người lịch\_sự hay đứa con hiếu\_thảo

237 . Trêu cò , cò mổ mắt : khinh người kém thế hay yếu sức , trong đường cùng để bảo\_vệ danh\_dự người\_ta sẽ chống lại mình .

238 . Trói\_gà\_không\_chặt : người yếu sức không làm\_nên việc lớn .

239 . Trong nhà chưa tỏ , ngoài ngõ đã hay : người có trách\_nhiệm trong nhà chưa hay biết mà tiếng\_tăm đã đồn\_đãi xa\_gần .

240 . Trong đầm gì đẹp bằng sen , gần bùn mà chẳng hôi\_tanh mùi bùn : chung lộn với kẻ xấu mà không giống họ .

241 . Trốn việc quan đi\_ở chùa : tìm cách tránh làm phận\_sự gia\_đình .

242 . Trông\_gà\_hóa\_cuốc : không tinh mắt , trông vật này ra vật khác . Lầm\_lẫn việc này với việc kia .

243 . Trông\_mặt\_mà\_bắt\_hình\_dong , con lợn có béo thì lòng mới ngon : xem\_tướng người mà đối\_xử cách trọng hay khinh

244 . Trống\_đánh\_xuôi\_kèn\_thổi\_ngược : cùng phe mà kẻ nói này , kẻ nói khác .

245 . Trời\_cao có mắt : Trời ở trên cao thấu\_hiểu mọi việc\_làm thiện ác của người\_đời để rồi chẳng sớm thì muộn cũng thưởng\_phạt .

246 . Trời cho hơn lo\_làm : mọi của do làm ra hay do may\_mắn đều có gốc là do trời cho cả .

247 . Trời\_đánh còn tránh bữa ăn : việc quan\_trọng cách nào , cũng phải lịch\_sự , đợi người\_ta dùng\_bữa xong sẽ nói , sẽ làm

248 . Trời\_sinh trời dưỡng : Trời đã sinh con\_người , đồng\_thời cũng lo nuôi\_dưỡng , nếu ta siêng\_năng làm\_việc thì không\_sợ\_chết đói , có bệnh cũng cứ bình\_tĩnh lo thuốc\_thang .

V

249 . Vạch\_áo\_cho người xem\_lưng : bày cái dở cái xấu của mình hay của phe mình một\_cách vô\_ý\_thức cho người\_ta thấy .

250 . Vắng chủ nhà\_gà mọc đuôi tôm : vắng người có quyền trong nhà , kẻ dưới vượt quyền , lên mặt ức\_hiếp bạn\_bè

251 . Vắt\_cổ\_chày\_ra nước : ráo\_riết , khai\_thác triệt\_để .

252 . Vắt\_chanh\_bỏ vỏ : bạc\_bẽo , dùng đến hết\_sức người\_ta , giục bỏ không\_thương\_tiếc

253 . Vặt đầu\_cá , vá\_đầu\_tôm : lấy cái nọ bù vào cái kia , thiếu vẫn hoàn thiếu

254 . Vẽ\_đường cho\_hươu\_chạy : chỉ đường cho người rành việc hơn mình .

255 . Việc người thì\_sáng , việc mình thì quáng : việc của người , mình không\_trách\_nhiệm thì giải\_quyết dễ\_dàng , việc của mình thì khó giải\_quyết êm\_đẹp . Lỗi\_lầm của người , mình đứng ngoài trông thấy rất rõ , lỗi của mình thì mù\_mờ , giấu nhẹm

256 . Việc\_nhà\_thì\_nhác , việc\_chú\_bác\_thì\_siêng : việc của mình , không bị ai thúc\_giục , bỏ\_qua không lo đến , việc của người khác thì tỏ ra sốt\_sắng giúp\_đỡ

257 . Vỏ quít dày , móng\_tay\_nhọn : dầu khôn\_ngoan , lanh\_lợi , xảo\_trá đến đâu , cũng có kẻ đồng tài , hoặc cao hơn chống lại .

258 . Vong\_ân bội\_nghĩa : lời chê\_trách người đã mang ơn rồi tỏ ra bội\_bạc với người\_ấy .

259 . Vơ\_đũa\_cả\_nắm : không phân\_biệt người tốt kẻ xấu , việc hay việc dở .

260 . Vụng\_chèo , khéo\_chống : có lỗi nhưng tìm cách chống\_đỡ để khỏi chịu trách\_nhiệm

261 . Vụng múa , chê đất lệch : làm vụng\_về hoăc sai\_lầm rồi kiếm cớ chạy\_tội .

262 . Vừa\_ăn\_cướp , vừa\_la\_làng : làm quấy lại to\_tiếng thanh\_minh , đánh lạc hướng

X

263 . Xanh\_vỏ\_đỏ\_lòng : tuy xấu bên ngoài , nhưng lòng\_dạ rất tốt

264 . Xấu đều hơn tốt lỏi : đều\_đặn với nhau , còn hơn điều tốt mà so\_le lệch\_lạc

265 . Xấu gỗ hơn tốt nước sơn : hôn\_nhân : trọng người có đức tốt hơn người có sắc\_đẹp

266 . Xấu hay làm tốt , dốt hay nói\_chữ : người xấu\_bụng thì hay khoe tốt cho mình , người dốt lại hay mượn lời của thánh\_hiền nói để loè người\_ta .

267 . Xôi\_hỏng\_bỏng\_không : để hư việc lớn , quay sang việc nhỏ cũng hỏng luôn .

268 . Xởi\_lởi trời gởi của cho , so\_đo trời co\_ro lại : rộng\_rãi với người , Trời ở rộng cho , keo\_kiết với người , Trời\_không cho nữa

269 . Xúc tép nuôi cò : uổng công\_làm việc vô\_ích cho ai mà bị phản\_bội

Y

270 . Y\_phục xứng kì đức : người địa\_vị nào đối\_xử , ăn\_mặc theo vị ấy

271.Yêu con cho roi cho vọt , ghét con cho ngọt cho bùi : cha\_mẹ nuông\_chiều , con sẽ hư

272.Yêu nên tốt , ghét nên xấu : Tình\_yêu che\_lấp mọi khuyết\_điểm , khó\_khăn

273Yêu nhau lắm , cắn nhau đau : càng yêu nhiều , khi giận nhau càng trả\_đũa mạnh

274.Yêu nhau như chị\_em\_gái , dái nhau như chị\_em dâu , đánh nhau vỡ đầu là anh\_em rể : cùng khúc ruột thì tự\_nhiên thân nhau hơn

275.Yêu trẻ trẻ đến\_nhà , kính già , già để tuổi cho : trẻ yêu ai yêu nó , già thích ai trọng mình .

1 . Ông\_chẳng\_bà\_chuộc :

Sự\_tích xưa , có người đánh\_rơi viên ngọc , vợ\_chồng Chẫu\_Chàng bắt được . Người\_ấy xin chuộc lại . Vợ đồng\_ý “ chuộc thì chuộc ” , chồng thì dứt\_khoát “ chẳng chuộc ” . Sự bất\_hòa của vợ\_chồng Chẫu\_Chàng , do nhân\_dân tưởng tưởng ra , đã tạo nên thành\_ngữ này để diễn\_đạt ý không thống\_nhất , không ăn\_khớp giữa người này với người khác . Nhiều thành\_ngữ như “ Trống\_đánh\_xuôi , kèn\_thổi\_ngược ” , “ Ông nói\_gà\_bà\_nói\_vịt ” cũng diễn\_đạt ý này .

2 . Quan xa nha gần : ( Quan thì xa , bản nha thì gần )

Nha là phòng giấy của các quan . Nha\_môn là cửa\_quan . Nha\_lại là những người làm\_việc ở phòng giấy các quan . Ngày\_trước , khi người\_dân có việc kêu kiện , bọn nha\_lại thường làm\_khó\_dễ để vòi tiền . Vì\_vậy mới có câu thành\_ngữ này .

3 . Ra\_môn\_ra\_khoai :

Thành\_ngữ này có nghĩa là rành\_mạch , rõ\_ràng . Sở\_dĩ có thành\_ngữ này là vì cây khoai\_môn và cây khoai\_sọ rất dễ bị nhầm\_lẫn . Khoai\_môn là khoai có thân và lá dùng làm thức\_ăn cho lợn , củ ăn bị ngứa lưỡi , thân\_hình rất giống khoai\_sọ . Thành\_ngữ này thường bị nói lầm “ ra\_ngô\_ra\_khoai ” . Cây ngô và cây khoai không\_thể lầm được .

4 . Rách\_như tổ\_đỉa :

Có người tưởng tổ\_đỉa là tổ con đỉa . Cũng chưa ai biết con đỉa có tổ hay không . Tổ\_đỉa ở thành\_ngữ này là cây tổ\_đỉa , một loại cây thường mọc ở ven bờ ao . Cây tổ\_đỉa có lá như lá cây đinh\_lăng , trông lởm\_chởm và rách\_như xé\_ra từng mảnh nhỏ . Vì\_vậy , ai mặc rách\_rưới quá , người\_ta thường nói “ rách\_như tổ đỉa. ”

5 . Rối\_như bòng\_bong :

Nếu quan\_sát một người ngồi vót nan để đan rổ\_rá , ta thấy những xơ tre nứa mỏng cuộn xoắn vào nhau thành một mớ , khó gỡ ra được . Đó là mớ bong bong . Thành\_ngữ ta còn có câu : rối\_như\_tơ\_vò , rối\_như\_canh\_hẹ , rối\_như gà mắc tóc , rối\_tinh\_rối\_mù . Thành\_ngữ “ rối\_như bong bong ” dùng để chỉ tâm\_trạng hoặc sự\_việc khó gỡ ra được vì không tìm thấy đầu\_mối .

6 . Sáng tai họ , điếc tai cày :

Thành\_ngữ này có nghĩa lười\_biếng , không chăm\_chỉ làm\_việc . Khi cày ruộng , người đi cày hô “ họ”thì trâu đứng lại ngay , vì nó được nghỉ . Nếu hô “ vắt ” thì phải kéo\_cày .

Nguyễn Khuyến , trong bài “ Anh giả\_điếc ” có câu

Trong thiên\_hạ có anh giả\_điếc

Khéo ngơ\_ngơ , ngác ngác , ngỡ là ngây

Chẳng ai\_ngờ : sáng tai họ điếc tai cày

Lối điếc ấy sau\_này em muốn học .

7 . Sẩy\_đàn tai nghé :

Thành\_ngữ này dùng để chỉ sự chia\_lìa , tan\_nát của một gia\_đình hoặc một tập\_thể nào\_đó khi mất người đứng đầu.Thành ngữ này bắt\_nguồn từ đời\_sống của bầy trâu rừng . Bầy trâu bao\_giờ cũng có những con trâu đực đầu\_đàn để chống\_chọi\_với thú\_dữ , bảo\_vệ cả đàn ( thường có trâu cái và bầy nghé con ) . Nếu mất trâu đầu\_đàn thì cả đàn sẽ tan\_tác vì bị thú\_dữ ăn thịt dần . Sẩy là từ cổ , có nghĩa là mất , chết . Tục\_ngữ có câu : “ Sẩy cha còn chú , sẩy mẹ bú dì ” .

8 . Sơn\_cùng\_thủy\_tận :

Đây là thành\_ngữ gốc Hán ( cùng là cuối , tận là hết ) , nơi cuối dãy núi , hết nguồn nước , dùng để chỉ những nơi hẻo\_lánh , hoang\_vu . Một thành\_ngữ khác thâm\_sơn\_cùng\_cốc cũng để diễn\_đạt ý này. ( Thâm\_sơn là núi sâu , cùng\_cốc là cuối hang núi )

9 . Sơn\_hào\_hải\_vị :

Sơn\_hào là món ăn quý lấy từ động\_vật rừng như\_bàn\_chân gấu , lộc\_nhung . Hải\_vị là món ăn quý lấy từ biển như bào\_ngư , hải\_sâm …

Thành\_ngữ này dùng để chỉ các món ăn sang\_trọng . Câu này gần nghĩa với câu “ Cao\_lương\_mĩ\_vị ” ( cao là thịt béo , lương là gạo\_trắng , mĩ vịlà ngon\_miệng )

10 . Sư\_tử\_Hà Đông-Giấm chua lửa nồng :

Các thành\_ngữ này đều dùng để chỉ những người phụ\_nữ hay ghen .

– Hà\_Đông là một địa\_danh Trung\_Quốc , tục truyền có nhiều sư\_tử và sư\_tử cái thường bắt\_nạt sư\_tử đực . Ông Trần Quý Thường , bạn thân của Tô Đông Pha , có bà vợ hay ghen . Tô Đông Pha liền làm bài\_thơ đùa bạn , trong đó có câu :

Hốt kiến Hà\_Đông sư\_tử hống

Trụ trượng lạc phủ tâm mang nhiên .

( chợt nghe tiếng sư\_tử\_Hà\_Đông rống lên . Đang chống gậy lòng hoảng\_hốt đánh\_rơi cả gậy ) .

– Vua nước kim rất yêu hai cung\_nữ . Trước khi mất , vua dặn phải chôn theo hai cung\_nữ đó . Hoàng\_hậu rất ghen , nên trước khi chôn hai cung\_nữ , đã đổ giấm vào quan\_tài để xác và xương mau tan , không\_thể hầu\_hạ đức vua được . Lửa nồng dịch từ Hỏa cang ( nóng\_như hang đốt lửa ) cũng để chỉ tính ghen . Từ\_điển Truyện Kiều của Đào Duy Anh giải\_thích lửa nồng là chốn lầu\_xanh ( sống ở nơi ngột\_ngạt ) . Truyện Kiều có câu :

Giấm chua lại tội bằng ba lửa nồng .

11 . Sửa mũ vườn đào , sủa dép vườn dưa :

Khi đi qua vườn đào , dù mũ đội đầu có bị lệch cũng không nên giơ tay lên sửa mũ , sẽ bị ghi là hái chộm đào . Khi đi qua ruộng dưa , dù dép có bị đứt quai cũng đừng cúi xuống sửa , sẽ bị ghi là hái trộm dưa .

Câu này ý nói tình\_ngay\_lí\_gian , khuyên ta nên đề\_phòng để tránh bị ngờ oan :

Qua : Dưa , trái dưa , như dưa\_hấu , dưa\_leo . Điền : ruộng . Lý : cây lý , cây mận . Hạ : dưới . Qua điền : ruộng dưa . Lý hạ : dưới cây lý . Thành\_ngữ trên nói đầy\_đủ là : Qua điền bất nạp lý , lý hạ bất chỉnh quan . Nghĩa\_là : Nơi ruộng dưa thì không nên xỏ giày , dưới cây lý thì không nên sửa nón .

12 . Nằm\_gai\_nếm\_mật :

Câu này nói\_lên sự chịu\_đựng vất\_vả gian\_khổ để mưu việc lớn . Thời Xuân\_Thu ở Trung\_Quốc , Câu Tiễn là vua nước Việt bị Phù Sai là vua nước Ngô bắt làm tù\_binh , phải chịu mọi điều khổ\_nhục . Khi được thả về , Câu Tiễn thường nằm trên đệm gai , không ăn cao\_lương\_mĩ\_vị mà thường lấy tăm nhúng vào mật đắng để luôn nhắc\_nhở mình không quên mối thù xưa . Sau hai\_mươi năm chuẩn\_bị lực\_lượng , Câu Tiễn đã phục\_thù , đánh\_bại được Ngô Phù Sai .

13 . Năm\_thì\_mười\_họa :

Trong tiếng Việt , thì còn đọc là thời ( có nghĩa là lúc , thủa ) . Ví\_dụ : thời son\_trẻ , đương\_thì con\_gái , tứ\_thời , thời\_gian , thời\_tiết . Còn họa là từ thuần Việt có nghĩa là ít có , có\_chăng .

Ví\_dụ :

– Sắc đành đòi một , tài đành họa hai ( Truyện Kiều )

– Vào\_sinh ra\_tử họa là thấy nhau ( Truyện Kiều ) .

( Đừng lầm với họa từ Hán . Họa là vẽ ( họa\_sĩ ) , họa là đáp lại ( họa vần thơ ) , họa là tai\_vạ rủi\_ro ( họa\_vô\_đơn\_chí ) ).

Thành\_ngữ năm\_thì\_mười\_họa có nghĩa là thỉnh\_thoảng , họa\_hoằn mới có :

Năm\_thì\_mười học hay chăng chớ

Một tháng đôi lần có cũng không .

( Hồ Xuân Hương )

14 . Ngựa\_quen\_đường\_cũ :

Thành\_ngữ này vốn gốc ở thành\_ngữ Hán “ Lõa mã thức đồ ” . Do đâu có thành\_ngữ này ? Chuyện Xưa kể rằng : Tề Hoàn\_Công đi đánh nước Cô Trúc . Lúc cất\_quân đi là mùa Xuân , lúc trở\_về đã là mùa đông , băng\_tuyết phủ đầy nên lạc đường . Quản trọng bèn tâu :

– Thưa bệ\_hạ , trí\_nhớ của ngựa già rất tốt . Xin để con ngựa già đi trước dẫn đường . Quả\_nhiên , ngựa đã tìm được đường về .

Trước\_kia , thành\_ngữ này được hiểu theo nghĩa : người có kinh\_nghiệm thường rất thành\_thuộc sự\_việc .

Ngày\_nay , thành\_ngữ này mang nghĩa xấu dùng để chỉ những người không chịu rời bỏ thói hư tật xấu .

15 . Nguồn đục thì dòng không trong , gốc cong thì cây không thẳng :

Câu này vừa mang nghĩa\_đen , vừa mang nghĩa\_bóng . Nghĩa\_đen thì ai cũng hiểu . Nguồn nước có trong thì dòng nước mới trong , gốc cây có thẳng thì cây mới vươn thẳng lên được .

Nhưng nghĩa\_bóng mới là\_nghĩa có tác\_dụng giáo\_dục mọi người . Trong một gia\_đình , bố\_mẹ phải làm\_gương tốt cho con cái . Nếu bố\_mẹ làm điều bậy ( nguồn đục , gốc cong ) thì con sẽ bị nhiễm thói xấu . Có một câu ca\_dao đầy chất châm\_biếm :

Con ơi nghe lấy lời cha

Một đêm ăn\_trộm bằng ba năm làm .

Bố xấu như vậy thì con cũng sẽ thành trộm\_cắp . Trong gia\_đình , bố\_mẹ cần sống tốt để làm\_gương cho con cái .

16 . Nhất xương , nhì da , thứ ba dạc lò :

Đây là thành\_ngữ chỉ nghề làm gốm sứ . Muốn có sản\_phẩm tốt phải chú\_ý ba yếu\_tố : xương , da , dạc lò . Xương là chất đất để nặn ra sản\_phẩm , da là chất men dùng tráng mặt ngoài của sản\_phẩm ( có vài chục chất men để tạo màu\_sắc khác nhau ) , dạc lò là độ nóng của lửa nung . Cũng có người giải\_thích dạc lò là hình\_dáng lò nung . Lò nung phải xây đúng cách để khi nung , độ nóng tỏa đều khắp thì sản\_phẩm mới đẹp .

17 . Nhũn\_như chi\_chi :

Thành\_ngữ này thường được dùng để chỉ thái\_độ nhún\_nhường sợ\_sệt hoặc bị lép\_vế trước kẻ khác . Chi\_chi là trrn một loài cá nhỏ , thân rất mềm . Con\_chi\_chi bị vớt lên khỏi mặt\_nước thì chỉ một\_giờ sau đã nhũn , thân bị bấy ra . Chi\_chi\_dùng làm mắm rất tốt vì mau ngấu . Nhũn từ nghĩa\_đen ( nát bấy ra ) đã được dùng với nghĩa nhũn\_nhặn để chỉ thái\_độ con\_người .

18 . Nổi cơn tam\_bành :

Nghĩa của thành\_ngữ này là nổi\_giận lên mà làm điều ác :

Mụ nghe nàng mới hay tình

Bây\_giờ mới nổi\_tam\_bành mụ lên .

( Truyện Kiều )

Theo thuyết của Đạo\_gia , trong con\_người có ba vị ác\_thần là Bành Kiều , Bành Cứ , Bành Chất . Ba vị này thường xui ta làm điều ác .

19 . Nghèo\_rớt\_mùng\_tơi :

Khi ta nấu canh mùng\_tơi , trong lá mùng\_tơi có nhiều rớt ( nhớt ) nên khi múc canh vào bát , môi canh bị trơn\_tuột , không dính tí gì . Nghèo\_rớt\_mùng\_tơi là nghèo\_xơ\_nghèo\_xác không có chút của cải gì .

Thành\_ngữ này cũng còn một\_cách giải\_thích khác . Mùng\_tơi là phần trên của chiếc áo\_tơi ( phần dày nhất và khâu kĩ nhất ) . Áo\_tơi thường làm\_bằng lá cọ hoặc lá đót . Khi áo\_tơi rách thì mùng\_tơi vẫn còn , dùng cho đến khi rớt ( rơi ) hết mùng\_tơi vẫn không có tiền mua áo khác , chứng\_tỏ nghèo lắm .

19b . Nói\_nhăng\_nói\_cuội :

Nói\_nhăng\_nói\_cuội là nói vu\_vơ , hão\_huyền cũng như thành\_ngữ nói\_hươu\_nói\_vượn .

Nhăng là từ cổ có nghĩa là băng nhăng qua\_quýt …

Cuội là một nhân\_vật trong truyện kể dân\_gian , nổi\_tiếng\_nói\_dối ( nói\_dối như cuội ) .

Cũng có người cho rằng thành\_ngữ này là “ nói giăng nói\_cuội ” ( Giăng là mặt\_trăng , chỉ\_ý xa\_vời , không thực\_tế ) . Dù hiểu cách nào thì nghĩa cũng giống nhau .

20 . Nồi\_da\_nấu\_thịt :

Những người đi săn thú muốn làm\_thịt ăn ngay ở giữa rừng nhưng không có nồi . Họ thường lột da con thú căng ra làm nồi để nấu\_thịt con thú ấy . Câu này nói ý cùng ruột\_rà máu\_mủ mà làm hại lấn nhau , giống câu vỏ đậu nấu đậu

21 . Nợ\_như\_chúa\_chổm :

Chúa\_Chổm chính tên là Lê Ninh . Thời nhà Mạc cướp ngôi nhà\_Lê , là hoàng\_tử nhưng ông rất khéo . Tuy\_vậy , các quán ăn\_ở kinh\_đô , nếu được ông mở\_hàng thì rất đắt khách . Vì\_vậy , nhiều quán mời ông\_ăn\_chịu và ghi\_nợ . Khi được lên làm\_vua , ( tức vua Lê Trang Tông ) các chủ quán đến đòi nợ . Vua ra\_lệnh mở kho để trả nợ nhưng trả nhiều lần chưa hết vì có kẻ đòi nợ khống. ( Theo truyền\_thuyết , khi vua đi dạo , hễ đi vào phố Cấm\_Chỉ thì không ai được theo\_đòi nợ nữa ) ( phố Cấm\_Chỉ ở đầu phố Hàng Bông , gần Cửa Nam ngày\_nay ) .

22 . Nuôi o­ng tay\_áo :

Trong thực\_tế , không ai nuôi o­ng ở tay\_áo cả vì o­ng dễ đốt vào người. o­ng ở đấy được dùng để chỉ kẻ xấu .

Câu này mang ý\_nghĩa : nuôi\_dưỡng giúp\_đỡ kẻ xấu thì kẻ xấu có\_khi lại phản\_bội lại mình , làm hại mình .

Tuy\_vậy cũng không nên hiểu một chiều . Thực\_tế , kẻ xấu cũng cần sự giúp\_đỡ , giáo\_dục để trở\_thành người tốt . Xã\_hội ta đã cải\_tạo được nhiều người xấu trở\_thành người hữu\_ích .

Câu này chỉ dùng khi người nuôi\_dưỡng , giúp\_đỡ đã bị phản\_bội .

23 . Nước\_đục bụi trong :

Thành\_ngữ này nói\_lên cảnh trái\_ngược , những việc\_làm bất\_đắc\_dĩ , trái với ý muôn : nước trong ma flaij đục , bụi đục mà\_lại trong .

Ví\_dụ :

Lỡ\_làng\_nước\_đục bụi trong

Trăm năm để một tấm\_lòng từ đây .

( Truyện Kiều )

Tục\_ngữ ta có câu “ Chết trong còn hơn\_sống đục”để khuyên ta sống trong\_sạch , thà chết còn hơn làm điều phi\_nghĩa , bất\_lương .

24 . Lá\_lành\_đùm\_lá\_rách :

Câu tục\_ngữ có hai vế đối\_lập lá\_lành , lá\_rách . Lá\_lành hàm chỉ người có đời\_sống khá , sung\_túc . Lá\_rách hàm chỉ người nghèo khổ. Từ lávàđùm cũng gợi\_ý về vật\_chất vì trong đời\_sống hàng ngày người\_ta đùm\_cơm , đùm bánh , đùm xôi thường dùng lá . Từ đùm cũng gợi\_ý đùm\_bọc , che\_chở , giúp\_đỡ . Câu thành\_ngữ này khuyên ta phải cưu\_mang , giúp\_đỡ lẫn nhau trong đời\_sống hàng ngày cũng như lúc hoạn\_nạn . Câu này cũng nói\_lên đạo\_lý tốt\_đẹp của ông\_cha ta .

25 . Lật\_đật như sa vật ống vải :

Câu này thường bị nói sai “ lật\_đật như ma vật ông\_vải ” . Nghĩa câu này hàm\_ý chê\_trách việc vội\_vàng , hấp\_tấp . Khi kéo sợi vải , ta dùng cái sa để quay , con\_cúi sa bằng bông sẽ dùng mũi quay để kéo thành sợi . Ở mũi quay có ống vải để cuốn sợi . Mũi quay thường làm cho ống vải rung lật\_đật .

26 . Lệnh\_ông không\_bằng\_cồng bà: ;

Lệnh và cồng là hai dụng\_cụ bằng đồng dùng để báo\_hiệu . Có người nói câu này xuất\_hiện từ thời Bà Triệu khởi\_nghĩa . Ông Triệu Quốc Đạt là anh nhưng không được mọi người tin\_yêu bằng bà Triệu Thị Trinh . Mỗi khi nghe tiếng cồng của Bà Triệu thì binh\_sĩ ở mọi nơi đều tập\_hợp ở dưới cờ .

Ngày\_nay , câu này được dùng với ý : vợ có quyền to hơn chồng trong một gia\_đình nào\_đó

27 . May xống phải phòng khi cả dạ :

Câu này khuyên ta phải nhìn\_xa\_trông\_rộng , tính trước mọi việc . Xống là váy . Người phụ\_nữ khi may váy phải tính\_toán để khi có\_thai , bụng to ( cả dạ ) vẫn mặc được .

28 . Mỏng\_mày\_hay hạt :

Thành\_ngữ này thường dùng để chỉ người phụ\_nữ có khuôn\_mặt nhẹ\_nhõm xinh\_xắn , dáng người thon\_thả thắt\_đáy\_lưng o­ng .

Mày và hạt xuất\_phát từ việc chọn giống của nhà\_nông . Mày là cái vảy dính ở gốc hạt lúa , hạt ngô . Hễ mỏng\_mày là hạt chắc , nếu dùng làm hạt\_giống rất tốt . Từ đó người phụ\_nữ mỏng\_mày\_hay hạt cũng hứa\_hẹn tương\_lai sẽ phát\_triển nòi\_giống tốt , ngoài các đức\_tính khác như đảm\_đang , tháo\_vát .

Tục\_ngữ còn có câu :

Khô chân gân mặt đắt mấy cũng mua

Phành\_phạch quạt\_mo cho không ai lấy , hoặc câu : Mặt\_nạc , đóm\_dày , mo\_nang trôi sấp chó cụt đuôi. ( Mặt\_nạc là mặt lắm thịt , chứng\_tỏ người không khôn\_ngoan ) , và câu :

Những người béo trục béo tròn ,

Ăn\_vụng như chớp đánh con\_cả ngày .

( Béo trục béo tròn đối\_lập với thắt\_đáy\_lưng o­ng ) .

29. ột đồng một\_cốt :

Để hành\_nghề mê\_tín dị\_đoan , các ông đồng bà\_cốt thường gọi\_hồn , bắt ma , làm lễ giải\_hạn để kiếm tiền thiên\_hạ . Họ dùng nhiều mưu\_mẹo để lừa\_dối . Thành\_ngữ này để chỉ bọn người chuyên dối\_trá lừa\_đảo :

Đà\_đao lặp sẵn chước dùng

Lạ gì một\_cốt\_một\_đồng xưa\_nay

( Truyện Kiều )

30 . Một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ :

Câu này nói\_lên mối tương\_quan giữa cá\_thể và cộng\_đồng . Để khuyên\_bảo về đạo\_lí , ông\_cha ta thường mượn vật để nói người như : “ gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau ” . “ Một con ngựa đau ” nói\_lên một cá\_thể bị hoạn\_nạn . Cả tàu bỏ cỏ nói\_lên sự thông\_cảm chia\_sẻ của đồng\_loại , tât cả các con ngựa trong chuồng đều không ăn cỏ vì thương\_cảm .

Ở đây không nói\_lên sự giúp\_đỡ mà\_nói về tình\_cảm . Hiểu rộng ra , cả tàu còn nói cả\_làng , cả nước phải thương\_yêu đùm\_bọc lấy nhau ; cùng đồng\_cam\_cộng\_khổ , chia\_ngọt xẻ bùi .

31 . Muôn chung nghìn tứ :

Chung là cái hộc , đơn\_vị dùng để đong thóc ngày\_xưa . Tứ là cỗ xe có bốn ngựa kéo . Câu này chỉ bậc vương\_hầu khanh\_tướng , ăn lộc đến nghìn chung thóc , trong nhà có hàng nghìn cỗ xe\_ngựa .

Một lời đã biết đến ta

Muôn chung nghìn tứ cũng là có nhau

( Truyện Kiều )

32 . Học ăn , học nói , học gói , học mở :

Đây là câu thành\_ngữ khuyên mọi người phải học cách đối\_xử ở đời để trở\_nên người có văn\_hóa .

Ăn cũng phải học ăn như “ Ăn\_trông\_nồi\_ngồi\_trông\_hướng ” . Đối\_với trẻ , khi ăn không nên khua bát khua đũa . Nhiều trẻ khi nhai cứ nhồm\_nhoàm hoặc tạo ra\_tiếng chồm chộp vì nhai hai hàm một lúc , hàm trên bập xuống hàm dưới tạo thành tiếng kêu . Cần tập cho trẻ chỉ dùng một hàm khi nhai .

Nói cũng phải học để biết cách xưng\_hô nói\_năng lễ\_phép , lịch sự. “ Lời\_nói\_chẳng mất tiền mua , lựa lời mà\_nói cho vừa\_lòng nhau ” . Ngày\_nay , ta thường gặp nhiều cô cậu ăn\_mặc diện nhưng nói rất tục . Chỉ nghe qua lời\_nói ta đã biết là loại vô văn\_hóa . Học gói học mở theo phép lịch\_sự ở đất kinh\_kì cũng rất khó . Ở đất Hà\_Nội xưa , một\_số gia\_đình giàu\_sang thường gói nước\_chấm vào lá chuối xanh đặt vào cái chén xinh bày lên mâm cỗ . Người gói phải khéo\_tay mới gói được và người ngồi , ăn cũng phải\_biết cách mở để khỏi bật tung nước\_chấm ra mâm …

Ngày\_nay , gói bánh trưng đã mấy người biết gói cho đẹp để bánh cao thành sắc\_cạnh và mở bánh ( bóc bánh ) chưng cũng phải học mới khéo được .

Có người còn hiểu rộng câu trên , cho rằng mở và gói khó nhất la khi làm văn :

Văn hay chẳng lọ là dài

Mới đọc mở bài đã biết văn hay .

Còn gói bài văn ( kêt luận ) thế\_nào để người đọc còn thấy dư\_âm và gây ấn\_tượng sâu không phải dễ .

33 . Kẻ\_ăn rươi , người chịu bão :

Hằng năm , cứ khoảng thánh chin âm\_lịch , các ruộng nước chua mặn ở miền biển có giống rươi nổi lên . Người\_ta hớt rươi về làm thức\_ăn ( chả rươi , mắm rươi ) . Nhưng mùa này cũng hay có báo làm thiệt hại. ( cũng có người giải\_thích , mùa này trở\_trời nên dễ đau lưng đau bão ) . Câu này nói\_lên sự không\_công\_bằng : kẻ được ăn , người chịu vạ\_lây .

34 . Kẻ\_tám\_lạng , người\_nửa\_cân :

Cân và lạng ở đây là loại cân cũ của ta . Một cân có 16 lạng ( tương\_đương 605 gam ) và một lạng bằng một phần mười sấu cân tương\_đương với 37,8 gam . Vì\_vậy nếu cân\_bằng cân\_ta thì nửa\_cân là tám\_lạng , tám\_lạng là nửa\_cân .

Thành\_ngữ này trong tiếng Việt thường chỉ sự so\_sánh tương\_đương lực\_lượng giữa hai phe , hai đấu\_thủ trong cuộc đọ\_sức thì bằng nhau , không ai kém ai .

35 . Kết\_cỏ\_ngậm\_vành :

Thành\_ngữ này chỉ sự báo\_đền công\_ơn :

Dám nhờ cốt\_nhục\_tử\_sinh

Còn nhiều kết\_cỏ\_ngậm\_vành về sau

( Truyện Kiều )

Đây là hai điển\_tích xưa của Trung\_Quốc .

– Ông Ngụy thù đời Tần có nhiều vợ\_lẽ đẹp . Theo phong\_tục nước Tần , hễ chồng chết thì vợ\_lẽ phải chon theo\_chồng . Nhưng Ngụy Khảo , con\_trai của Ngụy Thù có lòng nhân\_đạo nên không theo tục\_lệ đó . Sau Ngụy Khảo nên làm\_tướng nước Tần , đánh nhau với nước Tấn . Bên Tấn có tướng Đỗ Hồi rất giỏi . Hôm đó , đang đánh nhau thì ngựa của Đỗ Hồi bị vướng cỏ , Đõ Hồi ngã ngựa và bị Ngụy Khảo giết . Đêm\_hôm ấy , Ngụy Khảo nằm\_mơ thấy bố người vợ\_lẽ đến tạ ơn và nói : “ Tôi cám\_ơn ông không chôn sống con tôi , nên tôi đã kết\_cỏ làm cho Đỗ Hồi ngã ngựa ” .

– Dương Bá đời Hán,lúc 9 tuổi bắt được con chim\_sẻ bị\_thương . Bá chăm\_sóc chim cho khỏe rồi thả ra . Sau chim đó ngậm bốn vành ngọc\_trắng đem đến tạ ơn .

36 . Gái thương chồng đương đông buổi chợ-Trai thương vợ nắng\_quái chiều\_hôm :

Câu tục\_ngữ này có rất nhiều cách giải\_thích . Sở\_dĩ có nhiều cách hiểu vì cụm\_từ “ đương đông buổi chợ ” và “ nắng\_quái chiều\_hôm ” được hiểu với nghĩa khác nhau . Dưới đây xin nêu một\_vài cách hiểu đó :

1 . Hiểu đây là lời khuyên , không phê\_phán ai cả

“ Đương đông buổi chợ ” được hiểu là thời son\_trẻ duyên\_dáng của người phụ\_nữ , có nhiều chàng trai để\_ý đến .

Tình\_thương chồng được thể\_hiện rõ khi cô ta còn nhan\_sắc , nhiều người để\_ý nhưng vẫn một\_mực chung\_thủy với chồng. “ Nắng\_quái chiều\_hôm ” được hiểu là thời người con\_gái đã xế\_chiều , nhan\_sắc tàn phai và khuyên chồng nên chung\_thủy cả khi vợ đã luống\_tuổi .

2 . Hiểu câu này chỉ mức\_độ tình\_yêu giữa nam và nữ một\_cách khách\_quan , không phê\_phán ai cả

Hiểu tình\_yêu của người phụ\_nữ đầy\_đặn , mặn\_mà như buổi chợ đương đông còn tình\_yêu của nam\_giới thì bồng\_bột , rực\_rỡ nhưng mau tàn như nắng\_quái chiều\_hôm .

3 . Hiểu câu này theo cách phê\_phán

Tình\_yêu của người phụ\_nữ đậm\_đà bền\_chặt như buổi\_sáng lúc đương đông buổi chợ .

Tình\_yêu của nam\_giới chỉ thoáng qua , mau tắt\_ngấm như buổi chiều , lúc nắng\_quái chiều\_hôm .

Cho đến nay nhứng cách hiểu khác nhau vẫn tồn\_tại và chắc còn nhiều cách hiểu khác . Chúng\_ta chưa có cơ\_sở để lựa\_chọn và khẳng\_định .

37 . Gần nhà giàu đau răng ăn cốm-Gần kẻ\_trộm ốm lưng chịu đòn :

Nhân\_dân ta rất coi\_trọng láng giếng “ Bán an hem xa\_mua\_láng\_giềng\_gần ” . Nhưng hai loại láng\_giềng “ nhà giàu ” và “ kẻ\_trộm ” thì lại khổ cho láng\_giềng . Câu này được hiểu là “ Gần nha giàu khổ như đau răng lại nhai cốm , gần kẻ\_trộm khổ như đang ốm lại phải đánh\_đòn ” . Vì sao vậy ? Láng\_giềng giàu thường ít thích giao\_tiếp với hàng\_xóm nghèo nên khi tối\_lửa\_tắt\_đèn ít nhờ\_vả được nhau . Gần kẻ\_trộm thì dễ mất\_trộm hoặc có\_khi bị đòn oan . Câu này khuyên ta nên chọn láng\_giềng mà ở. ( Cũng có người giải\_thích là gần nhà giàu thì được ăn nhiều đến mức đau cả răng . Giải\_thích cách này không hợp lô\_gích ) .

38 . Già\_kén\_kẹn\_hom :

Trong các sách thành\_ngữ đều giải\_thích : Tình\_duyên lỡ\_làng vì quá kén\_chọn .

Trong cuốn tục\_ngữ lược giải của Lê\_Văn Hòe giải\_thích như sau :

Già\_kén là kén kĩ quá , kén nhiều quá .

Kẹn\_hom là giơ xương ra , ý nói già\_yếu gầy\_guộc , giơ xương .

Câu này ý nói : kén\_chọn kỹ quá thì người già mất .

Giải\_nghĩa như trên không có gì sai . Nhưng câu này gốc là “ Già\_kén\_kẹn\_hom ” và chỉ thấy trong từ\_điển của Gensibrel ( 1893 ) ghi là chẹn và dịch tiếng Pháp là serer ( tức xương hom bị chẹn lại ) . Câu này có nghĩa là già\_kén ( kén chồng ) thì lấy chồng muộn ( vãn hôn ) và dễ mắc bệnh chẹn hom . Một\_số thầy\_thuốc có nói bệnh chẹn hom là bênh khi sinh\_nở lần đầu , xương hom – không giãn\_nở to , khó sinh và dễ chết cả mẹ lẫn con . Vì\_vậy , ngày\_trước có bài\_thuốc chữa bệnh chẹn hom để làm cho dây\_chằng dễ giãn khi đẻ . Nếu hiểu như vậy thì câu thành\_ngữ này khuyên phụ\_nữ đừng kén\_chọn quá dễ nguy\_hiểm đến tính\_mệnh .

Câu thành\_ngữ này cũng còn có cách giải\_thích\_khách như : Kén là kén tằm ( danh\_từ ) nếu để kén đã bị bướm cắn thủng ( già\_kén ) thì khó kéo tơ . Cách giải\_thích này rất xa với nghĩa ta thường hiểu .

39 . Giấy\_rách\_phải giữ\_lấy\_lề :

Sách chữ\_nho ngày\_trước thường phải đóng lề ở gáy để kết chặt các tờ thành quyển . Khi viết , ở phần lề được để trắng , rông độ 3 centimet theo chiều dọc . Trong quyển sách , lề là phần gốc , nếu lề bị hỏng thì toàn quyển sách sẽ bung ra hết . Dù giấy có rách , phần gốc vẫn cần bảo\_tồn .

Câu thành\_ngữ này khuyên ta nên giữ vững truyền\_thống , nề\_nếp của gia\_đình . Lề từ nghĩa\_đen đã được mở\_rộng để chỉ những phong\_tục tốt\_đẹp trong câu “ Đát có\_lề , quê\_có thói ” .

40 . Gió\_táp\_mưa\_sa :

Thành\_ngữ này có 2 nghĩa : nghĩa hẹp chỉ sự vất\_vả ở đời . Nhưng trong văn\_học , gió\_táp\_mưa\_sa lại dùng để chỉ người có tài làm câu\_thơ , tứ thơ đều nhanh như\_gió mưa do câu Phong\_vũ thôi thi\_tứ ( tứ thơ đẩy đến ào\_ạt như\_gió mưa ) .

Tay tiên gió\_táp\_mưa\_sa

Khoảng trên dừng bút thảo và bốn câu .

( Truyện Kiều )

41 . Gương\_vỡ\_lại\_lành :

Thành\_ngữ này nói ý hàn\_gắn , đoàn\_tụ , sự thay\_đổi từ xấu thành tốt trong đời\_sống .

Điển\_tích xưa chép câu\_chuyện như sau : Từ Đức Ngôn yêu công\_chúa Nhạc Xương nhưng vì loạn\_lạc , hai người phải xa nhau . Họ bẻ đôi chiếc gương , mỗi người giữ một\_nửa . Về sau , Đức Ngôn lên kinh\_đô , thấy có người bán mảnh gương\_vỡ . Nhờ manh\_mối đó , Đức ngôn đã tìm được người yêu , hai mảnh chắp lại thành gương cũ .

Bây\_giờ gương\_vỡ\_lại\_lành

Khôn\_thiêng lừa\_lọc đã\_đành có nơi .

( Truyện Kiều )

Đời ta gương\_vỡ\_lại\_lành

Cây khô cây lại đâm cành nở hoa .

( Tố Hữu )

42.Da mồi\_tóc\_bạc :

Thành\_ngữ này dùng để miêu\_tả những người cao tuổi. tóc\_bạc là tóc trăng như bạc . Da\_mồi là da bị vết lốm\_đốm , thường có màu nâu như mai con đồi\_mồi . Đồi\_mồi thuộc họ rùa sống ở ven biển , mai có hoa rất đẹp , dùng làm lược hoặc kẹp tóc .

Tóc quăn chải lược đồi\_mồi

Chải đứng chải ngồi quăn vẫn hoàn quăn

( Ca\_dao )

43 . Dốc\_bồ\_thương\_kẻ\_ăn\_đong :

Nông\_dân\_thường đựng thóc vào bồ. Dốc\_bồ là nhà hết thóc . Khi đó mới thương những người đi đong gạo ăn hằng ngày . Câu này ý nói có cùng cảnh\_ngộ thì mới thương nhau , dễ thông\_cảm với nhau .

44 . Dốt\_đặc\_cán\_mai – Dốt có chuôi :

Mai là dụng\_cụ dùng để đào đất . Cán\_mai thường làm\_bằng táu , một thứ gỗ rất cứng để khi bẩy đất không bị gãy cán . Dốt\_đặc\_cán\_mai ý nói\_đầu\_óc bị đặc như cán\_mai , không có chỗ để nhét chữ vào được .

Dốt có chuôi ( dốt co đuôi ) là do điển\_tích xưa . Một thầy\_đồ được mời đến cúng cho gia\_chủ tên là Tròn . Thầy\_không biết viết chữ Tròn nên khoanh một vòng . Có kẻ tinh\_nghịch sổ thêm một nét thành cái gáo . Gáo dừa thường có chuôi ( cán ) dùng để cầm . Khi cúng , thầy đọc tên là gáo làm cho gia\_chủ bực\_mình .

45 . Đanh\_đá\_cá\_cày :

Câu thành\_ngữ này có nghĩa là ương\_ngạnh , cứng\_cỏi , không chịu thua\_kém ai . Cá\_cày là cái cá ( làm\_bằng tre hoặc gỗ , to bằng cái cán dao , hình như con cá ) dùng để nâng bắp\_cày lên xuống khi muốn cày nông hoặc sâu . Cá\_cày tuy nhỏ nhưng điều\_khiển được cả lưỡi cày .

46 . Đánh giáp\_lá\_cà :

Câu này ai cũng hiểu là đánh nhau mặt đối\_mặt , hai bên giáp sát vào nhau . Từ\_điển Việt\_Nam của hội Khai trí tiến đức giải\_nghĩa giáp\_lá\_cà : “ nơi quân hai bên xông vào đâm chem. nhau ” . Từ giáp này hiện\_nay vẫn dùng : Hai nhà\_ở giáp nhau . Hai người giáp\_mặt nhau .

Nhưng lá\_cà\_là gì ? Có người giải\_thích : Ngày\_Xưa , trong chiếc áo của ta có dùng nhiều từ lá . Lá\_sen là bộ\_phận đệm phía trong vai áo để mặc được bền . Miếng vải này hình giống lá\_sen . Lá xoài là một\_miếng vải đệm bông , lòng vào\_cổ và tỏa ra hai vai . Phu khiêng kiệu , khiêng cáng thường phải có lá xoài để đỡ đau vai và đỡ rách\_áo . Lá\_cà\_là một bộ\_phận trong áo võ\_quan . Loại này có hồng\_tâm bằng đồng đẻ che ngực và một mảnh lá\_cà để che bụng và hạ\_bộ . Mảnh này giống hình chiếc lá\_cà . Trong quần\_áo hát hội , các nghệ\_nhân gọi nó là lá\_cà . Đánh giáp\_lá\_cà\_là mặt đối\_mặt , các lá\_cà của hai tướng sát vào nhau .

47 . Đánh\_trống\_lảng :

Trong lễ tế thần , khi tiến rượu , các tế viên ( ông mạnh , ông bồi ) phải đi khoan\_thai , từng bước một , theo điệu nhạc và nhịp trống từ ngoài sân vào trong cung . Khi ở trong cung trở ra , các tế viên phải bước rất nhanh theo nhịp trống dồn nhập gọi\_là trống\_lảng ( tiếng giục để lảng ra cho nhanh ) . Sau\_này , thành\_ngữ\_đánh\_trống\_lảng được dùng với nghĩa : một người nào\_đó đang nghe chuyện này thì\_nói\_lảng ra chuyện khác , hoặc lảng ra chỗ khác để tránh điều bất\_lợi cho mình .

48 . Đánh\_trống\_lấp :

Trong lễ tế thần , khi đọc văn\_tế , vì kiêng tên\_húy của thần nên người đọc văn\_chỉ\_đọc lẩm\_nhẩm trong miệng . Tuy\_vậy , vẫn sợ người\_ngoài biết tên\_húy nên khi đọc đến tên và chức\_tước của thần , người đánh\_trống còn điểm mấy tiếng trống để làm lấp tiếng người đọc . Đánh\_trống lúc đó gọi\_là trống\_lấp . Ngày\_nay , thành\_ngữ này thường dùng để chỉ việc kể\_lể lôi\_thôi nhằm lấp\_liếm câu\_chuyện chính hoặc che\_đậy lỗi\_lầm của mình .

49 . Đánh\_trống\_qua\_cửa\_nhà\_sấm :

Đây là một thành\_ngữ bắt\_nguồn từ\_điển\_tích Trung\_Quốc với nghĩa\_là : người kém tài chớ qua\_cửa người giỏi , gần giống thành\_ngữ “ Đừng thi bơi với giải ’ ( giải là một loài bò\_sát lớn thường sống ở đầm nước , bơi rất nhanh ) . Theo điển\_tích xưa , Ngô Phù Sai đóng\_đô ở Cô\_Tô , xây thành có đặt tên cửa là Xà môn ( cửa Rắn ) để trấn\_áp nước Việt . Người Việt làm cửa Lôi môn ( cửa Sấm ) để chống lại . Hễ đánh\_trống lớn ở cửa Lôi môn thì cửa Xà môn lập\_tức mở ra để dò xem động\_tĩnh .

50 . Đèo\_heo\_hút\_gió :

Thành\_ngữ này dùng để chỉ nơi hoang\_vắng ( đi vào nơi đèo\_heo\_hút\_gió ) . Sinh\_thời , nhà\_văn Nguyễn\_Công Hoan đã giải\_thích cho tôi như sau :

Chính là “ đèo Neo hút\_gió ” bị nói chệch đi . Ngày\_trước , đường\_quốc\_lộ đi từ Thăng Long lên ải Nam quan phải đi qua đèo Neo ( một cái đèo ở gần thị\_xã Bắc Giang bây\_giờ ) . Tiễn những người đi sứ sang Trung\_Quốc , bạn\_bè dù thân\_thiết cũng chỉ đi tiễn đến đèo Neo , đặt rượu tiễn\_hành rồi quay về . Người đi sứ phải đi vào đoạn đường rừng hoang\_vắng để lên cửa\_ải .

Cũng nhân từ đèo Neo ( một danh\_từ\_riêng ) nhà\_văn Nguyễn\_Công Hoan còn nói : Lưu Đồn trong bài ca\_dao : “ Ba năm trấn\_thủ Lưu Đồn ” cũng là một danh\_từ\_riêng . Thời Trịnh – Nguyễn phân\_tranh , chúa Trịnh cho đóng một đồn binh lớn ở phía bắc sông Gianh để canh\_phòng . Lưu Đồn là một địa\_danh nay thuộc tỉnh Quảng\_bình .

51 . Đi một ngày\_đàng , học\_một\_sàng\_khôn :

Câu tục\_ngữ này khuyên ta nên tìm học trong thực\_tế cuộc\_sống . Lời khuyên này rất quý và sâu\_sắc .

Ngày là nói về thời\_gian , đàng ( đường ) là nói về không\_gian . Ngày\_đàng kết\_hợp tạo nên một nghĩa bao\_quát là đi vào cuộc\_sống để học\_hỏi những tri\_thức của cuộc\_sống để nâng cao , mở\_rộng tầm nhìn , tầm hiểu\_biết của bản\_thân mình .

Tại\_sao lại nói một\_sàng\_khôn , mà không nói một thúng khôn , một bị khôn . Nếu suy\_nghĩ đơn\_giản thì sàng vần với đàng . Nhưng phải hiểu sàng là gì ? Sàng là một dụng\_cụ đan bằng tre , hình\_tròn như cái mâm , nông và thưa . Ở nông\_thôn , nhà nào cũng có sàng để khi xay thóc xong , dùng sàng để làm sạch trấu và cám , chỉ giữ lại\_gạo .

Vì\_vậy , đi trong cuộc\_sống , không phải thấy điều gì cũng học vì có điều hay điều dở . Chúng\_ta phải sàng\_lọc , chỉ học điều hay , điều khôn mà thôi .

52 . Đổi\_thay nhạn yến :

Thành\_ngữ này để chỉ thời\_gian một năm . Về mùa đông , chim nhạn ( tức hồng nhạn ) thường di\_cư về phía nam để tránh rét ( hồng nhạn còn gọi\_là chim sếu ) . Về mùa xuân , chim yến ( én ) bay về . Thành\_ngữ này giống thành\_ngữ đông qua xuân tới .

Đổi\_thay nhạn yến đã hòng đầy niên .

( Truyện Kiều )

53 . Đồng không\_mông\_quạnh :

Thành\_ngữ này được dùng để chỉ một nơi trống\_trải , vắng\_lặng gây cho ta cảm\_giác cô\_đơn ( không là trống\_trải , quạnh là vắng\_vẻ ) .

Trong thành\_ngữ trên , đồng là danh\_từ ( cánh đồng ) thì mông cũng là danh\_từ mới đối\_xứng theo cách kết\_cấu phổ\_biến của thành\_ngữ . Tiếng Việt cổ , mông là một bãi trống. ( ở vùng nghệ tĩnh còn giữ từ này trong phương\_ngữ ) .

54 . Đố ai gánh đá\_vá\_trời , đan gàu tát biển , ghẹo người cung\_trăng :

Câu này có 3 thành\_ngữ : gánh đá\_vá\_trời , đan gàu tát biển , ghẹo người cung trăng. 3 thành\_ngữ này đều nói những điều không\_thể làm được . Không ai gánh đá\_vá\_trời được như nhân\_vật Nữ Oa trong thần\_thoại Trung Quốc. ( Thuở sơ\_khai ) , bầu\_trời còn thủng lỗ\_chỗ , bà Nữ Oa đã luyện đá ngũ\_sắc vá lại bầu trời. ( Trích theo sách của Hoài Nam\_Tử ) . Nhiều như nước\_biển mà dùng gàu để tát thì tát sao cạn . Người cung\_Trăng chỉ Hằng\_Nga thì sao mà ghẹo được .

Các thành\_ngữ này khuyên ta đừng\_có làm điều viển\_vông , không\_tưởng . Muốn thành\_công ở đời cần có óc thực\_tế .

55 . Đơn\_thương\_độc\_mã :

Thương là ngọn giáo , mã là ngựa . Thành\_ngữ này nghĩa gốc là một giáo một ngựa dùng để chỉ sự đơn\_độc , lẻ\_loi trong khi chiến\_đấu với khó\_khăn nguy\_hiểm , không có sự hỗ\_trợ của người khác .

56 . Đơm\_đó\_ngọn\_tre :

Đó là đồ\_dùng đánh\_cá hình thon dài , miệng có hom , cá chui vào nhưng không chui ra được . Đơm\_đó phải đơm chỗ có nước\_chảy . Đơm\_đó ở ngọn\_tre thì làm gì có cá .

Câu này chế\_giễu người nào mong\_đợi những điều viển\_vông .

57 . Đứng\_mũi\_chịu\_sào :

Khi con thuyền vượt qua ghềnh thác , người đứng ở mũi thuyền , cầm sào chèo\_chống có vai\_trò quan\_trọng và phải chịu gian\_khổ nguy\_hiểm .

Từ nghĩa này , thành\_ngữ đứng\_mũi\_chịu\_sào chỉ công\_việc quan\_trọng , gánh\_vác nhiệm\_vụ nặng\_nề , đương\_đầu với gian\_khổ vì lợi\_ích chung .

Ca\_dao có câu :

Đôi ta lên\_thác\_xuống\_ghềnh

Em ra đứng\_mũi cho anh chịu\_sào .

( phải hiểu là vợ và chồng cùng đứng\_mũi\_chịu\_sào , cùng chung gian\_khổ , cùng đồng\_tâm\_hiệp\_lực để vượt khó\_khăn , không nên hiểu là chồng trút khó\_khăn cho vợ ) .

58 . Đường\_vòng hay tối , nói\_dối hay cùng :

Đi đường\_vòng thì xa có\_khi trời tối mà chưa đến nơi . Nói\_dối thường gặp chỗ cùng , bế\_tắc không dối ai được nữa .

Câu này khuyên ta nên đi đường\_thẳng , không đi ngang\_về\_tắt ý khuyên làm những việc quang\_minh và nói lời ngay\_thật .

59 . Cạn\_tàu\_ráo\_máng :

Máng là dụng\_cụ đựng thức\_ăn cho lợn và gia\_súc ( máng phải kín xung\_quanh để đổ thức\_ăn loãng không chảy ra ngoài ) . Tàu cũng là dụng\_cụ dùng đựng cỏ cho ngựa , voi ( về sau tàu được mở\_rộng nghĩa , chỉ chuồng nhốt voi , ngựa ) .

Thành\_ngữ này lúc đầu chỉ sự chăm\_sóc thiếu chu\_đáo đối\_với vật\_nuôi vì tàu và máng không có thức\_ăn . Về sau , thành\_ngữ này chỉ sự đối sử tàn\_nhẫn , thiếu tình\_nghĩa giữa người với người ( ăn\_ở với nhau cạn\_tàu\_ráo\_máng )

60 . Cầu\_toàn\_trách\_bị :

Thành\_ngữ này có nghĩa mong\_muốn được hoàn\_toàn , được đầy\_đủ , không còn thiếu thứ gì . Điều mong\_muốn này rất khó đạt được trong thực\_tế . Vì\_vậy , mọi người thường nói “ đừng nên cầu\_toàn\_trách\_bị nữa ” .

Cầu : mong , muốn ; trách : đòi\_hỏi ; toàn , bị : vẹn\_toàn , trọn\_vẹn ( Ví\_dụ : Ông ấy làm việc\_gì cũng cầu\_toàn\_trách\_bị ) .

61 . Chạy\_như\_cờ\_lông\_công :

Ngày\_trước , trên đường thiên\_lí có các trạm , các cung . Ở đây , các phu trạm phải chuyển công\_văn từ trạm này tới trạm khác . Nếu công\_văn khẩn ( hỏa\_tốc ) thì người phu trạm phải mang theo một sợi lông đuôi của con công và phải chạy thật nhanh ( về sau , thiếu lông\_công , phải thay bằng lông gà có buộc cục than ) .

Nhân\_dân thấy trên đường , các phu trạm chạy từ cung này đến cung kia nên có thành\_ngữ này để diễn\_đạt ý “ chạy rối\_rít , chạy loạn\_xạ ” .

62 . Chín\_chữ\_cù\_lao :

Thành\_ngữ này thường dùng để chỉ công lao khó\_nhọc của bố mẹ. ( Cù\_là siêng\_năng , lao là khó\_nhọc ) . Chín\_chữ\_cù\_lao ấy là :

Sinh : đẻ , cúc : nâng\_đỡ , phủ : vuốt\_ve , súc : cho bú\_mớm lúc nhỏ , trưởng : nuôi cho lớn , dục : dạy\_dỗ , cố : trông\_nom săn\_sóc , phục : xem tính\_nết mà dạy\_bảo cho thành người tốt , phúc : giữ\_gìn .

Trong Truyện Kiều có câu :

– Duyên hội\_ngộ , đức cù\_lao

Bên tình bên hiếu bên nào nặng hơn .

– Nhớ ơn chin chữ cao sâu

Một ngày\_một ngả bóng dâu tà\_tà .

63 . Chân\_ướt\_chân\_ráo :

Thành\_ngữ này do phong\_tục rước dâu ngày\_trước tạo nên . Khi cô\_dâu bước chân về nhà chồng , mẹ chồng ra đỡ nón cho cô\_dâu , nhúng chân cô\_dâu vào một chậu nước để rửa làm\_phép ( trong chậu có bỏ mấy đồng\_tiền ngầm chúc tiền của sẽ vào như nước ) . Sau đó , cô\_dâu phải bước qua một chậu than hồng ( để trừ ma\_quỷ ) trước khi vào buồng .

Vì\_vậy , thành\_ngữ này có nghĩa\_là : thời\_gian chưa lâu ( cô ấy mới chân\_ướt\_chân\_ráo về nhà chồng ) .

64 . Chân le chân\_vịt :

Le là giống biết bay , vịt là giống không biết bay chỉ lạch\_bạch đứng một chỗ . Câu này ý nói nửa muốn đi , nửa muốn ở .

65 . Chim ra rang :

Ràng là từ cổ , có nghĩa là chuồng : Một\_số nơi còn dùng từ ràng trâu để chỉ chuồng trâu . Chim ra rang là chim đã đủ\_lông\_đủ\_cánh , mới ra khỏi chuồng ( tức chim non ) . Hiện\_nay , ta dùng từ ràng\_buộc nghĩa gốc là nhốt vào chuồng và cột chặt .

66 . Cho bạc cho tiền không\_bằng cho nghiên cho bút :

Câu tục\_ngữ này nói\_lên truyền\_thống hiếu\_học của dân ta . Nghiên\_bút dùng để chỉ việc học\_hành . Nuôi con học\_hành đến nơi đến\_chốn để tạo cho con thành người hữu\_ích , có đạo\_đức còn hơn cho con tiền\_bạc . Tiền\_bạc dù nhiều\_thì tiêu cũng hết ( miệng\_ăn\_núi\_lở ) . Nếu cho con tri\_thức thì không bao\_giờ hết vì tri\_thức gắn liền với nghề\_nghiệp .

Trong thời\_đại hiện\_nay , câu này càng có giá\_trị\_vì\_thế\_kỉ XXI là thế kinh\_tế\_tri\_thức .

67 . Con rồng cháu tiên :

Theo truyền\_thuyết , Lạc\_Long\_Quân là giống rồng , Âu\_Cơ là giống tiên , sinh ra một trăm người con . Sau đó , Lạc\_Long\_Quân đem 50 con xuống vùng\_biển , Âu\_Cơ đem 50 con lên núi . Số người này đã lập\_nghiệp tạo nên các dân\_tộc sống trên lãnh\_thổ Việt\_Nam . Thành\_ngữ này nói\_lên nguồn\_gốc và lòng tự\_hào dân\_tộc .

68 . Con\_cà\_con\_kê :

Nông\_dân ta thường reo hạt cà , hạt kê thành từng đám . Khi đến tuổi trồng , người\_ta nhổ lên , bó từng bó nhỏ gọi\_là con , rồi mới đem cấy ở ruộng . Công\_việc trồng cà , trồng kê rất lâu , rề\_rà , vì phải tách ra từng cây giống trước khi cấy vào luống . Vì\_vậy thành\_ngữ này thường dùng với từ “ kể\_lể con\_cà\_con\_kê suốt cả buổi ” để chỉ thói\_quen nói dai , kể\_lể dài\_dòng , hết chuyện này đến chuyện khác .

69 . Có công mài sắt có ngày nên kim :

Đây là một câu tục\_ngữ rất phổ\_biến , khuyên mọi người phải có ý\_chí bền\_bỉ , kiên\_nhẫn thì dù việc khó đến đâu cũng thành\_công .

Chuyện xưa kể rằng Lí Bạch thuở nhỏ hay ham chơi , ít chịu\_khó học\_hành . Một hôm , cậu thấy một bà\_già đang ngồi bên tảng đá để mài một thanh sắt . Cậu hỏi thì bà trả\_lời : “ Mài thanh sắt để làm thành cái kim khâu cháu ạ ! ” Cậu hỏi : “ Liệu hôm\_nay có xong không hả cụ ? ” Bà\_già trả\_lời : “ Hôm\_nay không xong thì ngày\_mai mài tiếp . Tháng này không xong thì tháng sau mài tiếp ” .

Thấy vậy , Lí Bạch chợt hiểu ra và từ đó dốc tâm học\_tập . Về sau , Lí Bạch học giỏi , trở\_thành một nhà\_thơ nổi\_tiếng đời Đường\_Trung\_Quốc .

70 . Công\_dã\_tràng :

Dã\_tràng là một con vật nhỏ , giống hình con cáy , chạy rất nhanh , sống ở bãi cát ven biển . Dã\_tràng thường dùng hai càng để xe\_cát và ăn các chất hữu\_cơ có trong cát . Cát bị xe thành từng viên nhỏ như hạt đu\_đủ , mỗi khi có sóng biển tràn lên thì tan ra hết . Vì\_vậy mọi người cho rằng dã\_tràng làm một việc vô\_ích . Ca\_dao có câu :

Dã\_tràng\_xe\_cát biển\_Đông

Nhọc\_lòng mà chẳng nên công\_cán gì .

Từ đó , thành\_ngữ này dùng để chỉ một việc\_làm phí công\_sức mà không có\_ích\_lợi .

Cổ\_tích của ta cũng có chuyện Dã\_Tràng có viên ngọc nghe được tiếng\_nói\_của chim . Sau viên ngọc bị Long\_vương lấy mất nên Dã\_Tràng cứ ở ven biển đào cát để tìm lại viên ngọc .

71 . Công như công\_cốc :

Cốc là một loài chim mình đen như quạ , có tài lặn dưới nước để bắt cá . Nhiều người\_dân chài đã thuần\_dưỡng cốc để kiếm cá cho chủ . Học cho Cốc đeo một chiếc vòng bằng ddoongfowr cổ. Hễ mò được\_cá nhỏ , cốc có\_thể nuốt được . Nhưng nếu bắt được\_cá to , cốc đành chịu . Chủ nuôi sẽ được\_cá to đem bán . Thành\_ngữ này nói\_lên ý tốn công\_sức mà không được hưởng thành\_quả .

72 . Của người bồ\_tát , của mình lạt buộc :

Vế thứ hai “ của mình lạt buộc ” thì ai cũng hiểu và giữ khư\_khư , không chịu rời cho ai đồng nào . Nhưng còn vế đầu “ của người bồ\_tát ” thì bồ\_tát nghĩa là gì ? Có nhiều cách giải\_thích khác nhau .

1 . Theo trong kinh Phật , bồ\_tát là bậc tu\_hành đã đắc\_đạo , có\_thể lên\_ngôi như Phật nhưng vẫn náu lại nơi hạ\_giới để cứu\_nhân\_độ thế . Ông Bồ\_Tát rất phóng\_tay cứu\_giúp mọi người .

2 . Có người cho rằng bồ\_tát là nói chệch của từ bố tát . Bố từ Hán có nghĩa là tung ra ( như trong bố\_thí ) . Tát từ Hán có nghĩa là buông\_thả ( bố tát là tháo tung ra ) . Dù giải\_thích cách nào thì nghĩa của vế đầu vẫn là : “ của người thì phung\_phí rộng\_rãi ” để đối\_lập với vế sau là bo\_bo giữ cảu mình .

73 . Cữ gió tuần mưa :

Theo cách chia thời\_gian ngày\_trước , một cữ là 7 ngày , một tuần là 10 ngày . Ngày\_nay vẫn còn nói “ Chị ấy mới ở\_cữ ” , tức mới sinh con được một\_vài cữ . Một tháng chia ra ba tuần : thượng thần ( 10 ngày đầu tháng ) , trung\_tuần ( 10 ngày giữa tháng ) , hạ\_tuần ( 10 ngày cuối tháng ) .

Câu này nói ý nhớ người\_thân đi xa vất\_vả .

Não người cữ gió tuần mưa

Một ngày nặng\_gánh tương\_tư một ngày

( Truyện Kiều )

74 . Cười\_như\_nắc\_nẻ :

Nắc\_nẻ là loại côn\_trùng hình như con bướm , ban\_đêm hay bay vào nơi thắp đèn , luôn đập cánh , xè\_xè trên vách . Thành\_ngữ này ý nói cười liên\_tiếp không dứt. ( Có sách giải\_nghĩa cười giòn\_giã là không chính\_xác ) .

75 . Cưỡi ngựa\_xem\_hoa :

Câu này có nghĩa là qua\_loa , đại\_khái , không tìm\_hiểu kĩ . Sở\_dĩ có thành\_ngữ này cũng là do câu\_chuyện sau : Một chàng công\_tử chân bị què muốn đi xem\_mặt vợ . Không ngờ cô vợ tuy đẹp nhưng bị sứt môi . Người làm\_mối cho chàng công\_tử cưới ngựa đi qua cổng và dặn cô\_gái đứng ở cổng , tay cầm bong ho ache miệng . Hai bên đồng\_ý kết\_hôn . Khi cưới mới biết các tật của nhau .

76 . Ba voi\_không được\_bát\_nước\_xáo :

Trong nhiều từ\_điển đều giải thíchnghĩa là “ nói\_khoác , không đúng sự\_thật ” , hoặc “ huênh\_hoang , hứa nhiều nhưng không làm đúng như lời đã hứa ” .

Cơ\_sở cho cách hiểu trên là sự tương\_phản về khối\_lượng . Một bên là voi , một loài thú rất lớn ( thậm\_chí là ba voi , hoặc mười voi để tăng về khối\_lượng ) và một bên là bát\_nước\_xáo , một lượng rất ít . Đó là\_nghĩa\_bóng của thành\_ngữ này .

Không một người Việt nào hiểu sai thành\_ngữ trên ( ví\_dụ hiểu thịt voi\_không ngon cho\_nên nước\_xáo nhạt ) . Nhưng về nghĩa\_thực ( nghĩa\_đen ) thì\_ít người hiểu rõ . Trong bài “ Kể chuyện về loài voi ” của Bá Thành ( Tuần tin\_tức số 15-1993 ) có một thông\_tin rất đáng chú\_ý : “ Thịt voi là loại thịt săn , chắc , đặc\_biệt là thịt ở vòi . Khi nấu\_thịt voi dù có đổ nhiều nước , thịt nở ra vẫn hút hết\_nước ” . có\_lẽ nhờ tính\_chất hút rất nhiều nước của thịt voi mà chúng\_ta hiểu rõ thêm về nghĩa\_đen của thành\_ngữ này vì đã mấy\_ai được ăn thịt voi , luộc thịt voi mà biết rõ .

( Theo Hà Quang\_Năng )

77 . Bán chỗ nằm , mua chỗ ngồi :

Câu này cũng gần nghĩa với câu “ Bán gia\_tài mua danh\_phận ” . ngày\_trước , ở nông\_thôn , người\_ta chuộng chỗ ngồi ở chốn đình\_trung khi hợp làng . Nhiều người bỏ tiền mua một chức Nhiêu , chức Xã để có một chỗ ngồi , rồi lại phải khao\_vọng tốn\_kém . Vì\_thế có người phải bán cả\_nhà , đất để có một danh\_vị hão . Chỗ nằm tức\_là nơi nhà\_ở , chỗ ngồi tức\_là góc chiếu nơi đình\_trung .

78 . Bạn tri\_âm :

Tri\_âm nghĩa là hiểu được tiếng đàn , nghĩa rộng là hiểu được long mình . Tong truyện “ Kim\_cổ kì quan ” của Trung\_Quốc có ghi lại một tình bạn hiếm có giữa Bá Nha và Chung Tử Kì . Bá Nha làm quan , một lần đi thuyền về quê , ghé đậu vào một bến sông . Trong đêm trăng , Bá Nha đem đàn ra gảy.Vừa lúc đó , Tử Kì đi qua , nghe tiếng đàn liền dừng lại . Thấy có người mải\_mê nghe tiếng đàn , Bá Nha liền mời xuống thuyền . Tử Kì là người sành nghe đàn . Khi Bá Nha nghe đến núi cao thì Tử Kì khên. “ Cao vòi\_vọi như núi Thái Sơn ” . Khi Bá Nha nghe đến sông\_nước thì Tử Kì khen “ mênh\_mông như Trường\_Giang , Hoàng Hà ” .

Thấy có người hiểu sâu được tiếng đàn của mình , Bá Nha liền kết làm an hem và hỏi về gia\_cảnh . Tử Kì thưa còn có mẹ\_già nên hàng ngày phải đi đốn củi để bán lấy tiền nuôi mẹ . Bá Nha từ\_biệt Tử Kì để xuôi thuyền về quê và hẹn một tháng sau , khi trở\_lại nhiệm\_sở sẽ nghé thăm . Đến hẹn , Bá Nha tìm đến thì Tử Kì đã qua\_đời , chỉ còn mẹ\_già . Bá Nha mời mẹ Tử Kì về ở với gia\_đình mình và phụng\_dưỡng rất chu\_đáo . Từ ngày Tử Kì mất , Bá Nha treo đàn vì mất bạn tri\_âm .

Thành\_ngữ của ta còn có các câu nói về tình bạn như “ bạn cố\_tri ” ( bạn hiểu nhau từ lâu ) , “ bạn\_nối\_khố ” ( bạn từ thuở hàn\_vi chia nhau cả cái khố vải ) .

79 . Bầu\_dục chấm nước cáy ( chấm\_mắm\_cáy ) :

Bàu dục là món ăn ngon và bổ trong bộ lòng lơn . Nước cáy là thứ nước\_mắm ướp bằng con cáy , thường nặng\_mùi , có sắc đục , chấm không ngon . Bầu\_dục mà đem chấm nước cáy thì phí mất\_cả chất ngon của bầu\_dục .

Đại\_ý câu này nói\_lên hai đối\_tượng không phù\_hợp , không cân\_xứng . Cũng còn có ý chê người có miếng ngon mà không biết cách ăn .

Câu này thường bị nói lầm là “ dùi\_đục\_chấm nước cáy ” .

80 . Bạo hổ bằng hà :

Thực\_ra phải nói là bạo hổ băng\_hà . Bạo hổ là tay\_không bắt hổ , băng\_hà là không có thuyền mà dám vượt qua\_sông lớn . Thành\_ngữ này ý nói táo\_bạo nhưng mạo\_hiểm .

81 . Bằng cái sẩy nẩy cái\_ung :

Sẩy là nốt rôm nhỏ nổi trên da . Nếu không biết giữ\_gìn thì có\_thể trở\_thành cục to nguy\_hiểm ( cái\_ung , cái nhọt ) . Câu này khuyên ta đừng\_có coi\_thường việc nhỏ hoặc để chỉ một tai\_nạn lớn từ việc nhỏ gây nên .

82 . Bĩ\_cực\_thái\_lai :

Kinh dịch có 64 quẻ , trong đó có quẻ bĩ và quẻ thái . Quẻ bĩ tượng\_trưng cho sự bế\_tắc , không thuận\_lợi , quẻ thái tượng\_trưng cho sự thuận\_lợi , hanh\_thông . Đây cũng là một quan\_điểm biện\_chứng , lạc\_quan . Khi nào sự bế\_tắc đến\_cùng\_cực ( bĩ\_cực ) thì sự hanh\_thông , thuận\_lợi sẽ tới ( thái\_lai ) . Câu này nói ý hết khổ đến sướng , giống như câu “ khổ\_tận\_cam\_lai ” ( khổ là đắng , cam là ngọt , hết thời cay\_đắng thì đến thời ngọt\_bùi ) .

83 . Bố\_vợ là vớ cọc\_chèo :

Trong tiếng Việt hiện\_đại , vớ là danh\_từ có nghĩa là bít\_tất ( miền Nam vẫn dùng ) , vớ là động từ có nghĩa là tóm được , níu lấy. ( chết\_đuối\_vớ\_được\_cọc , nạ\_dòng vớ\_được trai tơ ) .

Cả hai nghĩa trên đều không khớp với câu tục\_ngữ này . Vớ trong câu tục\_ngữ là từ cổ , hiện\_nay chỉ một\_số vùng còn dùng như ở Tam Kì ( Quảng\_Nam ) . Vớ là một vật kết bằng thừng , giống hình số 8 , một\_nửa lồng vào mái\_chèo còn nửa kia lồng vào khấc ở đầu cọc\_chèo . Nếu không có cái vớ thì không chèo được , nếu buộc\_chặt mái\_chèo vào cọc\_chèo cũng không chèo được . Câu này có nghĩa\_là : tình\_cảm giữa bố\_vợ và chàng rể dù có buộc nhưng không\_chặt\_chẽ , khăng\_khít như con\_đẻ . Ý này rất hợp với câu thứ hai “ Mẹ vợ là bèo\_trôi\_sông ” .

Bèo\_trôi\_sông cũng kết thành mảng nhưng kết không\_chặt , sóng to gió cả cũng dễ tan .

Từ câu tục\_ngữ trên nên mới có từ “ bạn cọc\_chèo ” để chỉ hai anh rể lấy hai chị\_em ruột ( bạn đồng\_hao ) .

84 . Bợm\_già\_mắc\_bẫy\_cò\_ke :

Bẫy\_cò\_ke là loại bẫy thô\_sơ dùng để bẫy chim . Bẫy bằng tre , có cần và lẫy . Mồi gắn với lẫy . Hễ chim ăn mồi thì lẫy bật ra và cần tre sẽ sập xuống .

Bợm\_già là những tay lọc\_lõi trong nghề lừa\_đảo , thế mà có\_khi còn mắc\_bẫy , mắc những mưu lừa tầm\_thường vì thiếu cảnh\_giác .

( Cò\_ke có nhiều cách giải\_thích . Cò\_ke là một loại quả dùng làm mồi . Cò\_ke là chiếc cò có lẫy ) .

85 . Vén\_tay\_áo\_sô\_đốt\_nhà tang giấy

Áo\_sô là\_áo của người có đại\_tang ( tang bố\_mẹ ) , nhà tang giấy là nhà làm\_bằng giấy có khung bằng nứa để đậy trên quan\_tài khi làm lễ tang . Khi ra đến huyệt , sau khi chôn\_cất xong , người\_ta thường đốt\_nhà tang giấy . Vén\_tay\_áo\_sô thì không khó gì vì áp sô bằng vải mỏng và rộng tay . Đốt\_nhà tang giấy cũng rất dễ . Câu này ý nói làm một việc rấ dễ\_dàng chóng xong. ( Thời xưa , chỉ nhà giàu mới làm nhà tang giấy . Các nhà thường\_dân dùng chung nhà tang bằng gỗ của phe\_giáp ) .

86 . Vênh\_váo\_như khố rợ phải lấm

Câu này thường bị nói nhầm thành “ Vênh\_váo\_như\_bố\_vợ\_phải\_đấm ” .

Ngày\_trước , nhiều người nghèo đến mức không có vải để đóng khố , phải dùng vỏ một loại cây , ngâm nước rồi đập thành mảng cho mềm để đóng khố ( chăn sui khố rợ ) . Đóng khố có yêu\_cầu là kín hai bên nhưng khố rợ khi lấm bùn thì không mêm fnhuw vải mà cứng lại , tạo nên sự vênh\_váo .

Trong một cuộc tọa\_đàm ở Viện\_khoa\_học Giáo\_dục ( 1965 ) , nhà\_văn Nguyễn\_Công Hoan cũng tán\_thành cách giải\_thích này nhưng ông còn nói thêm câu “ Vênh\_váo\_như\_bố\_vợ cậu\_ấm ” . Cậu\_ấm là con quan , người được thông\_gia với quan cũng dễ lên mặt , dễ vênh\_váo với thiên\_hạ lắm chứ . Chúng\_tôi xin nêu để bạn\_đọc tham\_khảo thêm .

87 . Vung\_tay\_quá chán

Vung là động từ chỉ hoạt\_động nhanh , mạnh khi ném một vật gì . Vung còn đi với các từ vung\_vãi , vung\_phí .

Quá chỉ\_ý vượt quá hơn mức bình\_thường như thái\_quá , quá\_trớn . Thành\_ngữ này nói\_lên sự vung\_phí tiền của thái\_quá so với mức cần\_thiết và có nhiều đặc\_điểm chung với thành\_ngữ “ Ném\_tiền\_qua\_cửa\_sổ ” . Song thành\_ngữ Vung\_tay\_quá chán có ý\_nghĩa và cách dùng rộng hơn nghĩa là không\_chỉ nói về chi\_tiêu hoang\_phí mà\_còn nói về bất\_kì sự chi\_dùng hoang\_phí nào .

88 . Xắn tay quai\_cồng

Cồng là một loại chiêng nhỏ dùng để làm hiệu\_lệnh . Quai\_cồng thường là loại dây thừng to và bề . Khi đánh , một tay\_xách quai , một tay dùng để gõ vào mặt cồng . Người phụ\_nữ xưa mặc váy dài . Khi làm\_việc , họ phải buộc một dây thừng vào bụng và giắt cặp váy vào dây cho váy cao lên khoảng đầu\_gối để đỡ vướng .

Thành\_ngữ này dùng để chỉ những người phụ\_nữ tháo\_vát , lam\_lũ . Cũng có\_khi dùng chỉ những người phụ\_nữ đanh\_đá .

Nhà\_thơ Nguyễn Khuyến trong câu\_đối khóc vợ cũng có hình\_ảnh này : “ Nhớ bà xưa , xắn tay quai\_cồng , chân\_đăm\_đá\_chân\_chiêu , vì tớ đỡ\_đần trong mọi việc ” .

89 . Xấu như ma\_lem

Ở Trung\_Quốc ngày\_xưa có 4 người đẹp và 5 người xấu được ghi trong sử\_sách và truyền vào nước ta .

Bốn người đẹp là : Tây Thi ( đòi Xuân\_Thu ) , Chiêu Quân ( đời Hán ) , Điêu Thuyền ( đời Tam Quốc ) , Dương Quý\_Phi ( đời Đường ) .

Năm người xấu nhất nước là : Mô Mẫu ( vợ hoàng\_đế Trung\_Hoa cổ\_đại )

Chung Vô Diệm ( vợ vua Tề Tuyên Vương thời\_Chiến Quốc ) .

Mạnh Quang ( vợ danh\_sĩ Lương Hồng đời Hậu Hán )

Nguyên nữ ( vợ danh\_sĩ Hứa Doãn đời Đông Tấn ) .

Hoàng Thi ( vợ Khổng Minh Gia Cát Lượng ) .

Trong số này , Chung Vô Diệm là xấu nhất . Bà chính họ là Chung Li , tên là Xuân , người đất Vô Diệm , tỉnh Sơn Đông ( chính bà này được người\_đời gọi xấu như ma\_lem ) .Sách xưa ghi lại hình\_dáng bà như sau : tóc đỏ , mắt\_xanh , môi dày , miệng rông , bụng phệ , lưng gù , da sạm .

Tại\_sao Tề Tuyên Vương lại lấy bà này làm chính phi ? Bà rất tài\_trí tinh\_thông văn\_võ . Năm 40 tuổi , bà xin gặp\_mặt vua . Chỉ trong một buổi đối\_thoại , Tề Tuyên Vương đã bị thuyết\_phục . Khi nhà\_vua hỏi về việc nước ba fthuwa “ Nước Tề bị nước Tấn uy\_hiếp ở phía tây , nước Sở uy\_hiếp ở phía nam , đó là nguy\_cơ thứ nhất . Nhà\_vua làm nhọc sức dân , hao\_tiền\_tốn\_của , đó là nguy\_cơ thứ hai/ Trong triều hiếm người hiền , trọng kẻ nịnh , đó là nguy\_cơ thứ ba . Đấng quân\_vương ham\_mê tửu\_sắc , không sửa\_sang chính\_trị trong nước , đó là nguy\_cơ thứ tư ” .

Trước những lời thẳng\_thắn , cương\_trực của Chung Li , Tề Tuyên Vương đã bừng tỉnh và nói : “ Nếu không có lời\_nói\_của nhà\_ngươi thì quả\_nhân không bao\_giờ biết được lỗi\_lầm của mình ” . Vua liền lập Chung Vô Diện làm chính phi để giúp mình trông\_coi việc nước .

Câu\_chuyện này nhập vào nước ta cũng có ý sâu\_xa , vì bà này tuy nhung nhan xấu nhưng công , ngôn , hạnh lại nổi\_bật .

90 . Xập\_xí\_xập\_ngầu

Đây là một thành\_ngữ gốc Hán , do Hoa kiều ở Quảng Đông , Phúc Kiến dùng và đã nhập vào kho thành\_ngữ tiếng Việt .

Hoa Kiều phát\_âm là “ xập\_xí\_xập\_ngầu ” nhưng nếu đọc theo âm Hán Việt là “ tập tứ thập ngũ ” ( mười bốn mười lăm ) . Nghĩa của thành\_ngữ này là : mười bốn nói là mười lăm , mười lăm nói là mười bốn , không minh\_bạch rõ\_ràng . Tiếng Việt có từ “ ù xịa ” cũng dùng để chỉ khái\_niệm này .

Từ\_ngữ gốc Hán đọc theo âm Quảng Đông có khá nhiều .

Ví\_dụ :

– Lục tàu sá ( lục đậu sa = chè\_đậu\_xanh ) .

– Mì\_chính ( vị tinh = một loại tinh\_chất dùng làm gia\_vị ) .

– Bát bảo lường xà ( bát bảo lương trà = một loại trà chế bằng 8 vị thuốc quý ) .

Hình\_ảnh loài vật trong thành\_ngữ

Trong tiếng Việt , nhân\_dân ta thường mượn hình\_tượng các con vật để tả vẻ xấu , đẹp , tính lành dữ của con\_người . Lối so\_sánh này giàu tính nghệ\_thuật và trí\_tưởng\_tượng là cho tiếng Việt thêm giàu , thêm đẹp .

1 . Muốn thể\_hiện vẻ xấu đẹp về diện\_mạo , ta thường nói : mắt\_bồ\_câu , mày\_ngài\_mắt\_phượng , ti\_hí mắt lươn , trơ\_mắt éch , tròn\_xoe như mắt ốc\_nhồi , trắng\_dã như mắt lợn luộc , đỏ\_hoe như mắt\_cá\_chày , lông\_mày sâu\_róm , mũi sư\_tử , dô như trán khỉ , mồm cá\_ngão , mồm\_loa\_mép\_giải , nhăn như khỉ ăn gừng , mặt dài như mặt ngựa …

2 . Muốn thể\_hiện\_hình\_dáng , ta thường nói : gầy như xác\_ve , béo như lợn\_ỉ , thắt\_đáy\_lưng o­ng , mình cá\_trắm , gù lưng tôm , đùi dế , cổ cò , chân dài như chân sếu , to như chân\_voi , tay dài như vượn , đen như quạ , béo như cun\_cút …

3 . Muốn thể\_hiện tính\_nết , phong\_cách , ta thường nói : nhanh như sóc , chậm như rùa , yếu như sên , khỏe như trâu , mạnh như hổ , hôi như cũ , hôi như chuột\_chù , dốt như bò , chữ như gà bới , lủi như cuốc , ngu như lợn , học như cuốc kêu mùa\_hè , thẳng như ruột\_ngựa , dai như\_đỉa đói , ngang như\_cua …

4 . Hình\_ảnh loài vật còn được dùng để thể\_hiện hoàn\_cảnh\_đời\_sống